



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM

THÂN
N
THẾ
HÀ

Digitally signed by THÂN
THẾ HÀ
DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Đồng Đa, O=Tổng công
ty CP XNK và Xây dựng
Việt Nam VINACONEX,
OU=Công bố thông tin,
T=Người được Ủy quyền
công bố thông tin,
CN=THÂN THẾ HÀ,
OID.0.9.2342.19200300.10
0.1.1=CMND:011807873
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2018-04-20 17:23:09

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



XÂY NHỮNG GIÁ TRỊ, DỰNG NHỮNG ƯỚC MƠ
(1988 - 2018)



Xây những giá trị, dựng những ước mơ

Chi đạo thực hiện:

Đỗ Trọng Quỳnh - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty CP Vinaconex

Bộ phận biên tập và thiết kế:

Tiểu ban Thư ký - Tổng hợp Tổng công ty CP Vinaconex

Nội dung:

Ban Tài chính - Kế hoạch
Ban Quản lý và giám sát đầu tư tài chính
Ban Xây dựng
Trung tâm Đấu thầu và Quản lý dự án
Ban Đối ngoại - Pháp chế
Ban Đầu tư
Ban Kiểm soát
Ban Phát triển nhân lực
Văn phòng

Ghi chú: Một số hình ảnh trong báo cáo được lấy từ nguồn internet.

MỤC LỤC

01 | Thông tin chung - 10

Thông tin khái quát

Lịch sử hình thành và phát triển

Các sự kiện nổi bật năm 2017

Lĩnh vực kinh doanh

Các giải thưởng trong năm

Cơ cấu tổ chức

Các công ty thành viên

Định hướng chiến lược phát triển

Phân tích rủi ro

02 | Hoạt động kinh doanh - 38

Kết quả hoạt động SXKD năm 2017

Tổ chức nhân sự

Chính sách người lao động

Các khoản đầu tư lớn

Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Các chỉ tiêu tài chính

Cơ cấu cổ đông



03 | Báo cáo của Ban điều hành - 68

04 | Quản trị doanh nghiệp - 78

05 | Báo cáo phát triển bền vững - 96

06 | Báo cáo tài chính - 108



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT & TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG NGUYỄN ĐỨC CHI
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa quý vị cổ đông,

Năm 2017, mặc dù còn nhiều biến động phức tạp, kinh tế thế giới đã có sự phục hồi mạnh mẽ nhờ sự phát triển bền vững của đầu tư toàn cầu, tăng trưởng tiêu dùng cá nhân, sự cải thiện của thị trường lao động, giá dầu thế giới hồi phục... Đối với nền kinh tế Việt Nam, năm 2017 đã khép lại với thắng lợi trên nhiều phương diện, tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 6,81%, cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây. Trong bối cảnh đó, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT nhiệm kỳ mới, cùng với định hướng “Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ, nâng cao thương hiệu” của Ban Tổng giám đốc điều hành và sự phấn đấu của tập thể người lao động, VINACONEX và các đơn vị thành viên đã tiếp tục có những bước đi vững chắc trên con đường phát triển, đóng góp đáng kể cho quá trình tăng trưởng của nền kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, hạ tầng, sản xuất công nghiệp – vật liệu xây dựng của nước ta trong năm 2017.

Trong hoạt động xây lắp, trước sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn và các công ty nước ngoài, VINACONEX vẫn tiếp tục duy trì hoạt động xây lắp phát triển ổn định, chất lượng, tiến độ thi công được đảm bảo, công tác an toàn lao động được chú trọng. Việc thành lập Công ty TNHH MTV Vinaconex CM thuộc sở hữu 100% vốn của Tổng công ty là điểm nhấn quan trọng trong lộ trình đưa thương hiệu xây dựng VINACONEX trở lại nhóm doanh nghiệp dẫn dắt thị trường xây lắp trong nước.

Trong hoạt động kinh doanh bất động sản, ngoài việc tiếp tục phát huy hiệu quả công tác kinh doanh sau đầu tư tại các dự án cũ, Tổng công ty đã tích cực triển khai việc tìm kiếm, hợp tác với các đối tác để phát triển các dự án mới và bước đầu đã thu được những kết quả khả quan. Các dự án hiện có (97-99 Láng Hạ, 25 Nguyễn Huy Tưởng, Vinata 2B...) được thực

hiện đúng tiến độ. Việc tái khởi động lại dự án Bắc An Khánh thông qua việc thực hiện khu biệt thự BT5 đã mang lại nguồn lợi nhuận lớn và tạo ra sức hút trở lại đối với tổng thể dự án.

Đặc biệt, về hiệu quả kinh doanh chung năm 2017, VINACONEX đã đạt doanh thu 4.480,7 tỷ đồng (bằng 108,9% kế hoạch), lợi nhuận sau thuế đạt 1.068,9 tỷ đồng (bằng 241,0% kế hoạch), cổ tức đạt 12% (bằng 120% kế hoạch; các chỉ số hiệu quả được cải thiện mạnh mẽ. Với kết quả kinh doanh ấn tượng, VINACONEX tiếp tục giữ vững vị trí của một trong các doanh nghiệp hiệu quả hàng đầu của ngành xây dựng.

Với việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD năm 2017 được ĐHĐCD giao, cùng với những diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam, cổ phiếu VCG của VINACONEX trong năm 2017 đã có những đợt tăng giá “vượt đỉnh” trong nhiều năm trở lại đây, tăng 1,6 lần từ 13.500 đồng/cổ phiếu (thời điểm 31/12/2016) lên 21.800 đồng/cổ phiếu (thời điểm 31/12/2017). Chỉ số P/E của cổ phiếu VCG đạt 7,45 lần cho thấy sức kì vọng lớn của cổ đông, nhà đầu tư đối với giá trị cổ phiếu VCG và tiềm năng phát triển của Tổng công ty, đồng thời gia tăng lợi nhuận cho quý vị cổ đông đã đồng hành cùng sự phát triển của VINACONEX trong suốt thời gian qua.

Con người là nguồn tài sản vô giá, là sức mạnh của VINACONEX

Trong các năm tới, sự tăng trưởng của Tổng công ty sẽ tiếp tục dựa trên sức mạnh về con người, được dẫn dắt bởi đội ngũ lãnh đạo trình độ, kinh nghiệm, gắn bó lâu năm với nghề. Nhân sự trẻ liên tục được tuyển dụng và được đào tạo, tạo điều kiện được cọ xát qua nhiều vị trí để rèn luyện sự thích nghi với môi trường kinh doanh năng động và khuyến khích bộc lộ hết khả năng của mình. Với sức cống hiến, lao động sáng tạo không giới hạn của con người VINACONEX, chúng tôi tin rằng VINACONEX sẽ nhanh chóng đạt được tất cả các mục tiêu phát triển đề ra.

ÔNG ĐỖ TRỌNG QUỲNH
PHÓ BÍ THƯ ĐẢNG ỦY, THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC



Kính thưa quý vị cổ đông,

Năm 2018 đánh dấu sự kiện kỷ niệm 30 năm thành lập VINACONEX (27/9/1988 – 27/9/2018). 3 thập kỷ qua là quãng thời gian chứng kiến nhiều biến động, thăng trầm của lịch sử đất nước nói chung và của ngành xây dựng nói riêng. VINACONEX từ xuất phát điểm là một doanh nghiệp được Bộ Xây dựng thành lập để tiếp nhận, quản lý lao động ngành xây dựng của Việt Nam ở nước ngoài về nước do biến động chính trị tại các nước Đông Âu, hiện nay đã trở thành một thương hiệu của ngành xây dựng với sức lan toả khắp cả nước, đóng góp cho xã hội hàng nghìn công trình/dự án có giá trị như khu đô thị Trung Hòa - Nhân Chính, Đại lộ Thăng Long, hệ thống cấp nước sạch sông Đà – Hà Nội, Bảo tàng Hà Nội. Trong quá trình xây dựng và phát triển, có những lúc VINACONEX phải đối mặt với những khó khăn thách thức tưởng chừng như không thể giải quyết được. Nhưng cũng chính trong những thời điểm đó, VINACONEX đã có những quyết sách táo bạo, sáng suốt để vươn lên phát triển một cách mạnh mẽ, xây dựng thành công một thương hiệu uy tín hàng đầu trong ngành xây dựng Việt Nam.

Bước sang năm 2018, trong bối cảnh chung còn nhiều thách thức, HĐQT và Ban Tổng giám đốc VINACONEX sẽ tiếp tục tập trung mọi nguồn lực để hiện thực hóa những mục tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt, hướng tới mục tiêu xây dựng VINACONEX tiếp tục phát triển bền vững, đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành xây dựng nước nhà. Trên cơ sở tiếp tục kiên định với định hướng “Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ, nâng cao thương hiệu”, thực hiện phương châm “Sáng tạo – Trách nhiệm – Hiệu quả”, VINACONEX sẽ tập trung thực hiện các giải pháp chủ đạo gồm: (i) Kiên định với mục tiêu phát triển hai lĩnh vực cốt lõi là xây dựng và đầu tư kinh doanh bất động sản, (ii) Tiếp tục ổn định và nâng cao năng lực tài chính

(iii) Đẩy mạnh hoạt động tái cấu trúc doanh nghiệp (iv) Sắp xếp kiện toàn tổ chức và đổi mới công tác quản trị điều hành, (v) Đẩy mạnh hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, (vi) Tăng cường công tác quản trị rủi ro, (vii) Nâng cao công tác quản trị thương hiệu, quan hệ cổ đông, (viii) Đầu tư phát triển hai công ty nòng cốt là VINACONEX CM và VINACONEX INVEST, (ix) Không ngừng cải tiến công tác quản trị, điều hành theo nguyên tắc “Rõ người – Rõ việc – Rõ trách nhiệm – Rõ hiệu quả – Rõ quy trình”. Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể gần 20.000 cán bộ nhân viên trong toàn hệ thống sẽ quyết tâm vượt qua những khó khăn, thử thách, nắm bắt cơ hội để phát triển cả về quy mô, chất lượng, hiệu quả; xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của các cơ quan quản lý, của các cổ đông, các nhà đầu tư; hoàn thành thắng lợi mọi chỉ tiêu SXKD được ĐHĐCĐ đề ra

Thay mặt tập thể cán bộ công nhân viên VINACONEX, chúng tôi xin gửi lời cảm ơn trân trọng nhất đến Quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng đã luôn tin tưởng, ủng hộ và đồng hành cùng chúng tôi trong suốt những năm qua. Chúng tôi coi sự ủng hộ này vừa là động lực, vừa là trách nhiệm để đưa VINACONEX từng bước vươn lên và trở lại nhóm doanh nghiệp dẫn dắt thị trường xây dựng Việt Nam.

Chúc tất cả các quý vị một năm thành công, thịnh vượng, và mong đợi được tiếp tục đồng hành cùng tất cả các quý vị trong suốt những chặng đường phía trước.

Chủ tịch HĐQT**Tổng giám đốc****Nguyễn Đức Chi****Đỗ Trọng Quỳnh**





PHẦN 01

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT





TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM (VINACONEX)

Tên giao dịch quốc tế: **VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT-EXPORT JOINT STOCK CORPORATION (VINACONEX)**

Tên viết tắt: **VINACONEX.,JSC**

Mã cổ phiếu: **VCG** (niêm yết tại Sở GDCK Hà Nội)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Số **0100105616** do Sở Kế hoạch đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 01/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 23/10/2015

Trụ sở chính: **Tòa nhà Vinaconex**, 34 Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam

Ngày thành lập: 27 - 09 -1988

Vốn điều lệ: **4.417.106.730.000 đồng**

Vốn chủ sở hữu: **7.858.079.691.983 đồng** (tại ngày 31/12/2017)

Điện thoại: **(84-24) 62849234**

Fax: **(84-24) 62849208**

Email: **info@vinaconex.com.vn**

Website: **www.vinaconex.com.vn**



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

VINACONEX đón nhận danh hiệu Anh hùng lao động vào năm 2008



20/11/1995

Đổi tên thành Tổng công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam hoạt động đa doanh trong các lĩnh vực như xây lắp, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ ngành xây dựng và các ngành kinh tế khác; đưa lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài; đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất xây dựng, và các ngành kinh tế khác.

27/9/1988

Công ty dịch vụ và xây dựng nước ngoài được thành lập để quản lý hơn 13.000 cán bộ, công nhân ngành xây dựng làm việc ở các nước Bungaria, Nga, Tiệp Khắc, Liên Xô cũ, Iraq.

Công ty dịch vụ và xây dựng nước ngoài chuyển đổi thành Tổng công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và xuất khẩu lao động ra nước ngoài.

10/8/1991

2006

Dự án Khu Đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính là dự án đô thị lớn nhất và đầu tiên của Tổng công ty Vinaconex, nằm ở thủ đô Hà Nội. Khu đô thị mới Trung Hòa Nhân Chính là một khu đô thị điển hình của Hà Nội, mang dáng dấp của các khu đô thị tại các nước phát triển, do Vinaconex đầu tư, tự thiết kế và thi công nằm ở phía Tây nam thủ đô, với tổng diện tích đất trên 30 ha.

06/12/2016

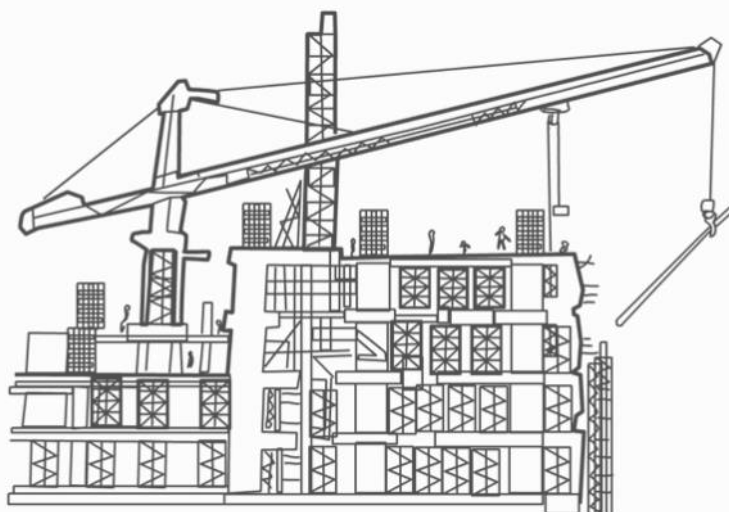
Ra mắt 02 doanh nghiệp mạnh của Tổng công ty trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản, trong đó Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ, gồm Công ty TNHH MTV VINACONEX Xây dựng (VINACONEX CM) và Công ty TNHH MTV VINACONEX Đầu tư (VINACONEX INVEST).

Cổ phiếu của Tổng công ty VINACONEX (mã VCG) chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

05/9/2008

Là Tổng công ty nhà nước đầu tiên thí điểm cổ phần hóa theo chủ trương của Chính phủ, hoạt động đa doanh trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản, xây lắp, tư vấn đầu tư - thiết kế - khảo sát quy hoạch, kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư phục vụ ngành xây dựng và các ngành kinh tế khác, sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng, xuất khẩu chuyên gia và lao động ra nước ngoài.

01/12/2006



CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT NĂM 2017



15/04

Công ty TNHH Thủy tinh pha lê BOHEMIA Hà Nội, đơn vị 100% vốn của Tổng công ty CP Vinaconex đã tổ chức Lễ động thổ và khởi công Dự án Tổ hợp Trung tâm thương mại trưng bày sản phẩm, văn phòng cho thuê và căn hộ tại số 25 Nguyễn Huy Tường, Thanh Xuân, Hà Nội. Dự án có tổng mức đầu tư trên 637 tỷ đồng. Dự kiến các sản phẩm căn hộ sẽ được chào bán ra thị trường vào quý IV/ 2017.



20/04

Tổng công ty VINACONEX đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 và nhiệm kỳ 2017 – 2022. Sau một thời gian làm việc nghiêm túc, trách nhiệm, các đại biểu tham dự đã nhất trí thông qua các nội dung quan trọng của Đại hội và bầu ra Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2017-2022. Ông Nguyễn Đức Chi đã được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty nhiệm kỳ 2017 - 2022. Ông Đỗ Trọng Quỳnh tiếp tục được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.



17/05

Công đoàn Xây dựng Việt Nam đã phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến lao động giỏi, lao động sáng tạo toàn quốc ngành Xây dựng năm 2016. Tập thể 16 gương mặt người lao động Vinaconex xuất sắc tham dự Hội nghị có 01 cá nhân được tặng Huân chương Lao động Hạng Ba; 02 cá nhân được tặng Bằng Lao động sáng tạo; 04 cá nhân được Bằng khen Bộ Xây dựng và 09 cá nhân được nhận Bằng khen của Công đoàn Xây dựng Việt Nam.



16/06

Công ty Liên doanh TNHH Phát triển đô thị mới An Khánh (công ty liên doanh giữa Vinaconex và Posco E&C) đã tổ chức Lễ khởi công xây dựng Khu biệt thự cao cấp Lakeside Splendor (BT5) – Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh. Đây là sự kiện đánh dấu bước ngoặt quan trọng và tạo ra điểm nhấn kiến trúc của dự án, góp phần hoàn thiện quy hoạch đô thị phía Tây nam của Thủ đô Hà Nội.

14/08

Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) tổ chức Hội nghị công tác đại diện vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Trong năm 2016 vừa qua, với sự góp sức của người đại diện đóng vai trò là lãnh đạo chủ chốt tại doanh nghiệp, VINACONEX đã đạt mức vượt kế hoạch doanh thu 14%. Tổng Giám đốc, UVHĐQT Đỗ Trọng Quỳnh và nguyên Chủ tịch HĐQT Vũ Quý Hà đã vinh dự được đón nhận Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng thành viên.



09/10

Liên danh Công ty CP bất động sản dầu khí và Tổng công ty CP Vinaconex đã tổ chức Lễ cất nóc dự án đầu tư xây dựng lại khu tập thể cũ 97 – 99 Láng Hạ. Tọa lạc trên diện tích hơn 4200 m2, dự án có tổng vốn đầu tư trên 800 tỷ đồng, bao gồm 27 tầng nổi, 1 tầng kỹ thuật và 3 tầng hầm. Sau hơn 20 tháng thi công, công trình đã hoàn thành toàn bộ phần xây thô.



16/11

SCIC đã phối hợp với Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Vinaconex và đơn vị tư vấn tổ chức roadshow: Giới thiệu cơ hội đầu tư cổ phần của SCIC tại Vinaconex. Buổi giới thiệu có sự tham dự của đại diện các cơ quan Nhà nước, Bộ Tài chính, các đơn vị có liên quan và trên 150 đại biểu đại diện cho các quỹ đầu tư, ngân hàng, tổ chức tín dụng, các nhà đầu tư trong và ngoài nước.



01/12

Thực hiện kế hoạch tái cấu trúc được Đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT và Ban điều hành TCT đã hoàn tất các thủ tục pháp lý cần thiết thành lập và tổ chức Lễ ra mắt 02 doanh nghiệp mạnh của Tổng công ty trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản, trong đó Tổng công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ đó là Công ty TNHH MTV VINACONEX Xây dựng (VINACONEX CM) và Công ty TNHH MTV VINACONEX Đầu tư (VINACONEX INVEST).



LĨNH VỰC KINH DOANH

VINACONEX đang được biết đến là một **nhà thầu xây lắp** hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam với năng lực thực hiện các dự án lớn trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật đô thị, giao thông, thủy lợi ... dưới các hình thức nhận thầu, tổng thầu xây lắp, tổng thầu EPC, được xác định là 1 trong 2 lĩnh vực then chốt. VINACONEX sẽ luôn tăng cường nguồn lực, đổi mới công nghệ, thiết bị để không ngừng nâng cao năng lực, đảm nhận thực hiện các dự án quy mô lớn và phức tạp hơn, tiếp tục khẳng định vị thế của VINACONEX trên thị trường.

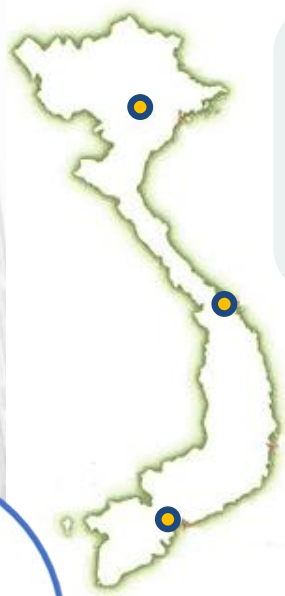
XÂY DỰNG

KINH DOANH

BẤT ĐỘNG SẢN

Kinh doanh bất động sản là một lĩnh vực có nhiều tiềm năng mang lại hiệu quả cao và được Vinaconex xác định là 1 trong 2 lĩnh vực kinh doanh trọng yếu, nhất là đối với một doanh nghiệp có năng lực về xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng. Hiện nay Vinaconex đang tập trung hoàn thành thủ tục để chuẩn bị triển khai một số dự án bất động sản tại Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành phố khác...





Địa bàn hoạt động của VINACONEX trải dài trên khắp mọi miền Tổ quốc. Trong đó, địa bàn hoạt động chính của VINACONEX chủ yếu tập trung tại 3 thành phố lớn là Hà Nội, Đà Nẵng và TP. Hồ Chí Minh.



TƯ VẤN THIẾT KẾ

Các giải pháp về **quy hoạch, thiết kế kiến trúc, kết cấu**... do VINACONEX đề xuất đều hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của cuộc sống, mang hơi thở thời đại cũng như đậm đà bản sắc dân tộc.



CÁC NGÀNH NGHỀ KHÁC

Gắn kết giữa kinh doanh bất động sản, tư vấn thiết kế và xây lắp, **sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng** là lĩnh vực trọng tâm trong các lĩnh vực hoạt động của VINACONEX. Các sản phẩm sản xuất công nghiệp và vật liệu xây dựng của VINACONEX là những sản phẩm thiết yếu đối với đời sống xã hội, hàm chứa yếu tố công nghệ cao, được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại và mang tính cạnh tranh trên thị trường.

CÁC GIẢI THƯỞNG TRONG NĂM



TOP 30

Doanh nghiệp thực hiện tốt quản trị công ty



TOP 10

Nhãn hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam 2017



TOP

Các doanh nghiệp có vốn nhà nước đạt mức tăng trưởng cao về doanh thu năm 2016



TOP 500

Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam

TOP 10

Doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong ngành nghề Xây dựng nhà, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.



TOP 1000

Doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2016
(Vinaconex xếp thứ 447)

CỜ THI ĐUA BỘ XÂY DỰNG

Công ty CP VIWACO
Công ty CP Vinaconex MEC
Công ty CP Vinasinco

CỜ THI ĐUA CHÍNH PHỦ

Công ty CP Xây dựng số 9
(VINACONEX 9)
Công ty CP VIMECO

CỜ THI ĐUA NGÀNH XÂY DỰNG

Công ty CP Vinaconex MEC
Trường THPT Lý Thái Tổ
Trường Tiểu học Lý Thái Tổ
Trường Mầm non Lý Thái Tổ 2

CÁC GIẢI THƯỞNG CÁ NHÂN

08

Bằng khen Thủ tướng Chính phủ

01

Huân chương Lao động Hạng Ba

03

Huân chương Lao động Hạng Nhì

02

Bằng lao động sang tạo của Tổng liên đoàn lao động Việt Nam

04

Bằng khen Bộ Xây dựng

09

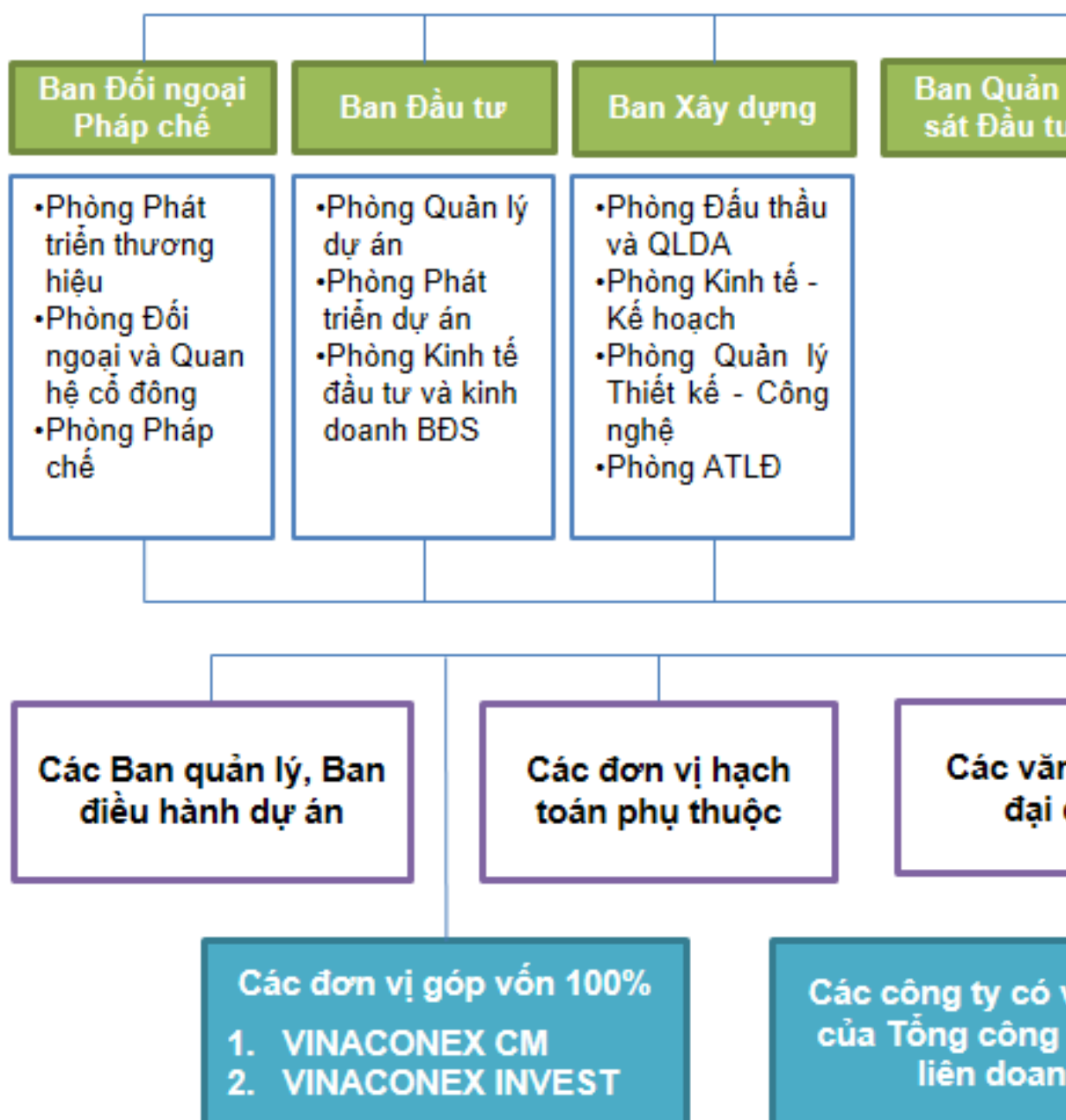
Bằng khen Công đoàn Xây dựng Việt Nam

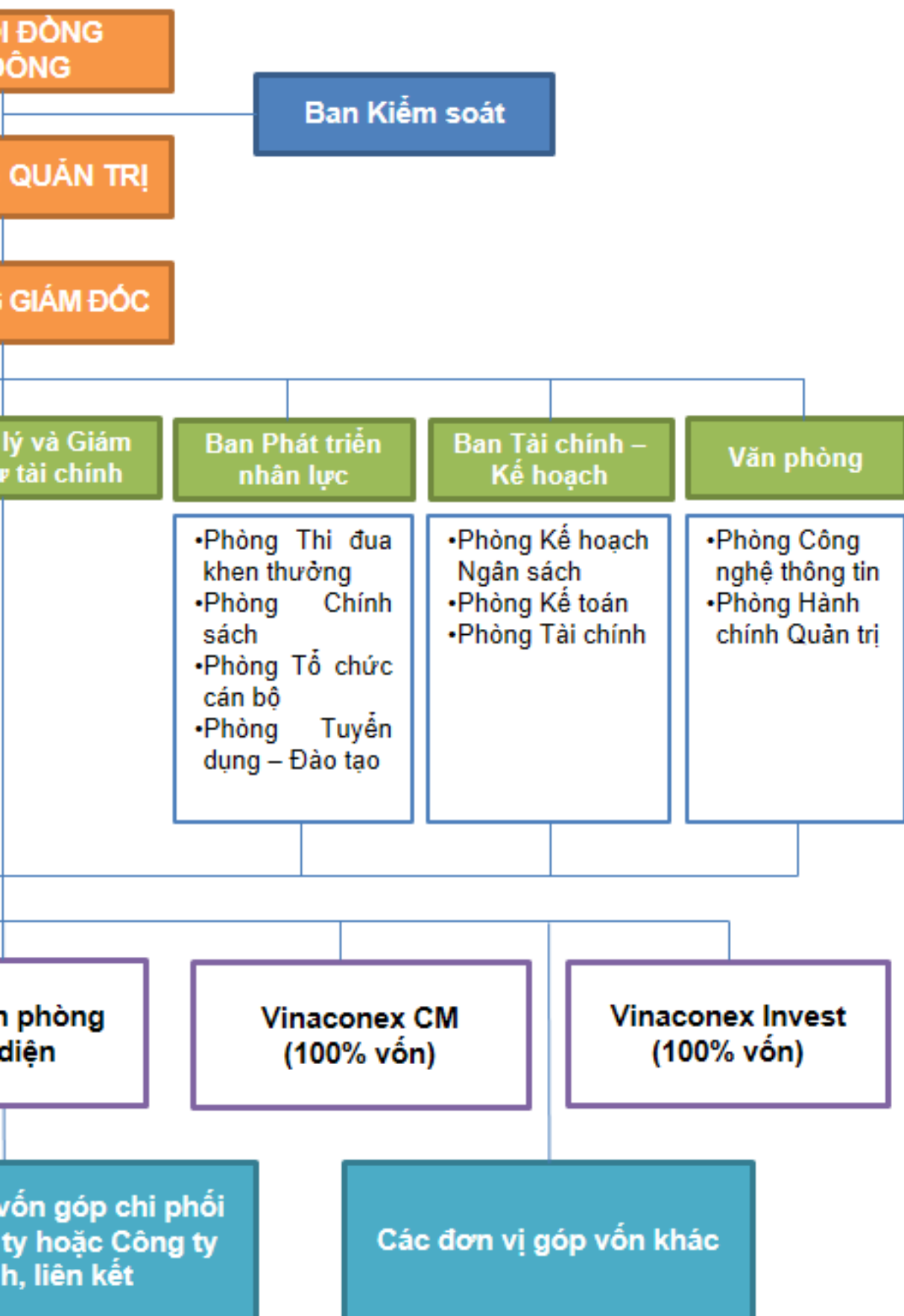
CƠ CẤU TỔ CHỨC

ĐẠI HỘI
CỔ Đ

HỘI ĐỒNG

BAN TỔNG





THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN, LIÊN DOANH LIÊN KẾT

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động
A CÔNG TY CON			
1	Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư	Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư kinh doanh
2	Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng	Tầng 9, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Xây dựng
3	Cty CP Xây dựng số 1	D9, Khuất Duy Tiến, Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, HN	Đầu tư, xây dựng
4	Cty CP Xây dựng số 2(*)	Tầng 2-4, tòa nhà D1, khu đô thị mới Kim Văn-Kim Lũ, p.Đại Kim, q.Hoàng Mai, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng
5	Cty CP Xây dựng số 4	47 Đường Điện Biên Phủ, Phường Đa Cao, Quận 1 TP HCM	Xây dựng các công trình công nghiệp
6	Cty CP Xây dựng số 9 (*)	Tầng 4-5, tòa nhà Vinaconex 9, lô HH2-2 đường Phạm Hùng, p. Mễ Trì, q. Nam Từ Liêm, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng
7	Cty CP Xây dựng số 12 (*)	Số 57 đường Vũ Trọng Phụng, p. Thanh Xuân Trung, q.Thanh Xuân, Hà Nội	Xây dựng các công trình công nghiệp
8	Cty CP Xây dựng số 16	3 Lê Hồng Phong, Vinh, Nghệ An	Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông
9	Cty CP Xây dựng số 17	184 Lê hồng Phong, p. Phước Tân, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Xây dựng các công trình công nghiệp
10	Cty CP Vinaconex 25	89A Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Xây dựng các công trình công nghiệp, công trình dân dụng, công trình giao thông
11	Cty CP Vinaconex 27	10 Nguyễn Văn Tre, Phường 1, TP Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp	Xây dựng các công trình công nghiệp
12	Cty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	Số 64B, đường Phan Đình Phùng, p. Phố Mới, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai	Đầu tư, xây dựng công trình sx và kinh doanh
13	Cty CP VIMECO	Lô E9, Đường Phạm Hùng, Trung hòa, Cầu Giấy, HN	Đầu tư, xây dựng
14	Cty CP Vinaconex Sài Gòn	47 Đường Điện Biên Phủ, p.Đa Kao, Q.1 TP.HCM	Xây dựng các công trình công nghiệp

Nội dung chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của TCT	Vốn góp của TCT đến thời điểm 31/12/2017	
			Tỷ lệ %	Vốn thực góp theo mệnh giá
		1,615,580,685,599		1,476,154,171,959
Đầu tư BĐS, đầu tư kinh doanh khác	300,000,000,000	2,000,000,000	100.00%	2,000,000,000
Đầu tư xây dựng	200,000,000,000	200,000,000,000	100.00%	200,000,000,000
Đầu tư và kinh doanh BĐS	120,000,000,000	63,629,128,791	55.14%	66,162,160,000
Đầu tư và kinh doanh BĐS	150,000,000,000	67,145,403,139	36.00%	54,000,000,000
Đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp	3,500,000,000	3,500,000,000	100.00%	3,500,000,000
Đầu tư và kinh doanh BĐS	120,000,000,000	55,705,715,270	36.00%	43,200,000,000
Đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp	58,180,000,000	23,503,462,411	36.00%	20,944,800,000
Đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp	15,000,000,000	8,565,440,415	51.93%	7,789,000,000
Đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp	15,075,836,146	14,402,806,485	82.09%	12,375,836,146
Đầu tư công trình dân dụng, Đầu tư, kinh doanh BĐS	120,000,000,000	65,709,154,062	51.00%	61,200,000,000
Đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp	17,792,770,000	10,200,000,000	57.33%	10,200,000,000
Đầu tư các dự án thủy điện, năng lượng điện năng	499,939,607,633	366,135,007,633	73.24%	366,135,007,633
Đầu tư và kinh doanh BĐS	100,000,000,000	74,742,411,830	51.41%	51,409,000,000
Đầu tư công trình dân dụng, công nghiệp	61,014,930,000	51,589,090,505	76.25%	46,524,720,000

THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN, LIÊN DOANH LIÊN KẾT

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động
15	Cty CP Tư vấn Vinaconex (Vinaconsult)	Tầng 4-5 nhà D9, đường Khuất Duy Tiến, p.Thanh Xuân Bắc, q.Thanh Xuân, Hà Nội	Tư vấn thi
16	Cty CP Đầu tư và Dịch vụ đô thị Việt Nam (Vinasinco)	Số 62 Nguyễn Thị Định, p.Trung Hòa, q.Cầu giấy - HN	Thương mại,
17	Cty CP Viwaco	Tầng 1, tòa nhà 17-T7 , Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội	SX và kinh doanh
18	Cty CP Siêu thị và xuất nhập khẩu thương mại Việt Nam	P308 Tòa nhà thời trang khu ĐTM Trung Hòa Nhân Chính - TX-HN	Thương mại,
19	Cty CP Đầu tư và Phát triển du lịch Vinaconex (ITC)	Tầng 1, tòa nhà 17T5, Khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và
20	Cty CP Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex (VINAHUD)	Tòa nhà Vinahud, đường Trung Yên 9, p.Trung Hòa, q.Cầu Giấy,	Quản lý dự án, giám s tư, XD và kinh d
21	Cty CP Phát triển Thương mại Vinaconex (VCTD)	459C Bạch Mai, p.Trương Định, q.Hai Bà Trưng, HN	Thương mại,
22	Cty CP Vinaconex Dung Quất	Thôn Tân An, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi	Thương mại,
23	Công ty CP Vinaconex Đà Nẵng	89A Phan Đăng Lưu, Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Xây dựng các công dụng,công n
24	Cty CP Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	Km7, Quốc lộ 26 - P. Tân Hòa - TP Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	Xây dựng các công công ngh
25	Cty CP Vận tải Vinaconex	Tầng 20, Tòa nhà Vinaconex 9, Phạm Hùng, Từ Liêm, HN	Thương mại,
26	Cty CP Bất động sản Vinaconex	Tầng 12, tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư kinh d
27	Cty TNHH Bohemia	Số 25 Nguyễn Huy Tưởng, p. Thanh Xuân Trung, q. Thanh Xuân, HN	Đầu tư kinh d

Hình thức đầu tư	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của TCT	Vốn góp của TCT đến thời điểm 31/12/2017	
			Tỷ lệ %	Vốn thực góp theo mệnh giá
Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng	11,000,000,000	6,799,399,132	51.00%	5,610,000,000
Đầu tư dịch vụ	10,000,000,000	4,770,541,550	75.00%	7,500,000,000
Đầu tư nước sạch	80,000,000,000	42,880,769,436	51.00%	40,800,000,000
Đầu tư dịch vụ	15,000,000,000	8,440,856,790	51.00%	7,650,000,000
Đầu tư kinh doanh BĐS	360,000,000,000	192,800,000,000	53.56%	192,800,000,000
Đầu tư phát triển công đầu tư kinh doanh BĐS	70,000,000,000	49,000,000,000	70.00%	49,000,000,000
Đầu tư dịch vụ	200,000,000,000	110,000,000,000	55.00%	110,000,000,000
Đầu tư dịch vụ	24,605,500,000	23,500,000,000	95.51%	23,500,000,000
Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	10,395,320,000	8,313,000,000	73.59%	7,650,000,000
Đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp	11,000,000,000	6,160,000,000	56.00%	6,160,000,000
Đầu tư dịch vụ	110,071,832,230	22,666,520,900	59.12%	65,071,832,230
Đầu tư kinh doanh BĐS	80,000,000,000	128,921,977,250	100.00%	79,998,000,000
Đầu tư kinh doanh BĐS	136,973,815,950	206,500,000,000	100.00%	136,973,815,950

THÔNG TIN VỀ CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN, LIÊN DOANH LIÊN KẾT

TT	Tên công ty, đơn vị góp vốn	Địa chỉ	Hoạt động
B CÔNG TY LIÊN DOANH - LIÊN KẾT			
1	Cty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển Năng Lượng Vinaconex	Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	Đầu tư xây dựng các sản xuất và kinh do
2	Cty CP Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Tầng 5, Tòa 25T1, đường Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, HN	Thương mại,
3	Cty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	Km10+600, đại lộ Thăng Long, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, HN	Đầu tư, xây dựng và
4	Cty CP Xây dựng số 11	Tầng 1, văn phòng 6, Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính, Thanh Xuân, HN	Xây dựng các công công ngl
5	Cty CP Xi măng Cẩm Phả	Km 6, Quốc lộ 18A, phường Cẩm Thạch, thị xã Cẩm Phả, Quảng Ninh	Sản xuất xi
6	Cty CP VIPACO	Tầng 1, chung cư CT 1 Vimeco, đường Nguyễn Chánh, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, HN	Sản xuất b
7	Cty CP Đầu tư BOT Hà Nội-Bắc Giang	Số 14, lô B1 Khu đô thị mới Nam Từ Sơn, xã Phù Chẩn, thị xã Từ Sơn, Bắc Ninh	Đầu tư hạ tầng
8	Cty CP Ống sợi thủy tinh Vinaconex	Khu công nghiệp công nghệ cao Hòa Lạc, Phú Cát, Quốc Oai, Hà Nội	Sản xuất côn
TỔNG CỘNG			

(*) Công ty cổ phần Vinaconex 2,9,12: Tại thời điểm 31/12/2017, Tổng công ty cổ phần VINACONEX sở hữu 36% Vốn điều l
 Tổng công ty tại 03 đơn vị này trên 50%

Chính	Vốn điều lệ	Giá trị đầu tư của TCT	Vốn góp của TCT đến thời điểm 31/12/2017	
			Tỷ lệ %	Vốn thực góp theo mệnh giá
		1,228,002,949,053		1,233,347,700,000
dự án thủy điện, năng lượng điện năng	455,999,950,000	110,915,000,000	29.19%	133,098,000,000
dịch vụ	30,000,000,000	13,260,000,000	44.20%	13,260,000,000
kinh doanh BĐS	680,538,000,000	340,269,000,000	50.00%	340,269,000,000
trình dân dụng, nghiệp	83,998,890,000	40,833,913,053	30.36%	25,500,000,000
măng	2,000,000,000,000	600,000,000,000	30.00%	600,000,000,000
bao bì	30,000,000,000	5,312,500,000	21.25%	6,375,000,000
giao thông	496,322,400,000	104,227,700,000	21.00%	104,227,700,000
g nghiệp	30,000,000,000	13,184,836,000	35.39%	10,618,000,000
		2,843,583,634,652		2,709,501,871,959

nhưng Tổng công ty đã được các cổ đông ủy quyền thực hiện các quyền của cổ đông dẫn đến tỷ lệ biểu quyết của

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHO GIAI ĐOẠN 2017-2022

1 CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN KINH DOANH

Phát huy thế mạnh, thương hiệu và thành quả đã đạt được qua 28 năm hoạt động, Tổng Công ty VINACONEX bước vào giai đoạn 2017-2022 với quyết tâm thực hiện tốt các giá trị cốt lõi, tiếp tục phát triển, khẳng định thương hiệu top đầu trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản, xây dựng môi trường làm việc thân thiện, hiệu quả cho người lao động.

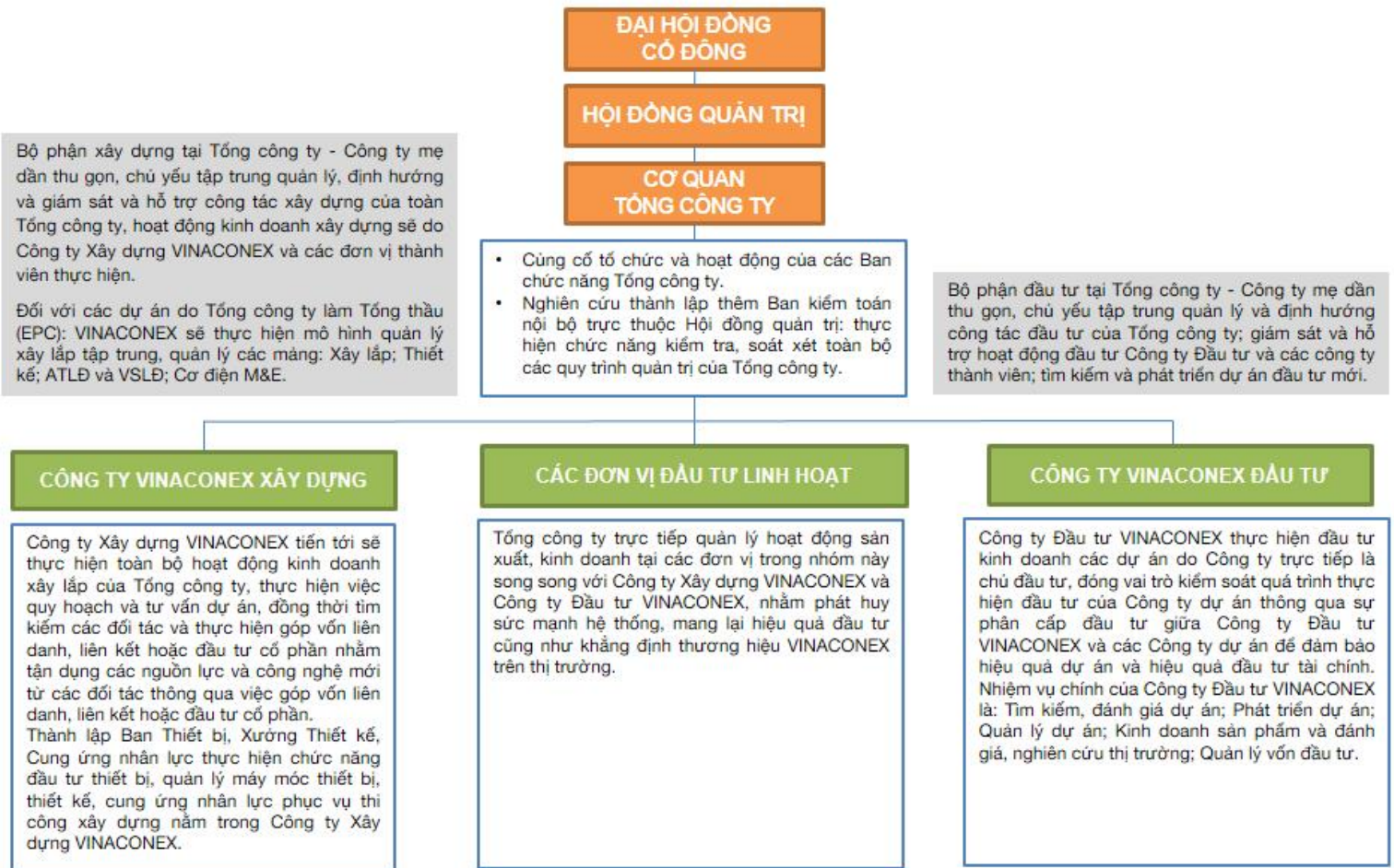
Với phương châm **“Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ, nâng cao thương hiệu”**, định hướng chiến lược phát triển kinh doanh của VINACONEX giai đoạn 2017-2022 là:

- Tiếp tục tập trung vào hai lĩnh vực kinh doanh chính là Xây dựng và Đầu tư kinh doanh bất động sản/phát triển hạ tầng. Phấn đấu đến năm 2022, VINACONEX trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng và bất động sản tại Việt Nam.
- Tập trung nguồn lực phát triển 02 Công ty nòng cốt trong đó VINACONEX sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động chính trong lĩnh vực Xây dựng và Đầu tư kinh doanh các dự án bất động sản, phát triển hạ tầng. VINACONEX sẽ thực hiện thoái vốn tại các công ty còn lại hoặc nắm giữ cổ phần dưới dạng đầu tư tài chính linh hoạt. Tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ nhằm nâng cao hiệu quả các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng công ty.
- Tiếp tục giữ vững sự ổn định về tài chính, sử dụng linh hoạt các nguồn và kênh tài chính nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư, phát huy lợi thế của một doanh nghiệp được các tổ chức tín dụng xếp hạng cao; Thực hiện tốt công tác kiểm soát dòng tiền, kiểm soát công nợ.

2 CHIẾN LƯỢC TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

- Công ty mẹ VINACONEX sẽ tập trung chuyên môn hóa và thực hiện các chức năng quản lý và quản trị của tập đoàn như: Hoạch định chiến lược; Quản lý tài chính, ngân sách, thuế; Phụ trách các vấn đề liên quan đến pháp lý, thương hiệu; Đào tạo, phát triển nhân lực, cán bộ nguồn hoặc đảm nhiệm các dự án lớn yêu cầu cao về năng lực, tiềm lực, kinh nghiệm..
- VINACONEX phát triển 02 Công ty nòng cốt trong đó VINACONEX sở hữu 100% vốn điều lệ hoạt động chính trong lĩnh vực Xây dựng và đầu tư kinh doanh các dự án Bất động sản, phát triển hạ tầng và các lĩnh vực hiện Tổng công ty có kinh nghiệm triển khai mang lại hiệu quả cao như năng lượng (thủy điện), phát triển hạ tầng.
- Nắm giữ vốn tại một số đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng công ty dưới dạng đầu tư linh hoạt, tập trung thoái vốn toàn bộ tại các Công ty còn lại.
- Tổng công ty VINACONEX thực hiện quản lý trực tiếp 02 Công ty nòng cốt và các đơn vị trong nhóm đầu tư linh hoạt. Đối với 02 Công ty nòng cốt: thực hiện quản lý theo mô hình quản lý trực tuyến - chức năng, sự chỉ đạo của Tổng công ty với 02 đơn vị này là tuyệt đối và toàn diện.

3 CHIẾN LƯỢC HOÀN THIỆN PHƯƠNG THỨC QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH



Quản lý và đào tạo nguồn nhân lực:

- Về công tác quản lý cán bộ: Tăng cường công tác đào tạo/đào tạo lại để phát triển cán bộ tại chỗ, đồng thời có chính sách phù hợp để thu hút người tài bổ sung cán bộ cho Tổng công ty.
- Về lực lượng kỹ sư, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ: Tổng công ty xây dựng cơ sở dữ liệu kỹ sư, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ để điều động, bố trí sử dụng nhân sự.
- Về lực lượng công nhân kỹ thuật: Tổng công ty nghiên cứu thành lập Công ty cung ứng nhân lực dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty hoặc Công ty Xây dựng VINACONEX sở hữu. Mục tiêu là xây dựng lực lượng cán bộ quản lý, CNKT các ngành nghề phục vụ cho hoạt động xây lắp của Tổng công ty, đồng thời tìm kiếm, phát triển thị trường cung ứng lực lượng CNKT cho các đơn vị bên ngoài với tư cách là nhà thầu cung cấp nhân lực chuyên nghiệp; cung ứng nhân lực cho thị trường trong và ngoài nước.
- Đối với lực lượng cán bộ kỹ thuật, cán bộ chuyên môn và cán bộ quản lý các cấp: Tổng công ty xem xét phối hợp với các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước, thậm chí nước ngoài để xây dựng chương trình/kế hoạch đào tạo nhằm nâng cao các kỹ năng chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý, ngoại ngữ... đáp ứng với yêu cầu hội nhập kinh tế.
- Đối với việc Đào tạo công nhân kỹ thuật: Tổng công ty xem xét phối hợp với đối tác Nhật Bản (Văn phòng lao động thuộc Bộ đất đai, hạ tầng, giao thông và du lịch Nhật Bản) xây dựng và triển khai chương trình đào tạo công nhân các ngành nghề theo tiêu chuẩn Nhật, đầu tư nâng cấp các cơ sở đào tạo sẵn có của Tổng công ty. Lực lượng công nhân đào tạo này có thể đáp ứng về tiêu chuẩn cao tại các công trình/dự án của Tổng công ty hoặc các công trình/dự án liên quan đến yếu tố nước ngoài hoặc có thể đưa đi nước ngoài làm việc.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHO GIAI ĐOẠN 2017-2022

Xác lập vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị.

- Tăng tính trách nhiệm của người đại diện của Tổng công ty tại các đơn vị: gắn việc đánh giá hiệu quả hoạt động của người đại diện vốn với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của từng doanh nghiệp.
- Phân cấp rõ thẩm quyền của người đại diện vốn của Tổng công ty tại các đơn vị: vấn đề/nội dung gì được phép quyết định, vấn đề/nội dung gì cần phải báo cáo xin ý kiến Tổng công ty trước khi thực hiện...
- Hoàn thiện quy trình báo cáo, cũng như các form biểu mẫu báo cáo liên quan đến người đại diện vốn tại các đơn vị.
- Xây dựng cơ chế khen thưởng/kỷ luật đối với người đại diện vốn của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.

4 CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH

- Đề xuất cấu trúc và kế hoạch tài chính rõ ràng nhằm đạt được mục tiêu chiến lược phát triển Tổng công ty.
- Xây dựng hệ thống văn bản quản lý của Tổng công ty trong các lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Xây dựng hệ thống thông tin báo cáo đồng bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên trong lĩnh vực tài chính, kế toán.
- Xây dựng cơ chế kiểm soát rủi ro trong hoạt động tài chính.
- Dần tiến tới tách bạch hệ thống tài chính và kế toán của Tổng công ty, hình thành chức danh Giám đốc tài chính của Tổng công ty (CFO).
- Cân đối và thu xếp đủ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho các hoạt động của Tổng công ty.
- Xây dựng chính sách tài chính, kế hoạch tài chính hàng năm, trung và dài hạn. Xây dựng hệ thống kiểm soát và quản lý rủi ro tài chính trong Tổng công ty.
- Tư vấn tham mưu trong hoạt động đầu tư tài chính, điều chuyển hoặc tập trung nguồn lực trong toàn Tổng công ty.
- Xây dựng chính sách kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Tổng công ty thông qua việc nâng cao vai trò của hoạt động của Ban Quản lý và Giám sát Đầu tư Tài chính.
- Phát hành trái phiếu dự án cho các dự án lớn có hiệu quả.
- Tiếp tục sử dụng các đơn vị kiểm toán thuộc Big 4 thực hiện kiểm toán Tổng công ty.

5 MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH

DOANH THU

10-15%/năm

CỔ TỨC

10-15%/năm

LỢI NHUẬN

10-15%/năm



TÁI CẤU TRÚC

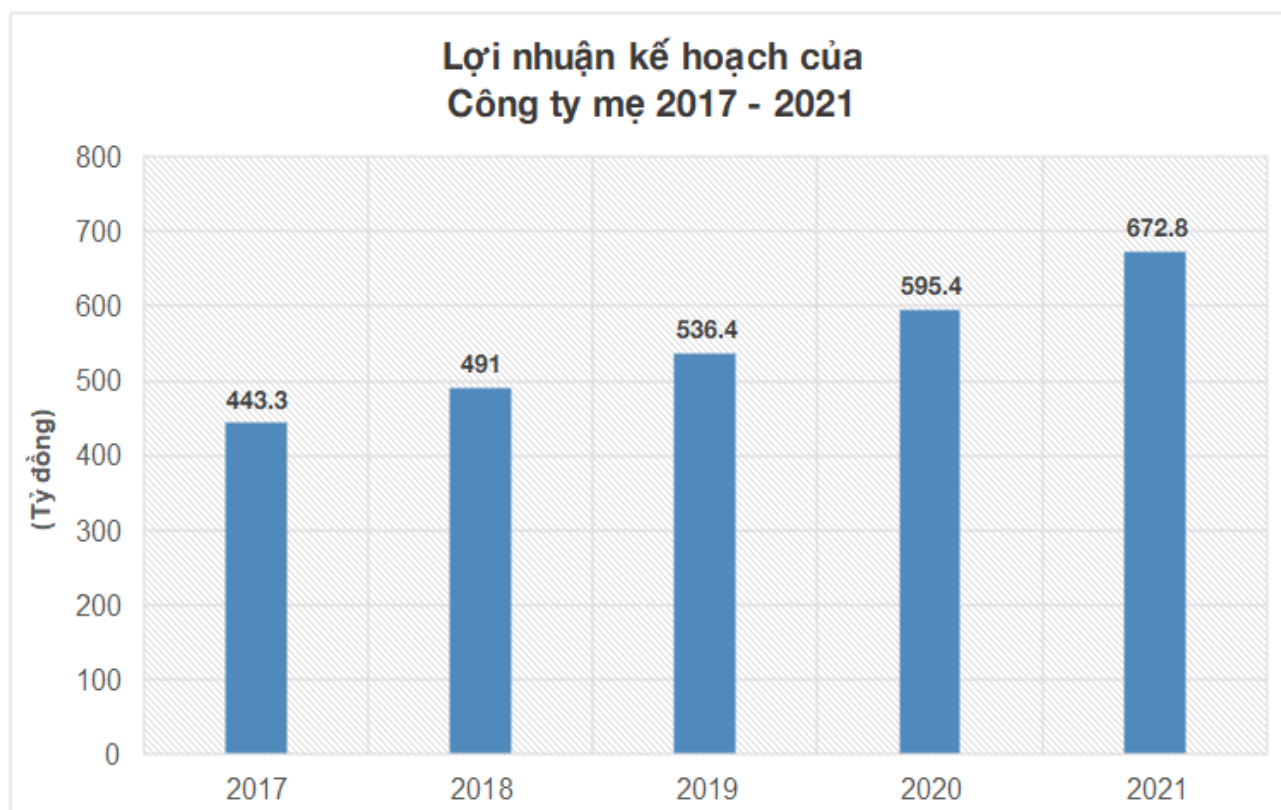
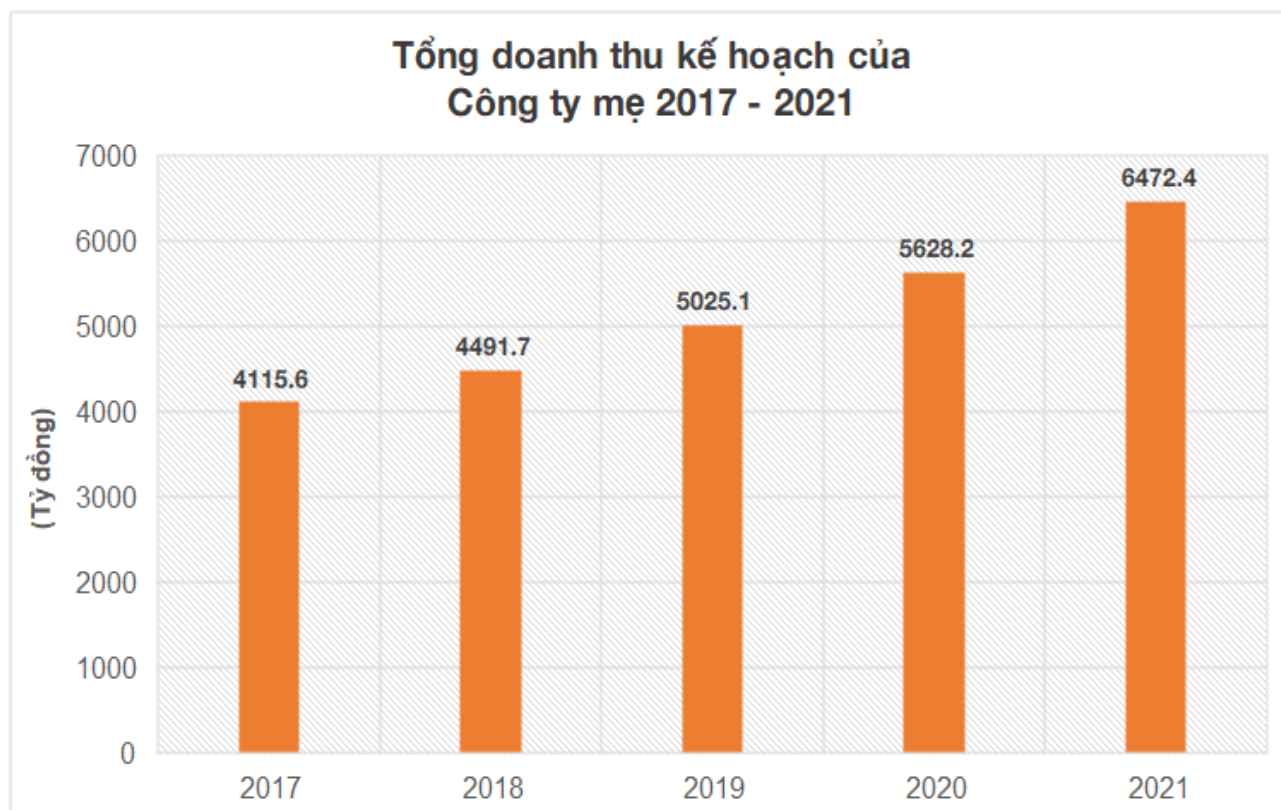
2022

(hoàn thành theo chiến lược đã xây dựng)



TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Căn cứ nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển)



Kế hoạch trên được xây dựng trên cơ sở nền kinh tế của cả nước không có biến động đột biến. Các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể của từng năm sẽ được Tổng công ty trình trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CHO GIAI ĐOẠN 2017-2022

6 GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

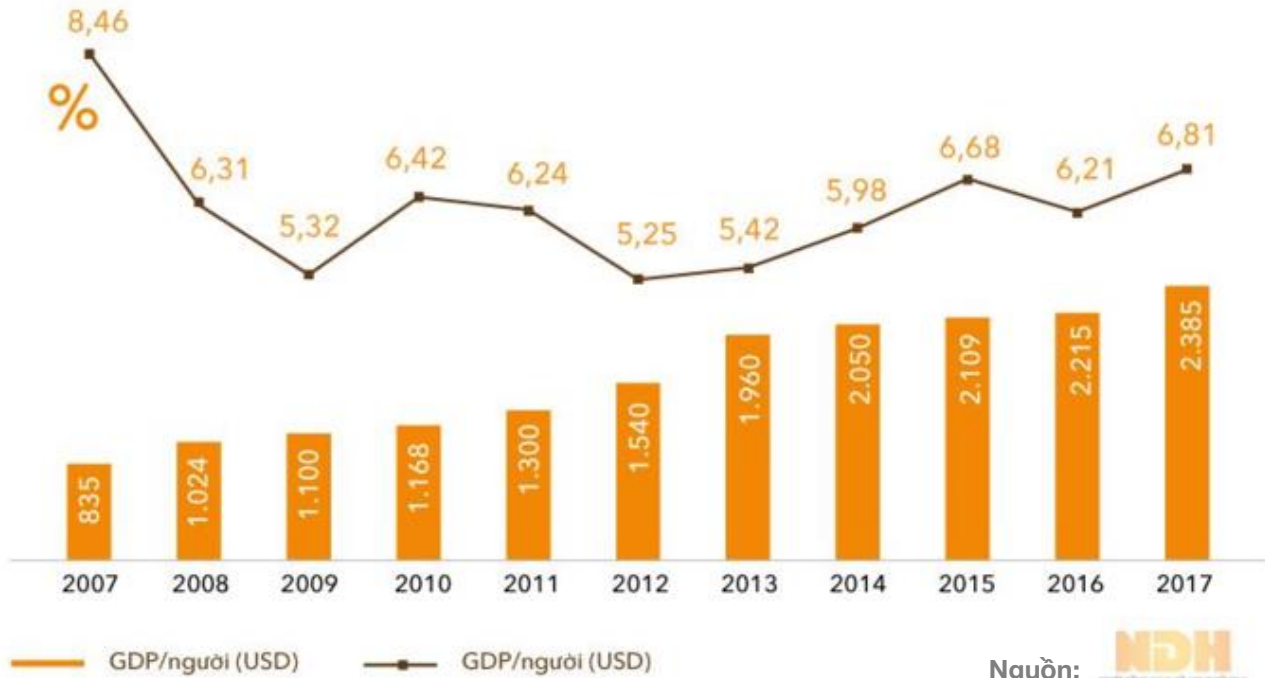
- Tích cực triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở phương châm ***“Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ, nâng cao thương hiệu”***.
- Phối hợp chặt chẽ Tổ chức Đảng với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành để tạo ra sự đoàn kết, gắn kết giữa 3 tổ chức, tạo sức mạnh, giải quyết kịp thời, đúng, trúng việc để Tổng công ty ngày càng phát triển.
- Cơ cấu lại Công ty mẹ VINACONEX theo hướng chuyên môn hóa thực hiện các chức năng quản lý và quản trị theo mô hình công ty mẹ trong tập đoàn.
- Tập trung nguồn lực phát triển lĩnh vực kinh doanh chính là: Xây dựng và Đầu tư kinh doanh bất động sản/phát triển hạ tầng. Tập trung đầu tư và phát triển 2 công ty nòng cốt Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ về Xây dựng và Đầu tư để sớm phát huy hiệu quả hoạt động của 02 Công ty này.
- Đẩy mạnh công tác quản lý dự án, nâng cao năng lực quản lý và điều hành xây lắp. Phát triển, nâng cao năng lực tổ chức đấu thầu và tìm kiếm nguồn việc.
- Duy trì và phát triển mối quan hệ, tiếp tục khẳng định là nhà thầu uy tín, tin cậy với các chủ đầu tư, tích cực khai thác nguồn việc từ các Bộ Ngành, các địa phương trên cả nước.
- Tập trung đẩy mạnh công tác đầu tư tại các dự án để sớm đưa sản phẩm ra thị trường.
- Tập trung tìm kiếm khai thác, liên doanh liên kết hoặc mua lại các dự án nhà ở, dự án hạ tầng cấp nước sạch, hạ tầng giao thông, hạ tầng khu công nghiệp có quy mô vừa và nhỏ. Ưu tiên mua lại các dự án đã đủ điều kiện để triển khai ngay...
- Tìm kiếm đầu tư vào các dự án lớn, dài hơi để mang lại hiệu quả cũng như nâng cao thương hiệu VINACONEX như: Bất động sản, PPP, BOT, BT, ...
- Triển khai ngay dự án Bắc An Khánh nhằm đem lại công ăn việc làm, lợi nhuận cho Tổng công ty và tăng quỹ nhà ở ven đô cho Thành phố Hà Nội.
- Cùng Ban Quản lý khu Công nghệ cao Hòa Lạc xin được cơ chế đặc thù để triển khai thi công, khai thác dự án khu CNC này.
- Cùng cố, đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh để tăng trưởng hoạt động xây lắp và đầu tư kinh doanh bất động sản.
- Quyết tâm hoàn thành công tác tái cấu trúc Tổng công ty theo định hướng phát triển được Đại hội đồng cổ đông thông qua để thu hồi và tập trung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.
- Nâng cao hiệu quả hoặc tái cấu trúc Nước sông Đà, Xi măng Cẩm Phả, ... để mang lại dòng tiền lớn đầu tư vào các dự án có lợi nhuận lớn hơn.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng công ty.
- Giữ vững sự ổn định, sử dụng linh hoạt các nguồn và kênh tài chính nhằm đáp ứng đủ nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư.
- Xây dựng và thực hiện các giải pháp hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động.
- Tăng cường thu hút nhân tài, đào tạo và đào tạo lại CBCNV hiện có để sớm có được lực lượng CBCNV tinh nhuệ đủ sức đảm nhận các cương vị lớn hơn và đủ sức thi công các dự án lớn trọng điểm quốc gia.
- Hoàn thiện mô hình quản lý theo mô hình hình tháp, theo phương châm “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ kết quả”. Đồng thời nâng cao tính kỷ luật, thường phạt phân minh, liên tục sàng lọc để ngày càng có nhiều CBCNV tinh nhuệ đủ đức, đủ tài.
- Xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu của VINACONEX.

Phối cảnh dự án cải tạo chung cư cũ 93 Láng Hạ



THUẬN LỢI & KHÓ KHĂN

Tăng trưởng GDP và GDP/người qua các năm



Năm 2017 khép lại với thắng lợi của nền kinh tế Việt Nam trên nhiều phương diện. Tốc độ tăng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt 6,81%, cao nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm. Tuy nhiên bội chi ngân sách, năng suất lao động thấp, thiên tai vẫn là những thách thức với nền kinh tế.

Mặc dù tình hình kinh tế vĩ mô đã tương đối ổn định nhưng các doanh nghiệp vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn. Đa phần doanh nghiệp xây dựng đều thiếu vốn cho sản xuất và đầu tư phát triển; lãi suất cho vay tuy đã giảm nhưng vẫn ở mức cao và có nhiều quy định ràng buộc khiến việc tiếp cận nguồn vốn vay còn khó

khăn. Thị trường bất động sản vẫn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn do nợ xấu bất động sản trong hệ thống ngân hàng và lượng hàng tồn kho còn cao, ảnh hưởng đến lợi nhuận và kế hoạch đầu tư phát triển các dự án mới của doanh nghiệp.

Theo định hướng **“Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ, nâng cao thương hiệu Vinaconex”**, ngay từ đầu năm, Ban điều hành Tổng Công ty bên cạnh việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trên 02 lĩnh vực chính (xây lắp và kinh doanh bất động sản), các hoạt động phụ trợ, đã chủ động xây dựng kế hoạch tiếp tục tái cấu trúc những đơn vị thành viên, rút gọn các đầu mối và thu hồi vốn đầu tư để tập trung nguồn tài chính cũng như các nguồn lực khác giúp Tổng Công ty tiếp tục ổn định và phát triển.

PHÂN TÍCH RỦI RO



RỦI RO TÀI CHÍNH

Ảnh hưởng lớn nhất của biến động tỷ giá đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của VINACONEX là các khoản vay vốn có nguồn gốc ngoại tệ phục vụ cho các dự án đầu tư



RỦI RO NHÂN SỰ

VINACONEX luôn coi đào tạo nguồn nhân lực và tổ chức nhân sự là một phần quan trọng trong chiến lược phát triển của Tổng công ty. Tuy nhiên, với đội ngũ cán bộ công nhân viên giàu kinh nghiệm và có trình độ, việc bị các đối thủ cạnh tranh trên thị trường lôi kéo, mời chào với mức đãi ngộ hấp dẫn hơn là điều khó tránh khỏi.



RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với đặc thù của ngành xây lắp là phải lao động trong nhiều điều kiện khó khăn của thời tiết, ảnh hưởng của thiên tai, môi trường làm việc khó khăn (làm việc trên cao, tại khu vực địa hình hiểm trở,...) và đặc thù vận chuyển khối lượng nguyên vật liệu lớn, nếu không có hệ thống quản lý an toàn lao động tốt thì nguy cơ xảy ra mất an toàn là rất có thể xảy ra, gây ảnh hưởng đến uy tín và hình ảnh của VINACONEX đã và đang xây dựng.



RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Về lĩnh vực đầu tư, ngoài việc phải đảm bảo có một sản phẩm chất lượng đi kèm các dịch vụ giá trị gia tăng, VINACONEX luôn đưa ra mức giá chào bán hợp lý tạo sức hút lớn trên thị trường bất động sản.

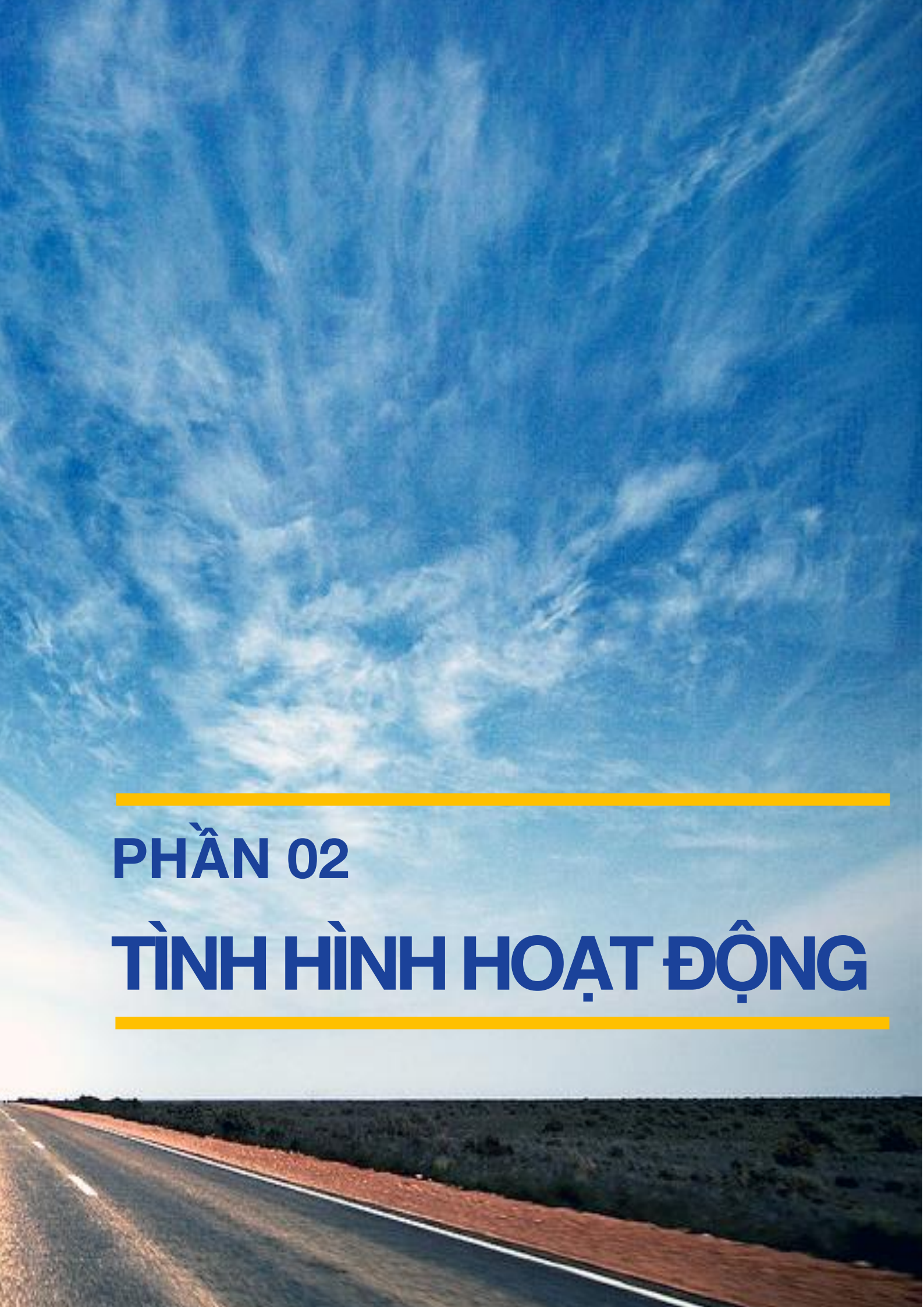
Đối với hoạt động xây dựng, ngoài các dự án nhận thầu xây lắp, VINACONEX còn nhận triển khai các dự án EPC, đảm bảo hiệu quả và chất lượng tối đa cho các nhà đầu tư và nâng cao tính cạnh tranh với các đối thủ khác.



RỦI RO ĐỐI TÁC, KHÁCH HÀNG

Trước khi tham gia đấu thầu, chào giá các dự án xây lắp, Ban điều hành VINACONEX luôn yêu cầu các bộ phận chuyên môn phải có đánh giá chi tiết, cụ thể các rủi ro về tình hình tài chính của Chủ đầu tư, nguồn vốn cho dự án, khả năng tiêu thụ sản phẩm trên thị trường đối với các dự án bất động sản.

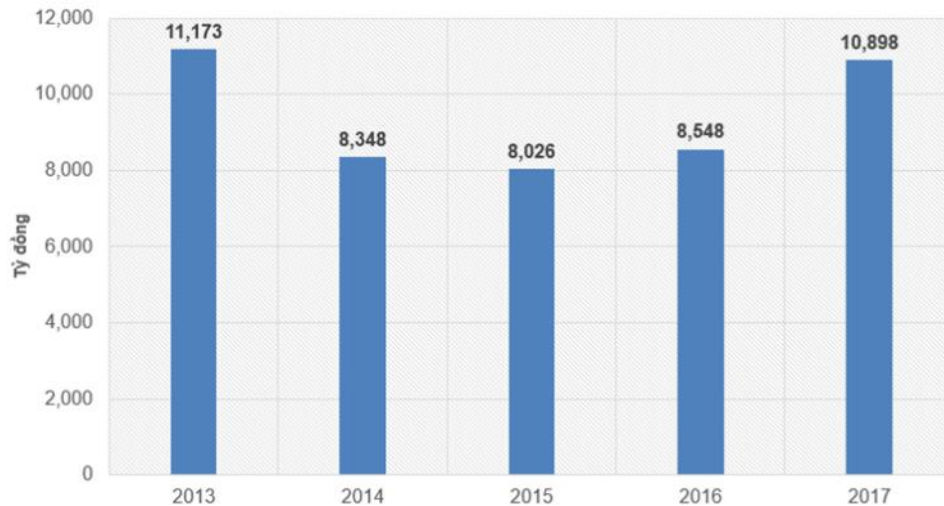




PHẦN 02

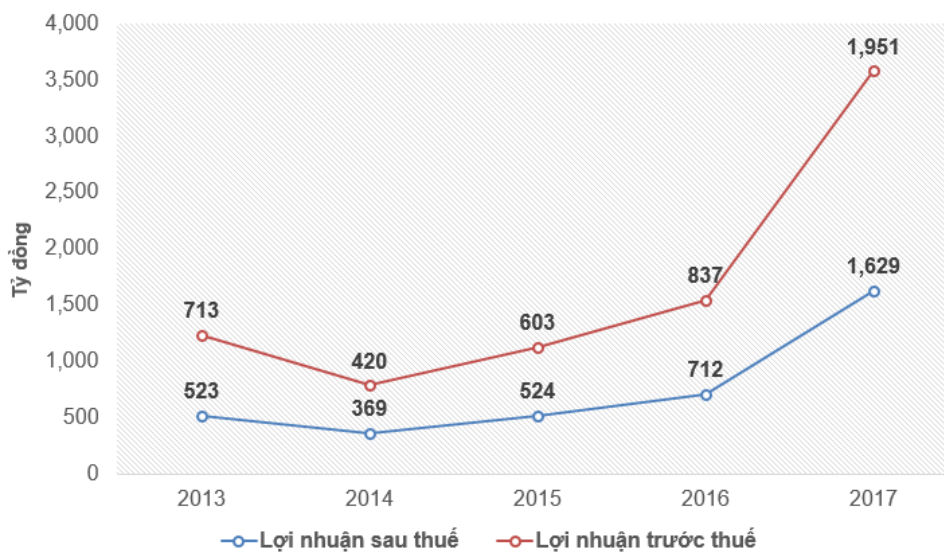
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017



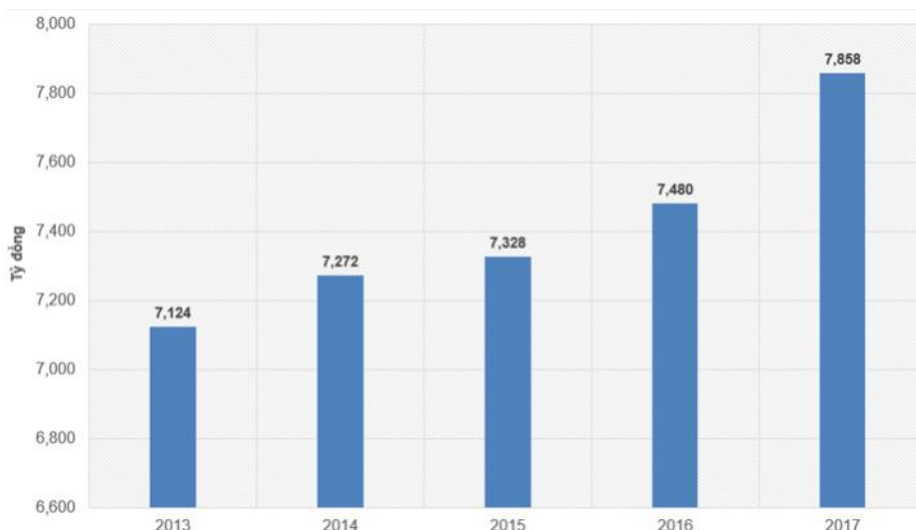
DOANH THU THUẦN

10.898 tỷ đồng



TỔNG LỢI NHUẬN (sau thuế)

1.629 tỷ đồng

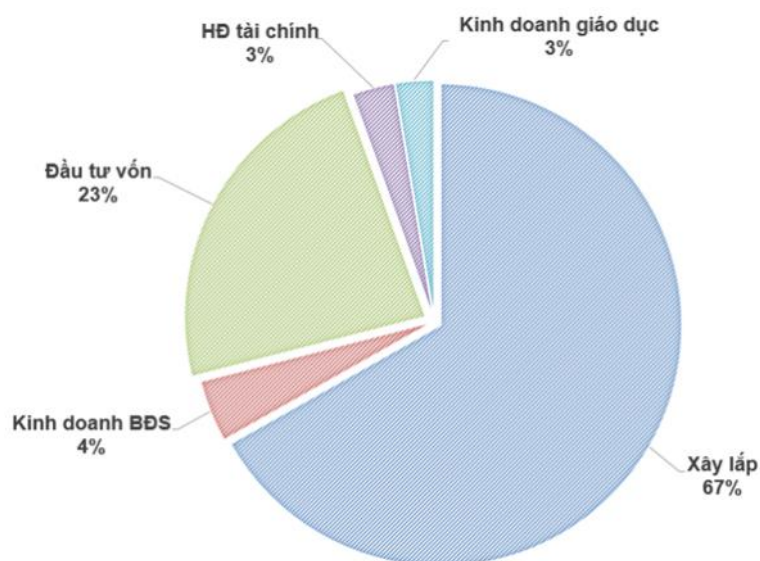


VỐN CHỦ SỞ HỮU

7.858 tỷ đồng

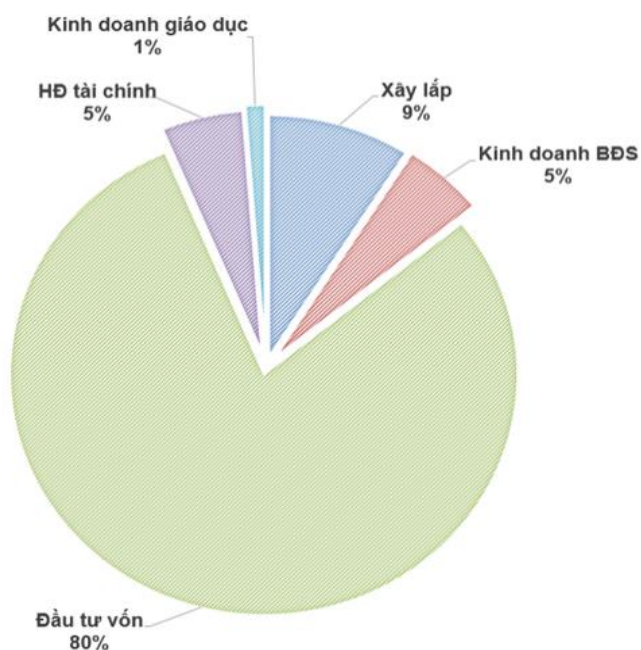
Tăng trưởng 

27,50%



Tăng trưởng 

128,60%

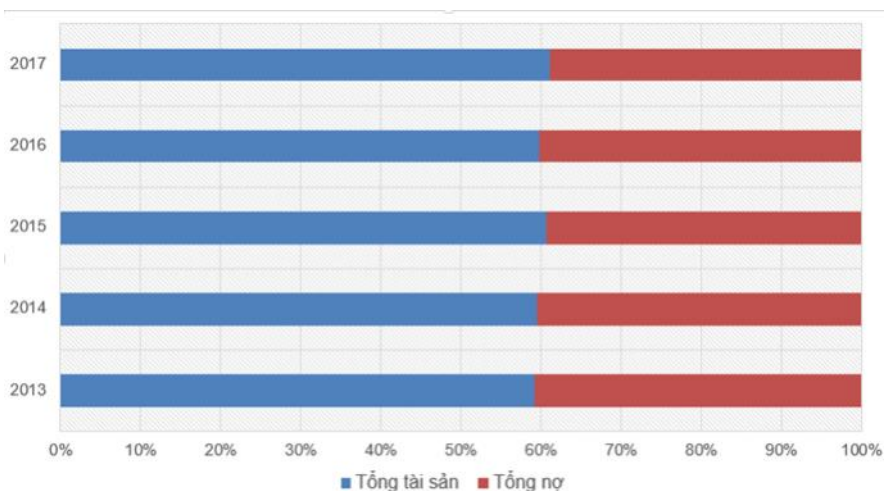


TỔNG TÀI SẢN

21.629 tỷ đồng

TỔNG NỢ

13.771 tỷ đồng



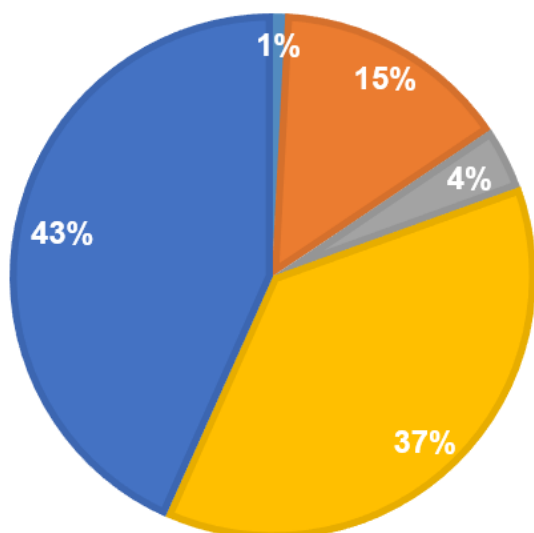
TỔ CHỨC NHÂN SỰ



TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

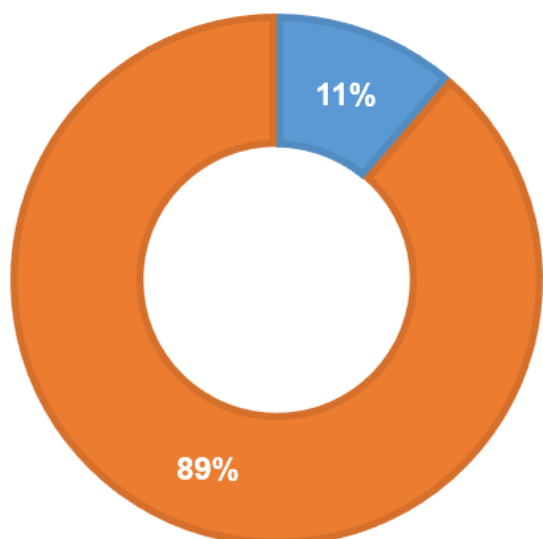
18.894 người

(Tính đến thời điểm 31/12/2017)



■ Trình độ trên Đại học
■ Trình độ Đại học
■ Trình độ Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp
■ Công nhân kỹ thuật
■ Lao động phổ thông

Trình độ	Số lượng
Trình độ trên Đại học	156
Trình độ Đại học	2,788
Trình độ Cao đẳng, trung cấp và sơ cấp	740
Công nhân kỹ thuật	7,029
Lao động phổ thông	8,181
Tổng cộng	18,894



■ Nữ
■ Nam

Giới tính	Số lượng
Nam	16,768
Nữ	2,126
Tổng cộng	18,894

CHÍNH SÁCH VỀ TIỀN LƯƠNG

Trong năm 2017, tiền lương bình quân của cán bộ công nhân viên toàn Tổng công ty là 9.206.000 đồng/người/tháng, đạt 102,4% so với thực hiện năm 2016. Trong đó tiền lương bình quân của cán bộ công nhân viên Công ty Mẹ là 19.126.744 đồng/người/tháng, đạt 124,36 % so với thực hiện

CHẾ ĐỘ, PHÚC LỢI CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG

- Thực hiện các quy định của Nhà nước và Bộ Y tế về công tác quản lý sức khỏe, an toàn và vệ sinh lao động trong các doanh nghiệp, hàng năm được sự phê duyệt của lãnh đạo, Tổng công ty VINACONEX đã phối hợp với các Bệnh viện trong và ngoài nước để tổ chức khám sức khỏe cho 567 cán bộ công nhân viên cơ quan Tổng công ty và các Ban quản lý, Ban Điều hành dự án đang hoạt động tại địa bàn Hà Nội năm 2017, được các cán bộ đánh giá cao. Qua kết quả xét nghiệm và khám sức khỏe với các chuyên khoa và danh mục khám thì bệnh viện đã có kết luận và tư vấn hướng điều trị cho từng trường hợp cụ thể, nhiều người đã được phát hiện bệnh kịp thời để có biện pháp điều trị phù hợp hoặc được tư vấn để có những biện pháp phòng ngừa hữu hiệu.
- Trong năm 2017, Khối Cơ quan Tổng công ty và các Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty giải quyết kịp thời việc công tác phát thẻ bảo hiểm y tế cho cán bộ công nhân viên. Các chế độ như ốm đau, tai nạn lao động, thai sản, dưỡng sức được các đơn vị quan tâm và thực hiện tốt. Trong năm 2017, toàn Tổng công ty đã làm thủ tục nghỉ hưởng chế độ hưu trí, giải quyết thủ tục chi nghỉ thai sản, ốm đau cho 872 trường hợp với tổng kinh phí chi trả ước đạt 4,2 tỷ đồng, trong đó Khối Cơ quan Tổng công ty và các BDH trực thuộc Tổng công ty đã làm thủ tục chi nghỉ thai sản, ốm đau cho 42 trường hợp với tổng kinh phí chi trả đạt 612 triệu đồng.
- Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình giải quyết chế độ hưu trí và các chế độ khác đối với người lao động, đảm bảo đúng quy định pháp luật về quyền lợi cho người lao động.
- Thực hiện chế độ tiền lương, nâng lương, nâng bậc, bảo hiểm xã hội, giải quyết các chế độ chính sách khác cho cán bộ công nhân viên đảm bảo, đúng quy định; Giải quyết triệt để mọi khiếu nại, thắc mắc của người lao động về chế độ chính sách, không để xảy ra tình trạng khiếu nại kéo dài, vượt cấp.
- Hỗ trợ, tư vấn kịp thời đối với người lao động làm việc tại cơ quan Tổng công ty và đơn vị thành viên có quá trình công tác trước năm 1995 thiếu hồ sơ gốc hoặc các loại giấy tờ có liên quan đến tiến trình cấp sổ bảo hiểm xã hội phương pháp lập hồ sơ cấp sổ bảo hiểm xã hội phục vụ cho công tác giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đạt hiệu quả cao. Giải đáp thắc mắc kịp thời của người lao động và đơn vị thành viên trong việc thực hiện chế độ, chính sách của Nhà nước, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện kéo dài, làm ảnh hưởng đến uy tín của Tổng công ty và đơn vị;
- Phối hợp với Công đoàn Tổng công ty trong các hoạt động từ thiện vì người nghèo của cộng đồng và người lao động VINACONEX, góp phần quảng bá hình ảnh đẹp của Tổng công ty trên khắp mọi miền đất nước;
- Các nghiệp vụ khác có liên quan đến công tác bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của đơn vị và của cơ quan bảo hiểm xã hội đảm bảo thực hiện khẩn trương, kịp thời và hiệu quả.

NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2017, VINACONEX đã bầu mới Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017—2022

Hội đồng quản trị VINACONEX hiện có 07 thành viên và chưa có thành viên HĐQT độc lập

Ông NGUYỄN ĐỨC CHI

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Sinh năm 1970, ông được bầu làm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm:

- Ông Nguyễn Đức Chi từng đảm nhiệm các vị trí Chánh văn phòng Bộ Tài chính, Phó Vụ trưởng Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, Bộ Tài chính.
- Ông được Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm làm Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước từ ngày 28/12/2015

Ông ĐỖ TRỌNG QUỲNH

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc



Sinh năm 1962, ông được bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 07/2015 và Tổng giám đốc Tổng công ty từ tháng 10/2015.

Trình độ chuyên môn:

Kỹ sư Xây dựng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:

- Với bề dày hơn kinh nghiệm 30 năm công tác trong ngành xây dựng, ông từng trải qua nhiều vị trí chủ chốt tại Vinaconex 2 như Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Hiện ông cũng là Thành viên Hội đồng quản trị Vinaconex 2.

Sinh năm 1961, ông được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư máy xây dựng

Kinh nghiệm:

- Ông đã có hơn 30 năm kinh nghiệm thi công, điều hành và quản lý trong lĩnh vực xây lắp.
- Hiện ông cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Xây dựng số 9 (Vinaconex 9), một trong những đơn vị xây lắp lớn nhất của Tổng công ty.

Ông PHẠM VĂN HẢI

Thành viên Hội đồng quản trị



Sinh năm 1959, ông được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 04/2014.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ điện tử viễn thông

Kinh nghiệm:

- Ông hiện đang là Bí thư Đảng ủy, Phó Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel)
- Ông cũng là Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel.

Ông LÊ ĐĂNG DŨNG

Thành viên Hội đồng quản trị



NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông TRẦN TUẤN ANH

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc



Sinh năm 1973, ông được bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Máy Xây dựng, Thạc sĩ Kỹ thuật

Kinh nghiệm:

- Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông.
- Ngoài các chức vụ tại Tổng công ty, ông cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của một số đơn vị xây lắp thành viên của Tổng công ty.

Ông NGUYỄN ANH TÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị



Sinh năm 1981, ông được bầu làm thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Tài chính ngân hàng, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:

- Ông đã có 6 năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng với vị trí Chuyên viên tín dụng, Trưởng phòng Tổng hợp Thư ký tại Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB)
- Sau đó, ông được bổ nhiệm làm Phó Chánh văn phòng rồi Chánh văn phòng điều hành tại Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)

Sinh năm 1979, bà được bầu làm Thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sĩ kinh tế

Kinh nghiệm:

Bà Nghiêm Phương Nhi hiện là Trưởng Ban Đầu tư tài chính - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel), đồng thời là Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bưu chính Viettel và Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả.

Bà NGHIÊM PHƯƠNG NHI

Thành viên Hội đồng quản trị



TIỂU BAN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tiểu ban Thư ký - Tổng hợp

Ông Nguyễn Quốc Huy - Phó giám đốc Ban Phát triển nhân lực - Trưởng Tiểu ban

Ông Nguyễn Duy Hiếu - Thư ký Tổng giám đốc - Thành viên

Ông Hoàng Thiệu Bảo - PTP Đấu thầu & Quản lý dự án Ban Xây dựng - Thành viên

Ông Đinh Trung Anh - Thành viên

Bà Đinh Nguyễn Thu Trang - TP Đối ngoại & Quan hệ cổ đông Ban Đối ngoại - Pháp chế - Thành viên

Nhiệm vụ:

Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị; dự thảo Biên bản và Nghị quyết họp Hội đồng quản trị; cập nhật đầy đủ các thông tin cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

Soạn thảo thư tín, văn bản, quyết định của Hội đồng quản trị Tổng công ty và các thỏa thuận của Tổng công ty gửi các công ty thành viên.

THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Họ tên	Chức vụ	Tiền thù lao HĐQT, BKS
I	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát chuyên trách (trực tiếp tham gia điều hành hoạt động Sản xuất)		
1	Vũ Quý Hà	Chủ tịch HĐQT - Trưởng Tiểu ban chiến lược	
2	Đỗ Trọng Quỳnh	TV HĐQT - Tổng giám đốc	179,719,672
3	Đoàn Châu Phong	Thành viên HĐQT	
4	Nguyễn Đình Thiết	Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban tái cấu trúc	
5	Nguyễn Anh Tùng	Thành viên HĐQT	
6	Đặng Thanh Huấn	Trưởng Ban kiểm soát	
II	Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách		
1	Nguyễn Đức Chi	Chủ tịch HĐQT	154,667,840
2	Hoàng Nguyên Học	Thành viên HĐQT	63,718,791
3	Đinh Việt Tùng	Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban Kiểm soát nội bộ	63,718,791
4	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT - Phó Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ	63,718,791
5	Lê Đăng Dũng	Thành viên HĐQT	179,719,672
6	Nghiêm Phương Nhi	Thành viên HĐQT	116,000,880
7	Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban nhân sự đãi ngộ	63,718,791
8	Phạm Văn Hải	Thành viên HĐQT	116,000,880
9	Trần Tuấn Anh	Thành viên HĐQT, Phó TGĐ	116,000,880
10	Vũ Hồng Tuấn	Thành viên BKS	65,897,211
11	Phạm Phú Trường	Thành viên BKS	23,363,555
12	Kiều Bích Hoa	Thành viên BKS	65,897,211
13	Nguyễn Minh Quang	Thành viên BKS	42,533,655
14	Nguyễn Thi Quỳnh Trang	Thành viên BKS	2,533,655

Thù lao kiêm nhiệm Tiểu ban HĐQT	Ghi chú
ất kinh doanh)	
27,318,429	Chủ tịch HĐQT chuyên trách đến 20/4/2017. Bí thư Đảng ủy chuyên trách đến hết tháng 1/2018. Hưởng lương từ quỹ lương cán bộ quản lý chuyên trách (đến tháng 4/2017) và quỹ lương người lao động cơ quan Tổng công ty (từ tháng 5 - 12/2017)
	Hưởng lương Tổng giám đốc từ quỹ lương cán bộ quản lý chuyên trách Tổng công ty
	Hưởng lương thành viên HĐQT chuyên trách đến 20/4/2017 (từ quỹ lương cán bộ quản lý chuyên trách Tổng công ty). Hưởng lương Phó Bí thư Đảng ủy chuyên trách đến hết tháng 1/2018.
9,541,598	Hưởng lương thành viên HĐQT chuyên trách đến tháng 3/2017 (từ quỹ lương cán bộ quản lý chuyên trách Tổng công ty). Nghỉ hưu từ tháng 4/2017.
	Thành viên HĐQT chuyên trách từ 20/4/2017. Hưởng lương từ quỹ lương cán bộ quản lý Tổng công ty
	Hưởng lương Trưởng ban kiểm soát từ quỹ lương cán bộ quản lý chuyên trách Tổng công ty
	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm kể từ 20/4/2017. Thù lao chuyển trả cho TCT SCIC
	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm đến 20/4/2017. Thù lao chuyển trả cho TCT SCIC
6,371,879	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm đến 20/4/2017. Thù lao chuyển trả cho TCT SCIC
3,185,940	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm đến 20/4/2017. Thù lao chuyển trả cho Tập đoàn Viettel
	Thù lao chuyển trả cho Tập đoàn Viettel
	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm từ 20/4/2017. Thù lao chuyển trả cho Tập đoàn Viettel
6,371,879	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm đến 20/4/2017. Trả cho cá nhân
	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm từ 20/4/2017
	Thành viên HĐQT kiêm nhiệm từ 20/4/2017
	Thù lao chuyển trả cho TCT SCIC
	Thù lao chuyển trả cho Tập đoàn Viettel
	Thù lao chuyển trả cho TCT SCIC
	Thành viên BKS kiêm nhiệm từ 20/4/2017. Thù lao chuyển trả cho Tập đoàn Viettel
	Thành viên BKS kiêm nhiệm từ 20/4/2017

NHÂN SỰ BAN ĐIỀU HÀNH

Trong năm 2017, VINACONEX không có thay đổi gì về nhân sự Ban điều hành



Ông ĐỖ TRỌNG QUỲNH

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Sinh năm 1962, ông được bổ nhiệm làm thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 07/2015 và Tổng giám đốc Tổng công ty từ tháng 10/2015.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Xây dựng
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm:

- Với bề dày hơn kinh nghiệm 30 năm công tác trong ngành xây dựng, ông từng trải qua nhiều vị trí chủ chốt tại Vinaconex 2, một đơn vị nòng cốt của Tổng công ty từ Đội trưởng Đội xây dựng số 208, Phó Giám đốc Công ty, Tổng giám đốc Công ty rồi được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
- Năm 2014, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty. Vào tháng 10/2015, ông được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngoài các chức vụ tại Tổng công ty, ông cũng là Thành viên Hội đồng quản trị của Vinaconex 2.



Ông TRẦN TUẤN ANH

Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1973, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ tháng 07/2016 và thành viên HĐQT Tổng công ty từ tháng 04/2017.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Máy Xây dựng
- Thạc sĩ Kỹ thuật

Kinh nghiệm:

- Ông có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây lắp, đặc biệt là các dự án hạ tầng giao thông. Ông từng giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Công ty cổ phần VIMECO.
- Ngoài các chức vụ tại Tổng công ty, ông cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của một số đơn vị xây lắp thành viên của Tổng công ty như Vinaconex 16, Vinaconex 25, Vinaconex 27. Ông cũng là Thành viên Hội đồng quản trị của Vinaconex 12.



Ông NGUYỄN NGỌC ĐIỆP

Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1959, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ tháng 02/2000.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Xây dựng
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm:

- Với bề dày kinh nghiệm trên 30 năm công tác, là một trong những cán bộ đầu tiên của Vinaconex, ông Điệp đã có nhiều năm là đại diện của Vinaconex ở nước ngoài để chỉ đạo công tác xuất khẩu lao động và chuyên gia kỹ thuật, ông am hiểu sâu sắc về kỹ thuật trong ngành xây dựng cũng như quản trị doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Ngoài việc làm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty, ông còn là Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty, Chủ tịch HĐQT Công ty Nedi 2 và Chủ tịch HĐQT hệ thống các trường Lý Thái Tổ.



Ông LÊ DOANH YÊN
Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1959, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ tháng 08/2013.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Chế tạo máy

Kinh nghiệm:

- Ông có nhiều năm kinh nghiệm thi công và quản lý tại các công trình có yếu tố nước ngoài. Trước khi được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, ông từng là Phó Tổng giám đốc thứ nhất Công ty Liên doanh Vinata (công ty liên doanh giữa Vinaconex và tập đoàn Taisei—Nhật Bản). Ông cũng là Giám đốc dự án Nhà ga T2 - Cảng hàng không quốc tế Nội Bài của Tổng công ty.
- Ngoài chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty, ông còn là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty TNHH MTV Vinaconex CM, Vinaconex 11, Phó Chủ tịch HĐQT Vinasanwa và Thành viên HĐQT Vinaconex 1.



Ông THÂN THẾ HÀ
Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1969, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ tháng 08/2014.

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Kinh tế vận tải
- Cử nhân Kinh tế ngoại thương
- Thạc sĩ Quản lý kinh tế

Kinh nghiệm:

- Gia nhập Tổng công ty VINACONEX từ những ngày đầu sau khi ra trường, ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý tại các công ty thương mại thuộc Tổng công ty như Công ty đầu tư thương mại Tràng Tiền, Trung tâm Xuất khẩu lao động và Thương mại Vinaconex, Vinaconex MEC và Công ty CP Xi măng Cẩm Phả.
- Ngoài các chức vụ tại Tổng công ty, ông cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị của một số đơn vị kinh doanh thương mại như Vinaconex MEC, VIWACO, An Khánh JVC, Vinahud và Công ty CP Phát triển thương mại Vinaconex (VCTD).



Ông DƯƠNG VĂN MẬU
Phó Tổng giám đốc

Sinh năm 1978, ông được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ tháng 10/2013..

Trình độ chuyên môn:

- Kỹ sư Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Kinh nghiệm:

- Ông là người có nhiều hiểu biết và kinh nghiệm về lĩnh vực khoa học công nghệ, tư vấn thiết kế, ứng dụng vào thực tế mang lại hiệu quả cao.
- Trước khi về Tổng công ty giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, ông từng trải qua nhiều chức vụ quản lý tại các công ty tư vấn thiết kế thuộc Tổng công ty.
- Ngoài các chức vụ tại Tổng công ty, ông cũng là Chủ tịch Hội đồng quản trị Vinasinco, Công ty Thủy tinh Bohemia, Vinaconex 17, Vinaconex Dung Quất, Vinaconex ITC, Công ty Bất động sản Vinaconex và Công ty TNHH MTV Vinaconex Invest.

NHÂN SỰ BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2017, VINACONEX đã bầu mới Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017–2022



Ông ĐẶNG THANH HUẤN

Trưởng Ban

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Anh Văn
- Cử nhân Tài chính Tín dụng
- Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
- Chứng chỉ kiểm toán (1998)

Kinh nghiệm:

- Ông Huấn là Trưởng ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2006 khi Tổng công ty tiến hành cổ phần hóa và tiếp tục được bầu là Trưởng ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022 vào tháng 04/2017.
- Ông công tác tại Vinaconex từ năm 2002 và đã từng giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch (nay là Ban Tài chính – Kế hoạch). Ông hiện còn là Trưởng ban Kiểm soát của nhiều đơn vị thành viên của Vinaconex.



Ông VŨ HỒNG TUẤN

Thành viên

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm:

- Ông Tuấn hiện là Trưởng Ban Quản lý rủi ro của Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC). Ông Tuấn là Thành viên Ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2011.
- Trước đó, ông từng là Thanh tra viên chính - Thanh tra Bộ Tài chính từ năm 1990 - 2011.

**Bà NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG**

Thành viên

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân ngoại ngữ tiếng Anh
- Thạc sĩ Kinh tế

Kinh nghiệm:

- Bà được bầu vào Ban Kiểm soát từ tháng 04/2017.
- Làm việc tại Tổng công ty VINACONEX từ năm 2001, bà lần lượt trải qua các vị trí tại Ban Tài chính - Kế hoạch.
- Từ năm 2012 - 2014, bà giữ chức vụ Trưởng phòng Tái cấu trúc thuộc Ban Quản lý và Giám sát Đầu tư tài chính.
- Từ năm 2014 đến nay, bà được bổ nhiệm làm Phó Giám đốc Ban Quản lý và Giám sát Đầu tư tài chính.

**Bà KIỀU BÍCH HOA**

Thành viên

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Kinh nghiệm:

- Bà Hoa công tác tại Ban Đầu tư II, Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (SCIC) từ năm 2006. Bà Hoa là Thành viên Ban Kiểm soát Vinaconex từ năm 2011.
- Vào tháng 04/2017, bà tiếp tục được bầu tham gia Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022.

**Ông NGUYỄN MINH QUANG**

Thành viên

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Tài chính ngân hàng
- Thạc sĩ Tài chính

Kinh nghiệm:

- Ông được bầu vào Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2017 - 2022 từ tháng 04/2017.
- Từ năm 2011 - 2012, ông làm Chuyên viên Khối Đầu tư tại Hội sở chính Ngân hàng TMCP Quân Đội (MB)
- Hiện nay, ông đang là Trợ lý Dự án – Ban Đầu Tư Tài Chính tại Tập đoàn Viễn thông Quân Đội (Viettel)

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Tên công ty	Vốn điều lệ	Số tiền góp vốn trong năm 2017	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/2017
1	Công ty TNHH MTV Vinaconex Invest	300	2	100%
2	Công ty TNHH MTV Vinaconex CM	200	200	100%
3	Công ty CP Vinaconex 25	120	30,6	51%
4	Công ty CP Bất động sản Vinaconex	80	27,3	99,99%
5	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2)	499,94	49,14	73,24%

Năm 2017, Tổng công ty đã tích cực triển khai việc thành lập 02 Công ty nòng cốt hoạt động trong lĩnh vực Xây dựng và Đầu tư kinh doanh bất động sản là Vinaconex CM và Vinaconex Invest theo định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn 2017-2022. Cụ thể:

Công ty Xây dựng Vinaconex (Vinaconex CM) là công ty nòng cốt của Tổng công ty hoạt động chính trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và xây dựng cơ sở hạ tầng, lấy nguồn gốc hình thành từ Trung tâm Đấu thầu và Quản lý dự án của Tổng công ty. Tổng công ty sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty.

Tổng công ty đã hoàn tất các thủ tục thành lập công ty và góp đủ 200/200 tỷ đồng vốn điều lệ tại Vinaconex CM. Hoạt động chính của Vinaconex CM trong năm 2017 chủ yếu hoàn thiện các thủ tục pháp lý, kiện toàn nhân sự và từng bước chuyển giao các công việc từ Trung tâm Đấu thầu và Quản lý dự án của Tổng công ty.

Công ty Đầu tư Vinaconex (Vinaconex Invest) là công ty nòng cốt của Tổng công ty tập trung

hoạt động chính trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các lĩnh vực đầu tư khác hiện Tổng công ty có kinh nghiệm triển khai mang lại hiệu quả cao như năng lượng (thủy điện), phát triển hạ tầng về lĩnh vực đầu tư.

Trong năm 2017, Tổng công ty đã hoàn tất các thủ tục thành lập công ty và góp vốn 2 tỷ đồng/300 tỷ đồng vốn điều lệ. Tổng công ty đang tiếp tục triển khai các thủ tục tăng vốn tại Vinaconex Invest đồng thời xem xét điều chuyển các công ty dự án mà Tổng công ty đang triển khai về đầu mối quản lý của Vinaconex Invest.

Bên cạnh việc đầu tư vốn thành lập 02 công ty nòng cốt, trong năm 2017, Tổng công ty đã thực hiện đầu tư tăng vốn tại một số đơn vị hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính của Tổng công ty: Vinaconex 25, Công ty CP Bất động sản Vinaconex; hoặc hoạt động trong lĩnh vực đầu tư mà Tổng công ty có kinh nghiệm triển khai mang lại hiệu quả cao: Nedi2.

Tổng giá trị vốn thực hiện đầu tư trong năm 2017 là 309,04 tỷ đồng.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



DỰ ÁN TÒA CHUNG CƯ 2B - VINATA TOWERS

Chủ đầu tư: Tổng công ty CP Vinaconex

Quy mô: Tòa chung cư gồm 31 tầng nổi và 3 tầng hầm.

Tổng mức đầu tư dự kiến: 618,7 tỷ đồng (QĐ 0656/2016 ngày 12/12/2016 phê duyệt Báo cáo NCKT điều chỉnh dự án)

Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thành lập BQLDA trực tiếp quản lý

Thời gian thực hiện dự án: 2016-2018

Tình hình triển khai dự án:

- Dự án đã triển khai thi công xong phần thô, hiện đang tiến hành hoàn thiện tòa nhà. Dự kiến sẽ hoàn thành xong công trình và bắt đầu tiến hành bàn giao đưa công trình vào sử dụng vào đầu Quý 3/2018.
- Đang triển khai công tác bán hàng theo phương án được duyệt.



DỰ ÁN CẢI TẠO KHU CHUNG CƯ CŨ 97-99 LÁNG HẠ

Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco) (Vinaconex tham gia hợp tác đầu tư với Cty Petrowaco theo tỷ lệ 45/55)

Quy mô: Tòa chung cư gồm 31 tầng nổi và 3 tầng hầm.

Tổng mức đầu tư dự kiến: 618,7 tỷ đồng (QĐ 0656/2016 ngày 12/12/2016 phê duyệt Báo cáo NCKT điều chỉnh dự án)

Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thành lập BQLDA trực tiếp quản lý

Thời gian thực hiện dự án: 2016-2018

Tình hình triển khai dự án:

- Dự án đã triển khai thi công xong phần thô, hiện đang tiến hành hoàn thiện tòa nhà. Dự kiến sẽ hoàn thành xong công trình và bắt đầu tiến hành bàn giao đưa công trình vào sử dụng vào đầu Quý 3/2018.
- Đang triển khai công tác bán hàng theo phương án được duyệt.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



DỰ ÁN CẢI TẠO CHUNG CƯ CŨ 93 LĂNG HẠ

Chủ đầu tư: Công ty CP Bất động sản Vinaconex (Tổng công ty sở hữu 99,9% vốn)

Quy mô: Phá dỡ khu tập thể cũ L1, L2 (5 tầng) để xây dựng lại thành tòa nhà cao 27 tầng (không kể tầng kỹ thuật)

Tổng mức đầu tư dự kiến: 949 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện: Từ quý 1/2017 đến hết quý 2/2019.

Tình hình thực hiện dự án trong năm 2017:

- Công tác chuẩn bị đầu tư: Đã hoàn thiện xong các thủ tục chuẩn bị đầu tư (Điều chỉnh phương án kiến trúc công trình, thẩm duyệt luận chứng PCCC, thẩm định thiết kế cơ sở, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, được cấp Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về PCCC, thẩm định thiết kế kỹ thuật).
- Công tác giải phóng mặt bằng: Đã được gần 90% căn hộ thống nhất thỏa thuận phương án bồi thường hỗ trợ và tái định cư, hiện còn một số căn hộ tầng 1 chưa thống nhất được phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư với Chủ đầu tư.
- Chủ đầu tư đang phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền đẩy nhanh tiến độ GPMB để khởi công vào quý 2 năm 2018.



DỰ ÁN 25 NGUYỄN HUY TƯỜNG

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội (Tổng công ty chiếm 100% vốn)

Quy mô: Tòa chung cư cao 33 tầng (chưa bao gồm 3 tầng hầm) và 04 nhà liên kế thấp tầng

Tổng mức đầu tư dự kiến: 637,5 tỷ đồng

Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư thành lập BQLDA trực tiếp quản lý

Thời gian thực hiện dự án: Từ quý 3/2016 đến hết quý 3/2020

Tình hình triển khai dự án:

- Hiện dự án đã thi công xong phần ngầm và đang thi công kết cấu phần thân.
- Dự kiến mở bán chính thức vào tháng 4/2018.



DỰ ÁN KHU CÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO 2 HÒA LẠC

Chủ đầu tư: Tổng công ty CP VINACONEX

Quy mô: Dự án ĐTXD và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu CN CNC2 Hòa Lạc gồm: hệ thống đường giao thông, cấp điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải, thông tin liên lạc và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đã được tạo ra (không bao gồm các công trình hạ tầng được đầu tư bằng vốn ngân sách nhà nước).

Các hạng mục đầu tư:

- San nền
- Hệ thống: đường nội bộ và các điểm nối với hệ thống giao thông chung Khu CNC Hòa lạc
- Hệ thống cấp điện
- Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải

Tổng mức đầu tư dự kiến: 1316,7 tỷ đồng

Tiến độ thực hiện: 2014 - 2020.

Tình hình thực hiện dự án trong năm 2017:

- Công tác GPMB dự án: Trong năm 2017, công tác GPMB dự án triển khai còn hạn chế do Thành phố Hà Nội chưa phê duyệt được dự án GPMB và tái định cư huyện Quốc Oai nên BQL khu CNC Hòa lạc không bố trí được vốn ngân sách Nhà nước. Tổng lũy kế kết quả GPMB toàn dự án đến hết năm 2017: diện tích đã có mặt bằng sạch: 190,8 ha/270,8 ha; diện tích đã chi trả tiền còn vướng mắc: 42,5 ha; Diện tích chưa chi trả: 37,5 ha.
- Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị định số 74/2017/NĐ-TTG ngày 20/6/2017 quy định cơ chế chính sách đặc thù đối với Khu CNC Hòa Lạc. Hiện Vinaconex đang phối hợp với CNC Hòa Lạc để hoàn thiện pháp lý theo Nghị định.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN



DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI SPLENDORA GIAI ĐOẠN 2

Chủ đầu tư: Công ty An Khánh JVC (Vinaconex chiếm 50%)

Tổng diện tích dự án : 264,13 ha

Diện tích đã thực hiện giai đoạn 1: 46,93 ha (gồm 317 căn biệt thự, 236 căn liền kề và 496 căn hộ chung cư)

Diện tích còn lại: 198,96 ha bao gồm:

- Biệt thự: 523 căn
- Liền kề: 463 căn
- Chung cư: 22 tòa.
- Hỗn hợp: 16 tòa cao tầng + 5 khối thấp tầng
- Trường học: 4 trường mầm non, 2 tiểu học, 3 THCS và 1 THPT
- Công cộng: 3 khối 2-3 tầng

Diện tích đất: 160.548 m²

Diện tích đất: 62.503 m²

Diện tích đất: 151.977 m²

Diện tích đất: 174.154 m²

Diện tích đất: 110.236 m²

Diện tích đất: 19.240 m²

Tình hình thực hiện dự án:

- Cuối năm 2017, Công ty có sự thay đổi cổ đông góp vốn khi Công ty CP địa ốc Phú Long nhận chuyển nhượng 50% vốn từ Posco E&C và thay thế Posco E&C tại Công ty.
- Đang triển khai xây dựng và hoàn thiện khu Biệt thự ven hồ (BT5) với quy mô 4,7ha, cung cấp cho thị trường 77 căn biệt thự, dự kiến bàn giao cho khách hàng từ tháng 4/2018.



DỰ ÁN THỦY ĐIỆN NGÒI PHÁT MỞ RỘNG

Chủ đầu tư: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI 2)

Địa điểm xây dựng: Xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Mục tiêu đầu tư: Xây dựng nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng với công suất lắp máy 12MW cung cấp điện lượng bình quân năm $E_0=20,58$ triệu Kwh vào lưới điện quốc gia, góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của địa phương và lợi nhuận cho Chủ Đầu tư.

Quy mô: 84 MW

Tổng mức đầu tư dự kiến: 144,2 tỷ

Thời gian thực hiện dự án: 18 tháng (không tính thời gian chuẩn bị dự án)

Diện tích đất sử dụng: 16,6 ha

Tình hình triển khai dự án:

- Hoàn thành toàn bộ công tác chuẩn bị đầu tư dự án
- Hoàn thành 100% công tác giải phóng mặt bằng
- Đã tổ chức khởi công dự án. Hoàn thành bước khảo sát, đơn vị tư vấn đã cơ bản hoàn thành thiết kế BVTC.
- Hoàn thành công tác thu xếp vốn, đã ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam cấp tín dụng cho dự án với tổng hạn mức là 100 tỷ đồng. Dự kiến sẽ hoàn thành phương án đàm phán giá điện trong quý 2/2018.

CÁC DỰ ÁN XÂY LẮP ĐANG TRIỂN KHAI

STT	Tên hợp đồng	Chủ đầu tư
1	Gói thầu CP-1A: Phát triển Hạ tầng chính Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng Khu công nghệ cao Hòa Lạc	Ban Quản lý dự án Phát triển cơ sở hạ tầng Khu Công nghệ cao Hòa Lạc
2	Gói thầu 14B1 - An toàn giao thông và chiếu sáng Km65+000 -Km99+500) Dự án Xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam
3	Gói thầu 14B2 - An toàn giao thông và chiếu sáng (Km99+500 – Km139+204) Dự án Xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam
4	Dự án: Đầu tư xây dựng lại khu tập thể cũ số 97-99 phố Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội. Gói thi công phần thô	Công ty Cổ phần Bất Động Sản Dầu Khí
5	Dự án Chung cư CT-19B khu đô thị Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	Nhà thầu chính: Công ty TNHH phát triển bất động sản M.I.K Việt Nam
6	Dự án Tổ hợp trung tâm thương mại và trung bày sản phẩm, văn phòng cho thuê và căn hộ để ở số 25 Nguyễn Huy Tưởng	Công ty TNHH Thủy tinh Pha Lê BOHEMIA Hà Nội
7	Dự án thi công xây dựng hạ tầng và biệt thự - Khu biệt thự cao cấp ven hồ BT5 khu đô thị mới Bắc An Khánh	Công ty Liên doanh phát triển đô thị mới Bắc An Khánh
8	Dự án Sài Gòn Villas Hill	Công ty TNHH MTV An Phú
9	Mapletree Bình Dương	Công ty TNHH Mapletree Logistics Park Phase 3 (Việt Nam)
10	Hợp đồng tổng thầu thiết kế xây dựng công trình hỗn hợp 120 Định Công, Hà Nội	Công ty Cổ phần tập đoàn T&T
11	Thi công phần thân và xây trát tường bao ngoài nhà thuộc dự án Tổ hợp văn phòng, dịch vụ thương mại và nhà ở Thành An Tower số 21 Lê Văn Lương	Công ty Cổ phần Landmark Holding
12	Đại học Việt Đức	Ban quản lý dự án Trường Đại học Việt Đức

Giá trị hợp đồng	Giá trị phần công việc của Vinaconex	Ngày ký HĐ	Ngày kết thúc dự kiến
4,149,898,584,329	1,244,969,575,299	17/06/2015	6/2018
217,598,847,370	217,598,847,370	06/05/2016	09/2018
200,310,596,639	200,310,596,639	06/05/2016	09/2018
12,000,000,000	504,202	31/07/2015	10/2018
136,330,193,000	136,330,193,000	19/11/2015	30/03/2018
79,485,774,000	79,485,774,000	19/05/2017	5/2019
473,872,244,000	473,872,244,000	16/06/2017	4/2018
78,996,248,000	78,996,248,000	26/06/2017	30/04/2018
138,221,469,272	138,221,469,272	30/05/2017	25/06/2018
546,719,717,425	546,719,717,425	03/11/2016	05/2019
129,082,798,000	129,082,798,000	28/12/2017	02/2019
391,253,756,957	289,527,780,148	02/03/2018	03/2020

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

HỢP NHẤT

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	22,845,352,419,986	21,629,224,399,293	-5.3%
Doanh thu thuần	8,547,840,965,153	10,897,515,140,480	27.5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	812,188,668,659	1,940,683,160,439	138.9%
Lợi nhuận khác	24,664,534,015	10,806,378,011	-56.2%
Lợi nhuận trước thuế	836,853,202,674	1,951,489,538,450	133.2%
Lợi nhuận sau thuế	712,625,243,811	1,629,138,387,815	128.6%

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.20	1.31
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.29	0.39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	67	63
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	205	175
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	2.19	2,30
Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0.37	0.50
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.08	0.15
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.03	0.08
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		0.10	0.18
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0.10	0.21

1. Tình hình tài sản

Năm 2017, giá trị Tổng tài sản hợp nhất của Tổng công ty là 21.629 tỷ đồng giảm 1.216 tỷ đồng so với năm 2016 tương đương giảm 5,3%. Nguyên nhân chính là do việc thoái vốn tại các Công ty liên doanh liên kết và thu hồi các khoản cho vay dài hạn làm cho tài sản dài hạn giảm. Bên cạnh đó, việc bàn giao các dự án bất động sản cũng là nguyên nhân làm cho hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính hợp nhất giảm.

- Các khoản phải thu về cho vay dài hạn giảm 502 tỷ đồng, từ 1.765 tỷ đồng còn 1.263 tỷ đồng. Nguyên nhân chính là Tổng Công ty thu hồi được các khoản phải cho vay tại Công ty cổ phần Xi măng Cẩm Phả, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển năng lượng Vinaconex, Công ty CP nước sạch Vinaconex...
- Việc thoái vốn tại các Công ty liên doanh

liên kết làm cho chỉ tiêu “Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết” giảm 417 tỷ từ mức 1.002 tỷ năm 2016 xuống còn 585 tỷ năm 2017, cụ thể là Công ty TNHH liên doanh quốc tế Vinaconex – Taisei; Công ty CP tài chính Vinaconex – Viettel

Năm 2017, chỉ tiêu Tài sản cố định giảm mạnh nguyên nhân chính là do Tổng công ty thoái vốn toàn bộ tại hai Công ty con là Công ty CP nước sạch Vinaconex, Công ty CP xây dựng số 7 nên chỉ tiêu Tài sản cố định trên Báo cáo tài chính hợp nhất giảm mạnh, giảm 614 tỷ từ 3.399 tỷ năm 2016 xuống còn 2.785 tỷ năm 2017.

Hàng tồn kho giảm 391 tỷ so với năm 2016 do một số đơn vị thành viên như Công ty CP Vimenco, Công ty CPXD số 2, Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị Vinaconex (Vinahud) đầu tư các dự án bất động sản đã bàn giao dự án, đủ điều kiện ghi nhận doanh thu và kết chuyển giá vốn.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	60,05	55,46
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	39,95	44,54

Tỷ trọng tài sản ngắn hạn năm 2017 tăng so với đầu kỳ do các khoản tiền gửi và các khoản phải thu tăng.

2. Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm 2017 trên BCTC hợp nhất là 13.771 tỷ đồng giảm 1.594 tỷ đồng, nợ ngắn hạn giảm 147 tỷ đồng, nợ dài hạn giảm 1.446 tỷ đồng so với năm 2016, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 75,7% tổng nợ.

Nợ dài hạn giảm 1.446 tỷ đồng, trong đó:

- Người mua trả tiền trước dài hạn giảm 818 tỷ đồng do một số dự án đầu tư bất động sản hoàn thành bàn giao và xuất hóa đơn

giá trị gia tăng cho khách hàng như Công ty CP Vimenco, Công ty CP đầu tư phát triển nhà và đô thị Vinaconex.

Vay dài hạn giảm 520 tỷ so với năm 2016 do Tổng công ty thanh toán các khoản nợ đến hạn và việc không hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty CP nước sạch Vinaconex, Công ty CP xây dựng số 7 cũng làm chỉ tiêu Vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm so với năm 2016.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,31	1,20
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,39	0,29

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán năm 2017 đều tăng nhẹ so với năm 2016, hệ số thanh toán ngắn hạn lớn hơn 1, điều này cho thấy Tổng Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn trong vòng 12 tới.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

CÔNG TY MẸ

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	10,420,378,665,045	10,346,414,954,054	-1%
Doanh thu thuần	3,079,178,818,402	3,300,206,102,150	9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	403,625,042,220	1,240,744,490,820	277%
Lợi nhuận khác	1,482,061,842	195,811,648	-34%
Lợi nhuận trước thuế	405,107,104,062	1,240,940,302,468	273%
Lợi nhuận sau thuế	366,460,116,057	1,068,936,231,329	231%
Cổ tức	8%	10%	29%

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2016	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.18	1.43
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0.18	0.39
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	45	42
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	83	73
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6.88	5.64
Doanh thu thuần/Tổng tài sản		0.3	0.32
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		0.11	0.32
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		0.035	0.10
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần		0.13	0.38
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu		0.07	0.19

1. Tình hình tài sản

Kết thúc năm tài chính 2017, tổng tài sản của Công ty mẹ đạt 10.346 tỷ đồng, giảm 74 tỷ đồng (tương đương giảm 0,71%) so với năm 2016. Trong đó, các chỉ tiêu tài sản có sự biến động lớn trong năm 2017 gồm:

Nhóm các tài sản giảm:

- Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và dài hạn giảm 447,8 tỷ đồng do trong năm Tổng Công ty thu hồi các khoản cho vay của Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex.
- Giá trị khoản đầu tư vào Công ty con, liên danh, liên kết giảm 486 tỷ đồng do trong năm Tổng công ty tiến hành thoái vốn tại một số công ty với tổng giá vốn là 832,6 tỷ đồng; góp vốn/tăng

vốn thêm tại một số công ty số tiền 309,6 tỷ đồng đồng thời tăng trích lập dự phòng đầu tư tài chính 37 tỷ đồng.

Nhóm các tài sản tăng:

- Tiền và các khoản tương đương tiền tăng 535,7 tỷ đồng (tương đương tăng 80,3%); tiền gửi có kỳ hạn tăng 407 tỷ đồng so với năm 2016. Số tiền trên thu được chủ yếu từ hoạt động thoái vốn tại các đơn vị thành viên, liên doanh liên kết và thu hồi các khoản cho vay dài hạn tại Công ty cổ phần xi măng Cẩm Phả.
- Phải thu khách hàng tăng 97 tỷ đồng so với cùng kỳ

Từ những chi tiết tăng giảm các khoản thuộc tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn nêu trên đã làm thay đổi cơ cấu của tài sản theo hướng tỷ trọng Tài sản ngắn hạn tăng, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
Cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	55,74	48,64
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	44,26	51,36

2. Tình hình nợ phải trả

Trong năm 2017, toàn bộ các khoản nợ của Tổng công ty được thanh toán đúng hạn, cho đến nay, tại Tổng công ty không có nợ quá hạn, nợ xấu. Kết thúc năm tài chính 2017, nợ phải trả của Tổng công ty

là 4.368 tỷ đồng giảm 361 tỷ đồng. Trong đó nợ ngắn hạn giảm 258 tỷ đồng và nợ dài hạn giảm 103 tỷ đồng.

Sự biến động về cơ cấu vốn thể hiện ở các chỉ tiêu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2016
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	42,21	45,38
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	57,79	54,62

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

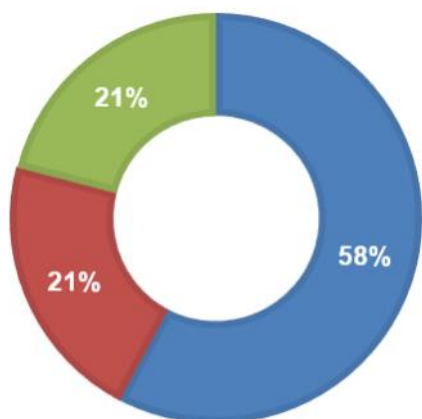
TT	Nội dung	Chi tiết	Tỷ lệ
I Cổ phần:			
1	Mã giao dịch:	VCG	
2	Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần	
3	Thị trường niêm yết:	Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội	
4	Người chịu trách nhiệm CBTT:	Ông Thân Thế Hà Phó Tổng giám đốc	
5	Tổng số cổ phần đang lưu hành:	441.710.673	100%
6	Loại cổ phần:	Phổ thông	
II Cơ cấu cổ đông:			
1	SCIC:	255.251.153	57,79%
	Viettel:	94.010.175	21,28%
2	Cổ đông tổ chức:	392.417.556	88,84%
	Cổ đông cá nhân:	49.293.117	11,16%
3	Cổ đông trong nước:	403.013.898	91,24%
	Cổ đông nước ngoài:	38.696.775	8,76%
4	Cổ đông nhà nước:	349.261.328	79,07%
	Cổ đông khác:	92.449.345	20,93%
5	Chứng khoán loại 1:	441.710.653	99,999995%
	Chứng khoán loại 2:	20	0,000005%
III Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:			
1	Chào bán ra công chúng:	Không	
2	Chào bán riêng lẻ:	Không	
3	Chuyển đổi trái phiếu:	Không	
4	Chuyển đổi chứng quyền:	Không	
5	Phát hành cổ phiếu thưởng:	Không	
6	Trả cổ tức bằng cổ phiếu:	Không	
IV Giao dịch cổ phiếu quỹ:		Không	
V Các chứng khoán khác:		Không	

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ, việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

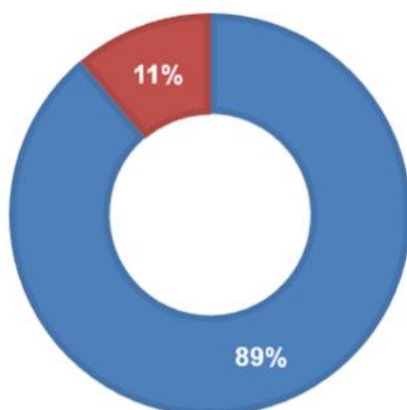
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

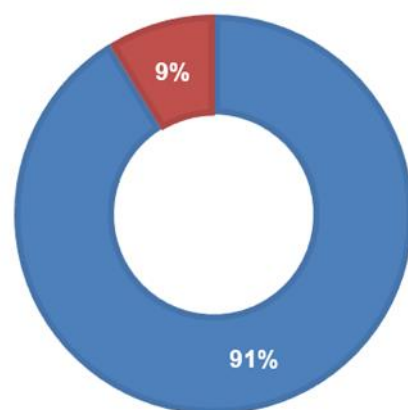
TT	Công ty có giao dịch	Thời gian thực hiện	Cổ đông nội bộ	Nội dung giao dịch
1	Công ty CPXD số 7 (VC7)	4/8/2017	Ông Thân Thế Hà Phó Tổng giám đốc	Bán 3.960.000 cổ phần (36% vốn điều lệ) theo chủ trương tái cấu trúc của VINACONEX
2	Công ty CPXD số 9 (VC9)	20/12/2017	Ông Phạm Văn Hải Ủy viên HĐQT Ông Dương Văn Mậu Phó Tổng giám đốc Ông Đặng Thanh Huân Trưởng Ban Kiểm soát	Bán 2.199.825 cổ phần (18,33% vốn điều lệ) theo chủ trương tái cấu trúc của VINACONEX
3	Công ty CPXD số 12 (VC12)	20/12/2017	Ông Trần Tuấn Anh UV HĐQT, Phó Tổng giám đốc Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang Thành viên Ban Kiểm soát	Bán 965.520 cổ phần (16,60% vốn điều lệ) theo chủ trương tái cấu trúc của VINACONEX
4	Công ty CPXD số 2 (VC2)	22/12/2017	Ông Đỗ Trọng Quỳnh UV HĐQT, Tổng giám đốc Ông Đặng Thanh Huân Trưởng Ban Kiểm soát	Bán 2.285.142 cổ phần (15,23% vốn điều lệ) theo chủ trương tái cấu trúc của VINACONEX
5	Công ty CP nước sạch Vinaconex (VCW)	22/12/2017	Ông Vũ Quý Hà Người đại diện vốn Ông Dương Văn Mậu Phó Tổng giám đốc Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang Thành viên Ban Kiểm soát	Bán 25.500.000 cổ phần (51% vốn điều lệ) theo chủ trương tái cấu trúc của VINACONEX



■ SCIC ■ Viettel ■ Các cổ đông khác



■ Cổ đông tổ chức ■ Cổ đông cá nhân



■ Cổ đông trong nước ■ Cổ đông nước ngoài



PHẦN 03

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH



BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

PHẦN 1: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

Theo định hướng “**Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ, nâng cao thương hiệu Vinaconex**”, ngay từ đầu năm, Ban điều hành Tổng Công ty bên cạnh việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trên 02 lĩnh vực chính (xây lắp và kinh doanh bất động sản), các hoạt động phụ trợ, đã chủ động xây dựng kế hoạch tiếp tục tái cấu trúc những đơn vị thành viên, rút gọn các đầu mối và thu hồi vốn đầu tư để tập trung nguồn tài chính cũng như các nguồn lực khác giúp Tổng Công ty tiếp tục ổn định và phát triển.

Với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, sự nỗ lực của tập thể Ban điều hành và cán bộ công nhân viên của toàn Tổng Công ty, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 của Tổng Công ty đã có bước tiến mới so với thực hiện năm 2016. Cụ thể:

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính so với Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2017 của Công ty Mẹ (Số liệu theo BCTC Công ty Mẹ đã kiểm toán):

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2016	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % so với kế hoạch năm	Tỷ lệ % so với thực hiện 2016
1	Tổng doanh thu	3.435,3	4.115,6	4.480,7	108,9%	130,4%
2	Lợi nhuận sau thuế	366,5	443,4	1.068,9	241,0%	291,7%
3	Cổ tức	8%	10%	12%	120%	150,0%

2. Đánh giá chung tình hình thực hiện kế hoạch năm 2017:

- Bên cạnh những nét khởi sắc của nền kinh tế trong nước năm 2017 thì vẫn còn tồn tại những khó khăn, tỷ lệ nợ công, nợ xấu ngân hàng còn lớn dẫn tới đầu tư công còn hạn chế, cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành, đòi hỏi Tổng Công ty phải nỗ lực rất nhiều để tìm kiếm nguồn việc. Được sự chỉ đạo sát sao và ủng hộ của Hội đồng quản trị, ngay từ đầu năm, Ban điều hành Tổng Công ty đã bám sát kế hoạch được giao, kiểm soát tình hình triển khai các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Các số liệu quản trị và những vướng mắc trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh được cập nhật hàng tuần, hàng tháng..., giúp Ban điều hành có thông tin đa chiều, toàn diện và đưa ra các quyết định chỉ đạo kịp thời.
- Song song với công tác tái cấu trúc vốn đầu tư ở các đơn vị thành viên, Tổng Công ty đã hoàn tất các thủ tục cần thiết về pháp lý và nhân sự, chính thức ra mắt hai Công ty TNHH MTV Vinaconex INVEST, Vinaconex CM và đưa vào hoạt động trong năm 2017 theo đúng nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT. Sự kiện thành lập 2 Công ty nòng cốt hoạt động theo 2 lĩnh vực chính sẽ giúp Tổng Công ty tập trung nguồn lực phát triển theo định hướng đã được phê duyệt, tạo được ưu thế cạnh tranh trên thị trường.

- Việc Viện trưởng VKSND đã có Quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can đối với các đồng chí nguyên là lãnh đạo của Tổng Công ty liên quan đến quyết định đầu tư giai đoạn 1 dự án nước Sông Đà, đã giúp dư luận xã hội nhìn nhận, đánh giá đúng đắn hơn về vai trò của Vinaconex với tư cách là chủ đầu tư dự án.
- Kết quả thực hiện năm 2017 của Công ty Mẹ vượt trội so với kế hoạch năm do Đại hội cổ đông thường niên phê duyệt và so với kết quả thực hiện năm 2016; Tổng doanh thu đạt 108,9% và lợi nhuận sau thuế đạt 241% so với kế hoạch năm; tăng trưởng 30,4% và 191,7% so với kết quả thực hiện năm 2016.

3. Đánh giá tình hình hoạt động ở các lĩnh vực chính:

3.1. Hoạt động xây lắp:

- Mặc dù tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp cùng ngành, nhưng có thể nói hoạt động xây lắp của Tổng Công ty trong năm 2017 tiếp tục phát triển về chất và lượng. Doanh thu xây lắp tăng 10,6% so với thực hiện năm 2016, lợi nhuận gộp từ xây lắp đạt 102,1% so với kế hoạch năm và tăng 54% so với kết quả thực hiện năm 2016; Giá trị các hợp đồng xây lắp ký mới trong năm 2017 là **2.447,4** tỷ đồng, trong đó nhiều công trình có giá trị lớn đã mang về nguồn việc cho năm 2017 và gởi đầu sang năm 2018.
- Công tác tổ chức thi công trên các công trường được tổ chức tốt, đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và chất lượng.
- Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường và phòng chống cháy nổ đối với các dự án được hầu hết các đơn vị quan tâm, giảm thiểu tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cố gắng để tổ chức tốt cho đời sống người công nhân trên công trường.

3.2. Hoạt động đầu tư, kinh doanh bất động sản:

- Công tác đầu tư của Tổng Công ty trong năm 2017 tiếp tục được Lãnh đạo Tổng Công ty tập trung chỉ đạo tăng cường, mở rộng quan hệ với các địa phương có các dự án tiềm năng. Các lĩnh vực đầu tư được mở rộng phạm vi và số lượng dự án, bao gồm các dự án nhà ở, dự án phát triển hạ tầng giao thông,

dự án cấp thoát nước, dự án thủy điện tại các tỉnh thành trong cả nước.

- Bên cạnh việc kinh doanh cho thuê bất động sản sau đầu tư được duy trì ổn định, Tổng Công ty đang thực hiện đầu tư các dự án, cụ thể:
 - + Công ty Mẹ tập trung thực hiện đầu tư các dự án theo tiến độ: 97-99 Láng Hạ, 2B Vinata, 25 Nguyễn Huy Tưởng; triển khai bán hàng tại các dự án: 97-99 Láng Hạ, 2B Vinata...; tích cực hoàn thành giải phóng mặt bằng và các thủ tục đầu tư để có thể sớm khởi công dự án 93 Láng Hạ...
 - + Năm 2017, Tổng Công ty đã khởi công đầu tư Lô Biệt thự BT5 thuộc dự án Khu đô thị Bắc An Khánh (sau 4 năm tạm dừng), các sản phẩm của dự án đã hiện hữu và được phân phối ra thị trường, góp phần cải thiện hình ảnh chung của Khu đô thị, mang lại nguồn việc xây lắp và lợi nhuận cho Tổng Công ty...;

3.3. Hoạt động quản lý giám sát, đầu tư tài chính:

- Công tác kiểm tra, giám sát các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng Công ty được duy trì nề nếp.
- Các đơn vị có vốn góp của Tổng Công ty đã hoàn thành việc chi trả cổ tức theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên của mỗi đơn vị. Khoản cổ tức thu được từ các đơn vị năm 2017 tăng 19,96 tỷ đồng so với kế hoạch.

- Công tác tái cấu trúc các đơn vị đang được đẩy mạnh theo đúng quy định và tuân thủ kế hoạch đã được Hội đồng quản trị phê duyệt. Tính đến thời điểm 31/12/2017, Tổng Công ty có vốn góp tại 44 đơn vị. Danh mục đầu tư vốn của Tổng Công ty trong năm 2017 đã được giảm bớt từ 46 đơn vị (thời điểm 31/12/2016) xuống còn 44 đơn vị tại thời điểm 31/12/2017. Cụ thể:

- + Thoái 100% vốn đầu tư tại 04 đơn vị: VC7, Viwasupco, VINATA, VVF;
- + Giảm vốn đầu tư tại 05 đơn vị: Quỹ đầu tư Việt Nam, VC2, VC9, V12, Nhiệt Điện Quảng Ninh;
- + Thành lập mới 02 đơn vị: Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng (Vinaconex CM), Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư (Vinaconex Invest).
- + Ngoài ra trong năm 2017 Tổng công ty tăng vốn đầu tư tại Nedi2, Vinaconex 25, Công ty Bất động sản Vinaconex; được nhận thêm cổ phiếu thưởng tại VC1.

3.4. Công tác tài chính – kế toán:

- Công tác xây dựng Kế hoạch Ngân sách đã đáp ứng được yêu cầu của Hội đồng quản trị, ban điều hành Tổng Công ty, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty; giữ khả năng thanh toán của Tổng Công ty được ổn định.
- Trong năm 2017, Tổng công ty duy trì số dư nợ vay vốn lưu động ở mức phổ biến là 550 tỷ đồng, số dư nợ vay vốn lưu động luôn đảm bảo trong giới hạn số dư nợ vay được Hội đồng quản trị phê duyệt là 650 tỷ đồng. Lãi

suất vay vốn lưu động từ 5,5%/năm đến 6,2%/năm, trong khi lãi tiền gửi của Tổng công ty từ 6,5%/năm đến 6,8%/năm. Việc duy trì nợ vay vốn lưu động ở mức 550 tỷ đồng góp phần làm gia tăng lợi nhuận hoạt động tài chính (do lãi vay thấp hơn lãi tiền gửi), cùng với đó là số dư tiền gửi kỳ hạn tăng thêm 550 tỷ đồng và giảm thiểu số dư tài khoản vãng lai, tăng thêm hiệu quả cho hoạt động tài chính của Tổng công ty.

- Công tác thu xếp vốn đảm bảo đúng tiến độ thanh toán cho các khoản chi lớn của Tổng công ty như trả cổ tức 706 tỷ đồng (8% cổ tức chi trả năm 2016 và tạm ứng cổ tức 8% năm 2017), góp vốn vào công ty Vinaconex CM 200 tỷ đồng. Vay vốn tại các Ngân hàng thanh toán kịp thời cho các công trình thi công xây lắp, ứng vốn thi công gói thầu BT5 – Dự án Khu đô thị mới Bắc An Khánh để việc thi công đảm bảo đúng tiến độ.
- Tích cực công tác thu hồi công nợ, trong đó đã thu hồi được một số khoản nợ khó đòi ở Vinaconex Đà Nẵng, Vinaconex 4, Vinaconex 11, Vinaconex Sài Gòn....
- Phối hợp tốt với Kiểm toán Nhà nước trong đợt kiểm toán Báo cáo tài chính, các hoạt động liên quan đến quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước năm 2016 của Tổng Công ty. Kết luận của KTNN đã xác nhận Tổng Công ty bảo toàn được vốn, ghi nhận sự cố gắng trong việc tìm kiếm thêm các hợp đồng xây lắp và mở rộng thị trường đầu tư dự án bất động sản; đồng thời đã nêu: việc quản lý sử dụng vốn, tiền, tài sản nhà nước, thực hiện sản xuất kinh doanh của Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên cơ bản đã chấp hành đúng các quy định của Nhà nước về tài chính, kế toán và các quy định về quản lý đầu tư.

4. Công tác quan hệ cổ đông, phát triển thương hiệu, truyền thông:

- Các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh được phản ánh chính xác, kịp thời trên kênh thông tin chính thống là website của Tổng Công ty, góp phần giúp các cổ đông, đối

tác, độc giả tìm hiểu thông tin về Tổng Công ty.

- Mối quan hệ giữa Tổng Công ty và các cơ quan thông tấn báo chí được duy trì, phát triển. Lãnh đạo Tổng Công ty đã tạo điều kiện thuận

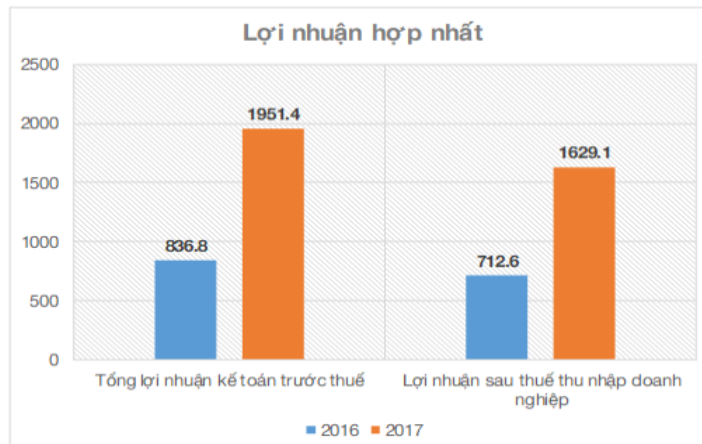
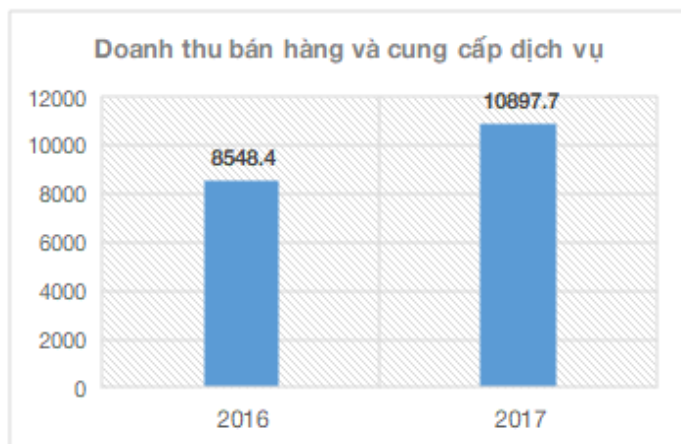
- lợi và trực tiếp tham gia đối thoại, cung cấp thông tin với cơ quan báo chí, góp phần nâng cao hình ảnh thương hiệu của Tổng Công ty trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Bên cạnh những thành tựu đáng tự hào trên các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017, Tổng Công ty còn vinh dự được trao tặng các giải thưởng, chứng nhận uy tín:
 - + Chứng nhận đạt TOP10 nhãn hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam (tháng 8/2017)

- + Top 30 doanh nghiệp thực hiện quản trị tốt nhất tại HNX năm 2016-2017 (tháng 11/2017)
- + Xếp hạng 112/500 tại bảng xếp hạng VNR500 năm 2017. Đặc biệt đối với ngành nghề xây dựng nhà, công trình kỹ thuật dân dụng, Vinaconex đứng thứ 6 (chỉ xếp sau các doanh nghiệp lớn là COTECCONS, Tổng Công ty 319, Tổng Công ty xây dựng Hòa Bình, DELTA và Tổng Công ty UDIC)

5. Kết quả kinh doanh hợp nhất:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	2017	2016	Thực hiện 2017/ Thực hiện 2016
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.897,7	8.548,4	127,5%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.951,4	836,8	233,2%
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.629,1	712,6	228,6%



Về kết quả kinh doanh:

Kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty tăng trưởng tốt thể hiện ở chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2017 đạt 1.629,1 tỷ đồng, tăng 916,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2016, tương đương mức tăng 228,6%. Lợi nhuận trong kỳ của Công ty mẹ và các đơn vị thành viên cao hơn năm 2016.

Về tình hình tài chính:

Các chỉ số tài chính của Tổng Công ty ở thời điểm cuối năm có sự biến động nhẹ so với thời điểm đầu năm, trong đó, tỷ trọng nợ trên tổng tài sản giảm dẫn đến Hệ số nợ giảm.

Việc thoái vốn tại các Công ty liên doanh, liên kết và thu hồi các khoản cho vay dài hạn dẫn tới tài sản dài hạn giảm và tổng tài sản giảm so với đầu năm 2017.

PHẦN 2: KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

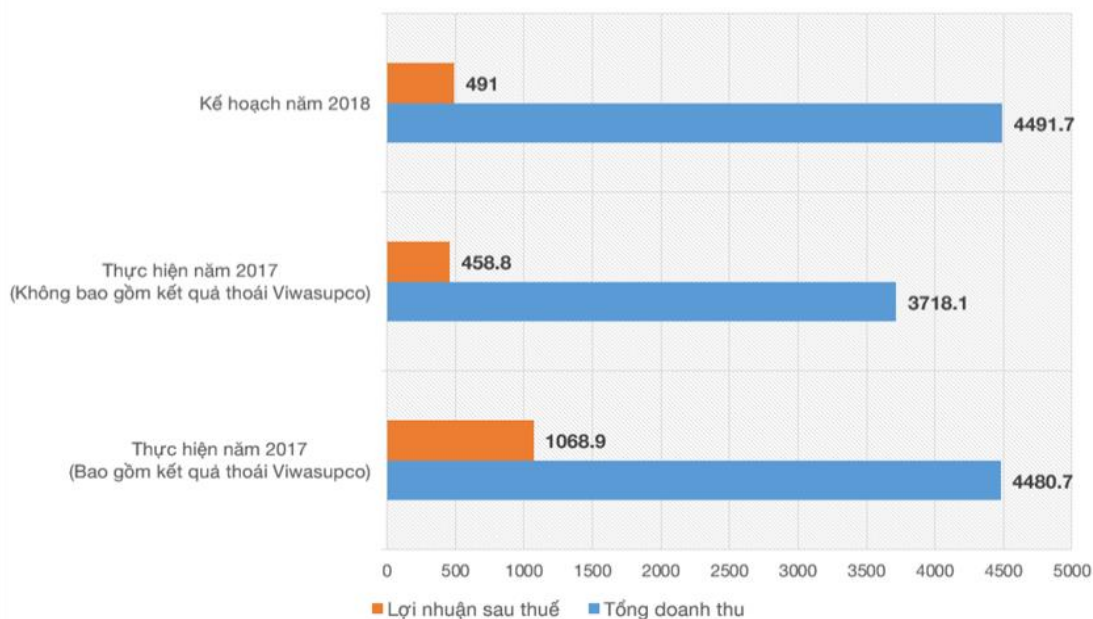
1. Mục tiêu kế hoạch năm 2018:

- Tiếp tục duy trì định hướng **“Đẩy mạnh sản xuất, tăng cường quan hệ, nâng cao thương hiệu Vinaconex”**.
- Tăng cường đầu tư chiều sâu, nâng cao năng lực, khả năng cạnh tranh trong lĩnh vực kinh doanh truyền thống là xây lắp và bất động sản

2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2017		Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ % so với thực hiện 2017	
		Bao gồm kết quả thoái Viwasupco	Không bao gồm kết quả thoái Viwasupco		Bao gồm kết quả thoái Viwasupco	Không bao gồm kết quả thoái Viwasupco
1	Tổng doanh thu	4.480,7	3.718,1	4.491,7	100,2%	120,8%
2	Lợi nhuận sau thuế	1.068,9	458,8	491,0	45,9%	107,0%
3	Cổ tức	12%	10%	12%	100,0%	120,0%



Do năm 2017 có khoản lợi nhuận đột biến từ việc thoái vốn ở Công ty CP Viwasupco (762,5 tỷ đồng), nên nếu chỉ so sánh về số liệu thuần túy thì chỉ tiêu lợi nhuận kế hoạch năm 2018 thấp hơn so với kết quả thực hiện năm 2017, nhưng nếu so sánh ở các hoạt động thường xuyên thì kế hoạch lợi nhuận năm 2018 của Công ty Mẹ tăng 7% so với thực hiện năm 2017 và tăng 34% so với thực hiện năm 2016.

3. Các giải pháp chính để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

- Đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, tổ chức tốt môi trường sống cho công nhân trên công trường, không để xảy ra bất kỳ vụ tai nạn nghiêm trọng nào.
- Làm tốt công tác phát triển thị trường, tìm kiếm nguồn việc:

- + Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước, tìm kiếm, tham gia dự thầu các gói thầu hiệu quả trong nước và quốc tế, mở rộng thị trường xây lắp ở khu vực miền Trung, miền Nam, đặc biệt là tiếp xúc với các đối tác đại diện vốn FDI.
- + Tích cực tham gia chào giá các dự án theo mô hình thiết kế tổng thầu thi công EPC, tiến tới hình thành và hoàn thiện dần mô hình triển khai song hành D&B (Design & Build); Nghiên cứu mô hình hóa dần các dự án thông qua hệ thống phần mềm quản lý BIM.
- Đặc biệt quan tâm đến vấn đề an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, tổ chức tốt môi trường sống cho công nhân trên công trường, không để xảy ra bất kỳ vụ tai nạn nghiêm trọng nào.
- Làm tốt công tác phát triển thị trường, tìm kiếm nguồn việc:
 - + Tiếp tục mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước, tìm kiếm, tham gia dự thầu các gói thầu hiệu quả trong nước và quốc tế, mở rộng thị trường xây lắp ở khu vực miền Trung, miền Nam, đặc biệt là tiếp xúc với các đối tác đại diện vốn FDI.
 - + Tích cực tham gia chào giá các dự án theo mô hình thiết kế tổng thầu thi công EPC, tiến tới hình thành và hoàn thiện dần mô hình triển khai song hành D&B (Design & Build); Nghiên cứu mô hình hóa dần các dự án thông qua hệ thống phần mềm quản lý BIM.
 - + Tìm kiếm một số nguồn công việc mang tính đặc thù như: khoan kích ngầm, xử lý nước thải, thi công dự án năng lượng sạch... để tạo tính lợi thế về năng lực kinh nghiệm cho Tổng Công ty trong tương lai.
- Triển khai công tác bán hàng tại dự án 25 Nguyễn Huy Tường; Tập trung tiêu thụ hàng sản phẩm bất động sản tại dự án Vinata.
- Tập trung nguồn lực quyết liệt triển khai dự án An Khánh để đưa các sản phẩm của dự án ra thị trường, đồng thời nghiên cứu triển khai thực hiện việc mua lại hoặc phân chia sản phẩm 50% (chủ đầu tư thứ phát) tại dự án Bắc An Khánh, nhằm tạo nguồn việc làm và tăng doanh thu, lợi nhuận cao từ dự án
- Tìm kiếm và mua lại các dự án đã có cơ bản pháp lý để có thể triển khai sớm. Đẩy mạnh công tác phát triển dự án để có nguồn việc gối đầu. Ưu tiên tìm kiếm phát triển các dự án tại các thành phố, địa phương có tiềm năng như: Quảng Ninh, Nha Trang, Thành phố Hồ Chí Minh...

3.3. Đối với hoạt động đầu tư vốn:

- Nỗ lực thực hiện thoái vốn đối với các đơn vị theo kế hoạch được Hội đồng quản trị phê duyệt, tiếp tục thu gọn danh mục đầu tư tài chính của Tổng công ty, thu hồi vốn, dòng tiền, giảm tỷ lệ góp vốn ở các đơn vị từ 51% xuống 36% để thu hút nguồn vốn đầu tư, tạo sự linh hoạt cho đơn vị, nhưng vẫn có mối liên hệ gắn kết trong hệ thống để tạo nên sức mạnh tổng hợp.
- Tăng cường công tác quản trị và giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị có vốn đầu tư của Tổng công ty từ công tác lập, phê duyệt, kiểm soát tình hình thực hiện kế hoạch, thông qua công tác rà soát định kỳ, kiểm tra đột xuất và thông qua người đại diện của Tổng công ty tại đơn vị, từ đó nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của đơn vị và lợi ích của Tổng công ty.

3.4. Đối với hoạt động tài chính:

Tiếp tục giữ vững sự ổn định, sử dụng linh hoạt, đúng quy định các nguồn và kênh tài chính nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh và đầu tư; Lập kế hoạch sử dụng vốn thu được từ công tác tái cấu trúc để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Tổng Công ty một cách hiệu quả nhất.

3.2. Đối với hoạt động đầu tư:

- Ổn định hoạt động cho thuê, kinh doanh bất động sản sau đầu tư.
- Tiếp tục thực hiện triển khai các dự án đầu tư theo tiến độ của Tổng Công ty: 93, 97 Láng Hạ, Vinata Tower, 25 Nguyễn Huy Tường...;

PHẦN 3: MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

1. Đánh giá nợ phải trả:

- Nợ phải trả tại 31/12/2017 là 4.367.637.875.365 đồng chiếm 42,2% trong Tổng tài sản của Tổng công ty, trong đó nợ phải trả ngắn hạn là 4.032.491.973.500 đồng, nợ dài hạn dài hạn là 335.145.901.865 đồng.
- Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2017 đạt 1,43 lần nằm trong giới hạn an toàn cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của Tổng công ty là tốt.

Chi tiêu	31/12/2017	31/12/2016	Biến động 2017 so với 2016
NỢ PHẢI TRẢ	4,367,637,875,365	4,728,428,429,513	(360,790,554,148)
I. Nợ ngắn hạn	4,032,491,973,500	4,290,290,015,977	(257,798,042,477)
1. Phải trả người bán ngắn hạn	1,793,787,096,211	2,038,095,584,588	(244,308,488,377)
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	245,977,719,525	774,437,172,922	(528,459,453,397)
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	165,884,855,358	1,659,914,253	164,224,941,105
4. Phải trả người lao động	49,484,776,119	36,157,880,521	13,326,895,598
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	375,245,976,728	336,603,827,292	38,642,149,436
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	27,449,010,543	27,052,462,692	396,547,851
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	551,954,023,041	723,099,439,648	(171,145,416,607)
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	144,805,553,513	-	144,805,553,513
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,265,650,843	3,826,080,843	6,439,570,000
II. Nợ dài hạn	335,145,901,865	438,138,413,536	(102,992,511,671)
1. Phải trả dài hạn người bán	-	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	-	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	14,620,136,000	14,620,136,000	-
4. Vay và nợ dài hạn	39,447,387,416	117,037,460,749	(77,590,073,333)
5. Dự phòng phải trả dài hạn	-	147,461,452,457	(147,461,452,457)
6. Doanh thu chưa thực hiện	281,078,378,449	159,019,364,330	122,059,014,119

2. Đánh giá phải thu xấu:

Theo thuyết minh số 11 trên Báo cáo tài chính Công ty Mẹ, tại 31/12/2017, Tổng giá trị nợ xấu và nợ khó đòi là 298.144.723.114 đồng, số dư trích lập phải thu khó đòi là 292.055.598.643 đồng. Tuy vậy, trong năm 2017 do công tác thu hồi nợ có kết quả tốt, nợ xấu giảm so với năm 2016 nên Tổng công ty được hoàn nhập 6.822.059.891 đồng làm tăng kết quả sản xuất kinh doanh 6.822.059.891 đồng.

3. Đánh giá tài sản xấu: Không có

4. Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá đến kết quả kinh doanh:

Lãi chênh lệch tỷ giá	:	325.666.517 đ
Lỗ chênh lệch tỷ giá	:	-4.233.891.346 đ
Ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh	:	Lỗ 3.908.224.829 đ

5. Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay tới kết quả kinh doanh:

Lãi tiền gửi và cho vay	:	126.783.954.393 đ
Chi phí lãi vay	:	71.317.438.413 đ
Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay tới kết quả kinh doanh	:	Lãi 55.466.515.980 đ

6. Giải trình của Ban điều hành đối với ý kiến của kiểm toán:

- Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 16/06/2016 là văn bản tiếp theo của Thông báo số 65/TB/VPCP ngày 29/02/2012 về việc xử lý sau thanh tra cổ phần hóa của Tổng Công ty Vinaconex. Nội dung này đã được Công ty Kiểm toán nêu trong Báo cáo tài chính các năm từ 2010 đến 2016 và hàng năm Tổng Công ty Vinaconex đã giải trình với Ủy Ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán, các cổ đông về nội dung này.
- Theo Thông báo số 54/TB-UBND ngày 02/03/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Cát Hải, Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (“Vinaconex ITC”), một công ty con của Tổng công ty Vinaconex, phải tạm dừng triển khai Dự án khu đô thị du lịch Cát Giá, Cát Bà cho tới khi có Phương án quy hoạch tổng thể phát triển đảo Cát Bà và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng. Tuy nhiên, đến ngày 25/09/2017, Ủy ban nhân dân TP Hải Phòng đã có công văn số 6361/UBND-ĐC3 chấp thuận để Công ty Vinaconex ITC tiếp tục thực hiện đầu tư một phần Dự án thuộc các khu B1, A1, A3, A4 (diện tích khoảng 20ha). Phúc đáp công văn 6361/UBND_ĐC3 của UBND TP Hải Phòng,
- Công ty Vinaconex ITC đã gửi công văn số 0168/CV-TITC-ĐTKD với các ý kiến đề nghị về quy hoạch, thủ tục đầu tư và chi phí đền bù phần diện tích đất dự án trả lại thành phố Hải Phòng với giá trị tạm tính là 1.206 tỷ đồng. Ngày 25/10/2017, UBND TP Hải Phòng đã có Quyết định số 2782/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác liên ngành thành phố để xác định giá trị chi phí đầu tư đối với phần diện tích trả lại thành phố của dự án Cát Giá, Cát Bà để hoàn trả cho Công ty Vinaconex ITC theo quy định và trình Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt trước ngày 15/11/2017. Tuy nhiên, đến nay việc xác định chi phí Công ty Vinaconex ITC đã đầu tư đối với phần diện tích đất của dự án hoàn trả TP Hải Phòng vẫn đang trong quá trình được tổ công tác liên ngành tập hợp, xem xét và tính toán. Vì vậy, kiểm toán đã đưa ra ý kiến nhấn mạnh về vấn đề này trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2017.
- Năm 2017, Kiểm toán Nhà nước thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của Tổng công ty CP xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam – Vinaconex theo Quyết định số 1394/QĐ-KTNN ngày 22/09/2017. Kết quả của Kiểm toán Nhà nước có một số thay đổi so với số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 của Tổng công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam. Do đó số liệu kỳ so sánh được trình bày lại theo kết quả của Kiểm toán Nhà nước.





PHẦN 04

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017

1. Kết quả hoạt động SXKD năm 2017 của Tổng công ty so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 thông qua:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	Các chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2017	Thực hiện năm 2017	Tỷ lệ % so với kế hoạch năm	Tỷ lệ % so với thực hiện 2016
1	Tổng doanh thu	4.115,6	4.480,7	108,9%	130,4%
2	Lợi nhuận sau thuế	443,4	1.068,9	241,0%	291,7%
3	Cổ tức	10%	12%	120,0%	150,0%

2. Đánh giá chung về kết quả SXKD năm 2017 của Công ty Mẹ:

Trong năm 2017, HĐQT đã rất quyết liệt chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện vượt mức các chỉ tiêu SXKD theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt. Lợi nhuận sau thuế của Tổng công ty (công ty mẹ) là 1.068,9 tỷ đồng, bằng 241,0% kế hoạch năm và bằng 291,7% thực hiện năm 2016. Tổng công ty thực hiện chi trả cổ tức 12%, vượt 20% so với mức cổ tức dự kiến được ĐHĐCĐ thường niên 2017 phê duyệt, bằng 150% so với mức cổ tức chi trả năm 2016.

Hoạt động xây lắp mặc dù tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh gay gắt nhưng vẫn phát triển cả về lượng và chất. Doanh thu xây lắp năm 2017 tăng 10,6% so với năm 2016, lợi nhuận gộp tăng 54% so với thực hiện năm 2016 và đạt 102,1% so với kế hoạch năm 2017. Hoạt động kinh doanh bất

động sản được duy trì ổn định và bước đầu tiếp cận các dự án mới trên nhiều lĩnh vực (nhà ở, hạ tầng giao thông, cấp thoát nước, thủy điện...), các dự án chuyển tiếp như Dự án 97-99 Láng Hạ, Dự án 2B Vinata, Dự án 25 Nguyễn Huy Tưởng... đang được triển khai theo kế hoạch. Hoạt động đầu tư vốn tiếp tục ổn định, Tổng công ty thu về số cổ tức từ các đơn vị có vốn góp của Tổng công ty vượt 19,96 tỷ đồng so với kế hoạch. Công tác tái cấu trúc tiếp tục được đẩy mạnh, danh mục đầu tư vốn của Tổng công ty năm 2017 đã được giảm bớt từ 46 đơn vị (thời điểm 31/12/2016) xuống 44 đơn vị (thời điểm 31/12/2017), hai công ty mới được thành lập do Tổng công ty sở hữu 100% vốn (VINACONEX CM và VINACONEX INVEST) về cơ bản đã ổn định tổ chức, nhân sự và đi vào hoạt động.

3. Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất toàn Tổng công ty:

Kết quả SXKD hợp nhất năm 2017 có sự tăng trưởng mạnh so với thực hiện năm 2016 do kết quả hoạt động của Tổng công ty và các đơn vị thành viên cơ bản đạt và vượt các chỉ tiêu kế

hoạch. Tổng lợi nhuận kế toán hợp nhất trước thuế đạt 1.951,4 tỷ đồng, bằng 233,2% so với thực hiện năm 2016 (chi tiết đã được thể hiện tại Báo cáo của Ban Tổng giám đốc trình ĐHĐCĐ).

II. ĐÁNH GIÁ VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ CỦA HĐQT NĂM 2017

1. Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2017, HĐQT về cơ bản đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao, hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế tổ chức hoạt động của HĐQT, thực hiện tốt vai trò quản lý, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành các lĩnh vực hoạt động SXKD của Tổng công ty, hoàn

thành vượt mức các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận, cổ tức do ĐHĐCĐ đề ra, bảo toàn và phát triển nguồn vốn của Tổng công ty. Tất cả các hoạt động của VINACONEX được thực hiện theo quy định của Điều lệ, các quy chế của Tổng công ty và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT:

Trong năm 2017, HĐQT đã tổ chức 10 cuộc họp, ban hành 14 Nghị quyết và 115 Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Tổng công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao, cụ thể như sau:

- Chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2017 và nhiệm kỳ 2017 – 2022 của Tổng công ty theo quy định pháp luật và điều lệ Tổng công ty. Nhân sự HĐQT năm 2017 có sự thay đổi do chuyển giao giữa hai nhiệm kỳ, số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2017 – 2022 là 07 thành viên, giảm 02 thành viên so với nhiệm kỳ trước để phù hợp với định hướng tinh giản bộ máy quản lý điều hành, tập trung quản trị và phát triển hai lĩnh vực cốt lõi là xây dựng và bất động sản. Tại cuộc họp HĐQT phiên thứ nhất, HĐQT đã bầu ông Nguyễn Đức Chi đảm nhận chức vụ Chủ tịch HĐQT, bổ nhiệm lại ông Đỗ Trọng Quỳnh giữ chức vụ Tổng giám đốc. Ngay sau ĐHĐCĐ, HĐQT nhiệm kỳ mới đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên phụ trách quản trị từng lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty. Định kỳ hàng tháng, HĐQT đã tổ chức các phiên họp, đưa ra các quyết nghị mang tính định hướng toàn diện để chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ thông qua. Các thành viên Ban Kiểm soát được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại tất cả các phiên họp của HĐQT. Giữa các phiên họp định kỳ, HĐQT đã thông qua nhiều chủ trương, quyết sách bằng hình thức
- xin ý kiến bằng văn bản nhằm đáp ứng tiến độ công việc. Các quyết nghị, chỉ đạo của HĐQT được ban hành kịp thời, phù hợp với điều kiện thực tế và đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của Tổng công ty, tạo điều kiện để Ban điều hành chủ động hơn trong việc tổ chức triển khai thực hiện thành công nhiệm vụ SXKD trong năm 2017.
- Giám sát, chỉ đạo Ban điều hành triển khai hoạt động SXKD năm 2017 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và nhiệm kỳ 2017 – 2022, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong kế hoạch SXKD được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Chỉ đạo lập Báo cáo tài chính công ty mẹ và Báo cáo hợp nhất theo quy định
- Phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2017; phê duyệt định biên lao động và quỹ lương kế hoạch năm 2017 của Tổng công ty
- Phê duyệt và chỉ đạo thực hiện công tác tái cấu trúc vốn tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty theo định hướng tái cấu trúc được ĐHĐCĐ phê duyệt; rà soát, điều chỉnh bổ sung Quy chế bán cổ phần và quyền mua cổ phần của Tổng công ty tại doanh nghiệp; hoàn thành việc thành lập 02 công ty 100% vốn của Tổng công ty (VINACONEX CM và VINACONEX INVEST); hoàn thành việc thoái vốn tại VIWASUPCO, góp phần mang lại lợi nhuận lớn cho Tổng công ty.
- Quyết định ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các công ty thành viên, công ty liên doanh, liên kết

- Giám sát, quản lý hoạt động đầu tư của Tổng công ty:
 - + Đẩy mạnh thực hiện đầu tư, bán hàng tại các dự án: 97-99 Láng Hạ, 2B Vinata; khởi công Dự án 25 Nguyễn Huy Tưởng (dự kiến bán hàng trong quý 2/2018), triển khai đầu tư và bán hàng tại lô biệt thự BT5 Khu đô thị Bắc An Khánh (sau 4 năm tạm dừng dự án); tích cực hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng để có thể sớm khởi công Dự án 93 Láng Hạ trong năm 2018.
- + Tiếp tục hỗ trợ các đơn vị thành viên về thủ tục pháp lý tại các dự án Tổng công ty nắm cổ phần chi phối như: dự án Nước Sông Đà giai đoạn 2; điều chỉnh quy hoạch cho dự án Khu đô thị mới Splendora giai đoạn 2, đầu tư dự án mở rộng thủy điện Ngòi Phát...
- + Tìm kiếm, phát triển các dự án mới tại một số địa phương như Bắc Ninh, Lào Cai, Quảng Nam, TP Hồ Chí Minh...

2. Về hoạt động của từng thành viên HĐQT

NHIỆM KỲ 2012 - 2016 (01/01/2017 đến 20/4/2017):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/ủy quyền tham dự năm 2017	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Vũ Quý Hà	Chủ tịch	3/3	100%	Chủ tịch HĐQT từ ngày 20/10/2015 đến 20/4/2017
2	Đỗ Trọng Quỳnh	Thành viên	3/3	100%	Thành viên HĐQT từ ngày 30/6/2015 đến nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc từ ngày 20/10/2015 đến nay
3	Hoàng Nguyên Học	Thành viên	3/3	100%	Thành viên HĐQT đến ngày 20/4/2017
4	Đinh Việt Tùng	Thành viên	3/3	100%	Thành viên HĐQT đến ngày 20/4/2017
5	Đoàn Châu Phong	Thành viên	3/3	<u>100%</u>	Thành viên HĐQT đến ngày 20/4/2017
6	Nguyễn Đình Thiết	Thành viên	3/3	100%	Thành viên HĐQT đến ngày 01/3/2017
7	Nguyễn Thiều Quang	Thành viên	3/3	100%	Thành viên HĐQT đến ngày 20/4/2017
8	Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	3/3	100%	Thành viên HĐQT đến ngày 20/4/2017
9	Lê Đăng Dũng	Thành viên	3/3	100%	

NHIỆM KỲ 2017 - 2022 (từ ngày 20/04/2017):

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự/ủy quyền tham dự năm 2017	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Nguyễn Đức Chi	Chủ tịch	7/7	100%	Chủ tịch HĐQT từ ngày 20/4/2017 đến nay
2	Đỗ Trọng Quỳnh	Thành viên	7/7	100%	Thành viên HĐQT từ ngày 30/6/2015 đến nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc từ ngày 20/10/2015 đến nay
3	Trần Tuấn Anh	Thành viên	7/7	100%	Thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2017 đến nay
4	Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	7/7	100%	Thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2017 đến nay
5	Phạm Văn Hải	Thành viên	7/7	100%	Thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2017 đến nay
6	Lê Đăng Dũng	Thành viên	7/7	100%	Thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2017 đến nay
7	Nghiêm Phương Nhi	Thành viên	7/7	100%	Thành viên HĐQT từ ngày 20/4/2017 đến nay

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Ban Tổng giám đốc, đứng đầu là Tổng giám đốc, đã điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty tuân thủ quy định pháp luật, điều lệ và đăng ký kinh doanh của Tổng công ty. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc là những cán bộ có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác, tinh thần trách nhiệm, bản lĩnh, thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công, tuân thủ và triển khai đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổng giám đốc xây dựng cơ chế làm việc dân chủ, công khai, phân cấp phân quyền cụ thể cho từng thành viên trong Ban Tổng giám đốc để mỗi người có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao phụ trách. Với vai trò là người đại diện trước pháp luật của Tổng công ty, chịu trách nhiệm cao nhất trong công tác điều hành, Tổng giám đốc tiếp tục phát huy tính quyết đoán, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, mạnh dạn đề xuất nhiều ý tưởng mới và giải pháp thực hiện để HĐQT xem xét, quyết định.
- Tổng giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tuần với các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc các Ban chức năng Tổng công ty, đồng thời tổ chức họp chuyên đề theo từng công việc, dự án hoặc nhóm công việc có liên quan để chỉ đạo và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh. Ngoài việc tham dự các cuộc họp định kỳ của HĐQT, Tổng giám đốc đã chủ động tổ chức các cuộc họp, hội ý định kỳ hàng tháng với Chủ tịch HĐQT và các thành viên chuyên trách HĐQT nhằm báo cáo, đánh giá, rà soát tình hình thực hiện hoạt động SXKD của Tổng công ty. Bên cạnh đó, Tổng giám đốc đã quyết liệt trong việc chỉ đạo thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nhân sự, cũng như quan tâm chăm sóc, không ngừng cải thiện đời sống cho cán bộ nhân viên Tổng công ty. Căn cứ yêu cầu SXKD, Ban Tổng giám đốc đã chủ động đề xuất HĐQT các giải pháp cần thiết về tài chính, nhân sự, tái cấu trúc vốn đầu tư, huy động nguồn lực từ các đơn vị thành viên nhằm hoàn thành kế hoạch được ĐHCĐ phê duyệt.

- Trong hoạt động xây lắp, trước sự cạnh tranh gay gắt của các doanh nghiệp tư nhân quy mô lớn và các công ty nước ngoài, Ban Tổng giám đốc vẫn tiếp tục duy trì hoạt động xây lắp phát triển ổn định. Giá trị các hợp đồng xây lắp ký mới trong năm 2017 là 2.447,4 tỷ đồng, trong đó nhiều công trình có giá trị lớn đã mang về nguồn việc cho năm 2017 và chuyển tiếp sang năm 2018. Chất lượng, tiến độ thi công được đảm bảo, công tác an toàn lao động được chú trọng. Việc thành lập VINACONEX CM thuộc sở hữu 100% vốn của Tổng công ty là điểm nhấn quan trọng trong lộ trình đưa thương hiệu xây dựng VINACONEX trở lại nhóm doanh nghiệp dẫn dắt thị trường xây lắp trong nước.
- Trong hoạt động kinh doanh bất động sản, ngoài việc tiếp tục phát huy hiệu quả công tác kinh doanh sau đầu tư tại các dự án cũ, Ban Tổng giám đốc đã tích cực triển khai việc tìm kiếm, hợp tác với các đối tác để phát triển các dự án mới và bước đầu đã thu được những kết quả khả quan. Các dự án hiện có (97-99 Láng Hạ, 25 Nguyễn Huy Tưởng, Vinata 2B...) được thực hiện đúng tiến độ. Việc tái khởi động lại dự án Bắc An Khánh thông qua việc thực hiện khu biệt thự BT5-Splendora đã mang lại nguồn lợi nhuận lớn và tạo ra sức hút trở lại đối với tổng thể dự án.
- Hoạt động đầu tư tài chính và tái cấu trúc được triển khai theo đúng chủ trương của ĐHĐCĐ và kế hoạch được HĐQT phê duyệt. Ngoài việc thoái vốn một phần hoặc toàn bộ tại một số công ty, Ban Tổng giám đốc đã hoàn thành việc góp vốn thành lập 02 Công ty 100% vốn của Tổng công ty làm nòng cốt phát triển hai lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là xây dựng (công ty VINACONEX CM) và bất động sản (công ty VINACONEX INVEST), tăng vốn đầu tư vào NEDI 2.
- Công tác tài chính kế toán tiếp tục được thực hiện tốt; việc duy trì số dư nợ vay thấp với lãi suất thấp, trong khi lãi tiền gửi của Tổng công ty cao đã mang lại hiệu quả trực tiếp cho Tổng công ty; công tác huy động vốn đầu tư cũng như cho các khoản chi lớn được thực hiện đảm bảo tiến độ; công tác thu hồi công nợ được tăng cường. Nguồn vốn của Tổng công ty được bảo toàn theo xác nhận của Kiểm toán Nhà nước.
- Công tác quan hệ cổ đông, truyền thông, quản trị thương hiệu được duy trì tốt, góp phần củng cố hình ảnh, thương hiệu VINACONEX trong cộng đồng, xã hội
- Ban Tổng giám đốc đã tiếp tục tạo điều kiện và phối hợp tốt với tổ chức đảng, đoàn thể của Tổng công ty trong việc tổ chức các đợt thi đua SXKD, các hoạt động phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, củng cố sự đồng thuận, đoàn kết trong hoạt động của Tổng công ty. Ban Tổng giám đốc đã có các chính sách khen thưởng, phúc lợi thích hợp để kịp thời động viên, khuyến khích, các cán bộ nhân viên có thành tích tốt trong hoạt động SXKD.

IV. MỘT SỐ VẤN ĐỀ TỒN TẠI TRONG NĂM 2017

Bên cạnh những kết quả đạt được, HĐQT đánh giá hoạt động của Tổng công ty trong năm 2017 còn một số tồn tại, cụ thể như sau:

- Trong lĩnh vực xây dựng, việc tìm kiếm các dự án quy mô lớn gặp rất nhiều khó khăn; việc hoàn thiện mô hình quản lý nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động xây lắp còn đang ở bước đầu thực hiện. Năng lực cạnh tranh của VINACONEX trên thị trường xây lắp có nguy cơ suy giảm trước sự vươn lên mạnh mẽ của các nhà thầu tư nhân và nhà thầu quốc tế có lợi thế về vốn, công nghệ, cơ chế ra quyết định;
- Trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, ngoài các dự án chuyển tiếp quy mô vừa và nhỏ như Dự án 97 – 99 Láng Hạ, Dự án 93 Láng Hạ, Tổng công ty chưa phát triển được các dự án đầu tư mới tương xứng với năng lực, thương hiệu VINACONEX, trong khi dự án lớn nhất của

VINACONEX hiện nay là khu đô thị Bắc An Khánh mới bước đầu tháo gỡ được khó khăn, còn cần thời gian để có thể mang lại hiệu quả cho Tổng công ty.

- Việc thoái vốn tại các doanh nghiệp theo kế hoạch còn chậm do cả yếu tố khách quan (thị trường không thuận lợi) và chủ quan (mức độ hấp dẫn của doanh nghiệp thoái vốn không cao)

- Việc triển khai thủ tục giải thể, phá sản tại một số đơn vị yếu kém (như Công ty CP Vận tải Vinaconex, Công ty cổ phần Vipaco, Công ty CP Xuân Mai Đà Nẵng, Công ty CP Vinaconex Mart, Công ty XD số 4...) chưa được triển khai do các quy định pháp lý liên quan chưa thật sự cụ thể, rõ ràng, dẫn đến việc một số công ty thành viên chỉ còn tồn tại trên cơ sở pháp lý.

V. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng giám đốc triển khai kế hoạch SXKD năm 2018 được ĐHĐCĐ phê duyệt, trọng tâm là hoàn thành chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức; bám sát các nội dung trong Định hướng chiến lược phát triển Tổng công ty giai đoạn 2017 – 2022 để triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018;
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của Tổng công ty, tập trung phát triển hai lĩnh vực kinh doanh chính là xây lắp và bất động sản;
- Tăng cường vai trò, trách nhiệm cụ thể của từng thành viên HĐQT trong công tác quản trị doanh nghiệp, tiếp tục hoàn thiện cơ chế chỉ đạo phối hợp giữa HĐQT, Ban điều hành cũng như cơ chế phối hợp với Ban Kiểm soát, các tổ chức Đảng, đoàn thể nhằm phát huy sức mạnh đoàn kết nội tại của doanh nghiệp;
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc hoàn thành công tác tái cấu trúc vốn tại các đơn vị thành viên năm 2018 theo kế hoạch được ĐHĐCĐ phê duyệt; tăng cường công tác kiểm soát hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên thông qua việc phát huy hơn nữa vai trò người đại diện Tổng công ty tại đơn vị.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc tập trung nguồn lực, khẩn trương củng cố và phát triển 02 Công ty 100% vốn của Tổng công ty, trong đó:
 - + VINACONEX CM sẽ tập trung vào các dự án xây lắp quy mô lớn, các dự án EPC, đầu tư phát triển theo định hướng xây dựng VINACONEX CM trở thành tổng thầu quốc tế sau 5 năm hoạt động;
 - + VINACONEX INVEST tập trung đầu tư thực hiện các dự án kinh doanh bất động sản phân khúc trung bình khá và khá; phấn đấu phát triển mới 1- 2 dự án trong năm 2018; xem xét giải ngân vốn đầu tư vào những dự án/công ty trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh khác có mức sinh lời cao.
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc xây dựng và thực hiện các giải pháp hiệu quả để phát triển nguồn nhân lực; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động;
- Tiếp tục thực hiện các giải pháp ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Tổng công ty; chỉ đạo Ban Tổng giám đốc thực hiện tốt việc kiểm soát dòng tiền, làm tốt công tác quản lý và thu hồi công nợ, tiếp tục rà soát các khoản cho vay, bảo lãnh để có biện pháp thu hồi, hạn chế rủi ro, thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí;
- Chỉ đạo Ban Tổng giám đốc sắp xếp, kiện toàn bộ máy nhân sự của Tổng công ty theo hướng tinh gọn và hiệu quả. Tiếp tục sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực để theo kịp yêu cầu hoạt động của Tổng công ty, có những chính sách thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao;
- Tăng cường giám sát tuân thủ quy chế sử dụng thương hiệu VINACONEX.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ- HĐQT	06/1/2017	- HĐQT ghi nhận nội dung Báo cáo kết quả SXKD năm 2016 và kế hoạch năm 2017 của Công ty Mẹ - HĐQT đã nghe BDH trình bày báo cáo về kế hoạch tái cấu trúc 2017, Báo cáo kết quả hoạt động đầu tư 2016 và dự kiến kế hoạch 2017 của TCT, Báo cáo về tình hình triển khai dự án nước sông Đà giai đoạn 2 - HĐQT thống nhất với Báo cáo về các nội dung chuẩn bị cho Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 và ĐHCĐ nhiệm kỳ 2017-2022 - HĐQT đã nghe Báo cáo v/v xây dựng Định hướng chiến lược phát triển TCT năm 2017 và các năm tiếp theo, đề nghị BDH tiếp tục hoàn thiện đề án, báo cáo xin ý kiến HĐQT phê duyệt - HĐQT phê duyệt quỹ lương thực hiện 2016 và sẽ phê duyệt quỹ lương kế hoạch 2017 gắn với mức tăng trưởng lợi nhuận của TCT
2	02/2017/NQ- HĐQT	27/3/2017	- Thông qua các tài liệu họp ĐHCĐ thường niên 2017 và tài liệu họp ĐHCĐ nhiệm kỳ 2017-2022 - HĐQT thông qua đề án nhân sự HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022 - HĐQT giao BDH trình lại phương án tái cấu trúc Vimeco, đảm bảo tính cạnh tranh, công khai, tuân thủ các quy định Pháp luật - HĐQT đề nghị các thành viên HĐQT nghiên cứu đề án thành lập Công ty Vinaconex CM và Vinaconex Invest
3	03/2017/NQ- HĐQT	13/4/2017	- Thống nhất nội dung các tài liệu trình ĐHCĐ thường niên năm 2017 và nhiệm kỳ 2017-2022 - Quyết định thành lập 02 Công ty: Vinaconex Đầu tư và Vinaconex Xây dựng - Về dự án Khu đô thị Cái Giá – Cát Bà, HĐQT giao BDH đàm phán với UBND thành phố Hải Phòng để đảm bảo quyền lợi cho TCT, cho khách hàng, thu hồi được chi phí đầu tư cũng như đảm bảo công ăn việc làm cho CBCNV - HĐQT phê duyệt phương án kiện toàn nhân sự quản lý vốn tại Vinaconex 2 và Vinaconex 25
4	06/2017/NQ- HĐQT	10/5/2017	- HĐQT thông qua bầu ông Nguyễn Đức Chi – thành viên HĐQT đảm nhận chức danh Chủ tịch HĐQT, nhiệm kỳ 2017-2022 - HĐQT thông qua bổ nhiệm ông Đỗ Trọng Quỳnh – thành viên HĐQT, đảm nhận chức danh Tổng giám đốc Tổng công ty, thời gian bổ nhiệm 05 năm, kể từ ngày 20/4/2017
5	07/2017/NQ- HĐQT	10/5/2017	- HĐQT thống nhất báo cáo của BDH về kết quả SXKD quý I Công ty Mẹ và Hợp nhất - HĐQT thống nhất đề xuất của TGD về chủ trương chuyển nhượng phần vốn của Tổng công ty tại VINATA, giao BDH báo cáo kết quả định giá để xác định giá trị vốn góp tại VINATA, đề xuất HĐQT phương án chuyển nhượng, đảm bảo hiệu quả kinh tế, tuân thủ quy định Pháp luật, quy chế của TCT - Phê duyệt lựa chọn đơn vị lập hồ sơ và thực hiện bán đấu giá cổ phần của TCT tại Viwasupco - Về phương án nhân sự của Vinaconex CM và Vinaconex Invest, ngoài nguồn nhân sự do Thường vụ và BDH đề xuất, HĐQT đề nghị các thành viên HĐQT giới thiệu nhân sự và xem xét nguồn nhân sự tự ứng cử

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- Thống nhất thoả thuận phê duyệt Dự án đầu tư – thiết kế cơ sở điều chỉnh của Dự án hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây – Hoà Lạc – Xuân Mai – Miếu Môn – Hà Nội – Hà Đông, giai đoạn II, nâng công suất lên 600.000m³/ngđ - Chấp thuận chuyển giao (hoặc chuyển nhượng) đất, tài sản trên đất và Dự án ĐTXD bể chứa và Trạm bơm tăng áp khu vực Hà Nội của TCT cho Viwasupco - Thống nhất nội dung Báo cáo thoái vốn tại một số Công ty có vốn đầu tư của Tổng công ty - Thông qua phương án thoái vốn tại Vimeco - HĐQT đã nghe TGD báo cáo về phương án phân công nhiệm vụ trong Ban TGD và kết quả ĐHCĐ, danh sách nhân sự tham gia HĐQT, BKS các công ty thành viên/ công ty liên kết của TCT - HĐQT thông qua phương án: TCT từ chối quyền mua lại phần vốn của Posco E&C tại An Khánh JVC
6	08/2017/NQ-HĐQT	18/5/2017	- Thống nhất phê duyệt phương án phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT - Thống nhất phê duyệt phương án thay đổi nhân sự quản lý phần vốn của Tổng công ty tại một số đơn vị - Thống nhất phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn của Tổng công ty - Thống nhất phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2017 của cơ quan Tổng công ty - Phê duyệt phương án góp vốn, thành lập và nhân sự chủ chốt của Vinaconex CM và Vinaconex Invest - Thống nhất phê duyệt phương án tái cấu trúc phần vốn tại VINATA - Phê duyệt giá khởi điểm chào bán cổ phần của Tổng công ty tại Viwasupco - HĐQT phê duyệt danh sách các đơn vị tư vấn độc lập thực hiện định giá cổ phần tại các đơn vị mà Tổng công ty đang thực hiện tái cấu trúc và danh sách các đơn vị tư vấn độc lập mời chào giá thực hiện dịch vụ định giá cổ phần tại các đơn vị Tổng công ty sẽ thực hiện thoái vốn - HĐQT phê duyệt danh sách các đơn vị tư vấn xây dựng phương án chào bán và tư vấn thực hiện chào bán cổ phần của TCT tại các đơn vị thực hiện thoái vốn - HĐQT thống nhất phê duyệt phương án kiện toàn chức danh Chủ tịch Hội đồng thi đua khen thưởng TCT
7	08A/2017/NQ-HĐQT	18/5/2017	Thông qua phương án đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng
8	9/2017/NQ-HĐQT	26/5/2017	- Phê duyệt một số nội dung liên quan tới việc thoái vốn của TCT tại Công ty CP Vimeco - HĐQT thống nhất giao BDH khẩn trương rà soát, trình HĐQT xem xét, phê duyệt sửa đổi, bổ sung nội dung Quy chế bán cổ phần tại phiên họp gần nhất - HĐQT thống nhất giao BDH nghiên cứu, xây dựng phương án cổ phần hoá hệ thống các trường Lý Thái Tổ trình HĐQT xem xét phê duyệt

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
9	10/2017/NQ-HĐQT	5/6/2017	- Thống nhất dừng thực hiện giao dịch thoái vốn của TCT tại Công ty CP Vimeco theo nội dung Nghị quyết 07 và 09 của HĐQT - Thống nhất phê duyệt thuê đơn vị tư vấn để thực hiện định giá, xác định giá trị phần vốn góp của TCT tại Vimeco tại thời điểm 30/6/2017, làm cơ sở để HĐQT xác định giá khởi điểm chào bán cổ phần Vimeco - Giao BDH xây dựng lại phương án thoái vốn của TCT tại Vimeco, báo cáo HĐQT xem xét, phê duyệt sớm nhất
10	11/2017/NQ-HĐQT	21/6/2017	- HĐQT đã nghe và thống nhất nội dung Báo cáo của BDH về kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2017 và kế hoạch SXKD 6 tháng cuối năm 2016 của TCT - HĐQT thống nhất phê duyệt các nội dung tiếp theo về việc tái cấu trúc phần vốn của TCT tại Công ty CP Viwasupco - HĐQT thống nhất một số nội dung trong báo cáo của TGD về tình hình thực hiện thoái vốn tại các đơn vị thành viên. Giao BDH báo cáo tổng thể về tình hình đầu tư vốn và tái cấu trúc vốn của TCT tại các Công ty, chủ động đề xuất phương án thoái vốn cụ thể với từng công ty.
11	11A/2017/NQ-HĐQT	14/9/2017	- Thông qua phương án đầu tư góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu Tư
12	12/2017/NQ-HĐQT	20/10/2017	- HĐQT thống nhất nội dung báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2017 của Công ty mẹ và Hợp nhất đã được soát xét và dự kiến kết quả 8 tháng đầu năm của Công ty mẹ - Thống nhất báo cáo của BDH về tình hình thực hiện tái cấu trúc 8 tháng đầu năm 2017 - Thống nhất báo cáo về tình hình triển khai tái cấu trúc An Khánh JVC - Thống nhất một số nội dung liên quan đến thành lập Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu Tư - Thống nhất phê duyệt phương án nhân sự quản lý vốn, tham gia HĐQT và đảm nhận chức danh Tổng giám đốc, Kiểm soát viên Công ty Vinaconex Đầu Tư - Phê duyệt sửa đổi Quy chế bán cổ phần và quyền mua cổ phần của Tổng công ty tại các doanh nghiệp.
13	13/2017/NQ-HĐQT	27/10/2017	- Ghi nhận nội dung báo cáo về tình hình tái cấu trúc An Khánh JVC - Ghi nhận nội dung báo cáo của BDH về tình hình tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty tại Công ty cổ phần Viwasupco - Ghi nhận nội dung Báo cáo của BDH về tình hình tái cấu trúc vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Vimeco - Thống nhất chủ trương thoái vốn của Tổng công ty tại 04 Công ty: Vinaconex 2, Vinaconex 9, Vinaconex 12 và VinaHud - Thống nhất phê duyệt phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vinaconex P&C - Phê duyệt chấp thuận chuyển giao hạng mục bể chứa và trạm bơm tăng áp khu vực Hà Nội của Tổng công ty cho Công ty cổ phần Viwasupco

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
			- Giao BDH triển khai thủ tục xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công An, BQL Khu CNC Hoà Lạc về chủ trương Vinaconex hợp tác đầu tư với đối tác VNIC dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp công nghệ cao 2 Hoà Lạc
14	14/2017/NQ-HĐQT	17/11/2017	- Phê duyệt chủ trương cho phép nghiên cứu đầu tư dự án cải tạo khu tập thể cũ B1 – ngõ 133 Thái Thịnh, quận Đống Đa, tp Hà Nội - Ghi nhận nội dung báo cáo của BDH về tình hình triển khai tái cấu trúc vốn tại Công ty CP Viwasupco - Phê duyệt phương án mua lại phần diện tích văn phòng, thương mại dịch vụ đối với phần Vinaconex được chia quyền bán tại Dự án cải tạo chung cư cũ 97-99 Láng Hạ - Ghi nhận nội dung báo cáo của BDH về việc triển khai thực hiện kế hoạch khám sức khoẻ định kỳ năm 2017 cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt - Chấp thuận chủ trương hợp tác đầu tư với đối tác VNIC dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp công nghệ cao 2 tại Khu công nghệ cao Hoà Lạc để BDH có văn bản đề nghị BQL khu Công nghệ cao Hoà Lạc báo cáo xin chủ trương của Thủ tướng Chính phủ, xin ý kiến các Bộ/ngành liên quan về chủ trương hợp tác của Vinaconex và VNIC
15	34/2017/QĐ-HĐQT	16/1/2017	Cử nhân sự quản lý bổ sung phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 7
16	61/2017/QĐ-HĐQT	25/1/2017	Phê duyệt chủ trương nghiên cứu việc mua lại 100% phần vốn của Posco E&C tại An Khánh JVC
17	75/2017/QĐ-HĐQT	9/2/2017	Ủy quyền quản lý phần vốn của TCT tại Công ty TNHH Thủy tinh Pha lê Bohemia Hà Nội
18	79/2017/QĐ-HĐQT	15/2/2017	Phê duyệt tái cấu trúc phần vốn tại Vinaconex VCTD
19	100/2017/QĐ-HĐQT	22/2/2017	Ký và triển khai HĐ với các công ty tư vấn định giá cổ phần của TCT tại Viwasupco và Viwaco
20	101,102,103,104 /2017/QĐ-HĐQT	23/2/2017	Thay đổi nhân sự quản lý vốn tại Vinaconex 7, Vinaconex MEC, Xuân Mai Đà Nẵng và Vipaco
21	127/2017/QĐ-HĐQT	6/3/2017	Thông qua chủ trương nghiên cứu ĐTXD Dự án cải tạo xây dựng lại Khu tập thể thuốc lá Thăng Long và khu chung cư cũ Thanh Xuân Nam và cho phép triển khai một số công việc cần thiết trong công tác chuẩn bị đầu tư
22	145,146,147,148 /2017/QĐ-HĐQT	14/3/2017	Ủy quyền quản lý phần vốn của TCT tại Vinaconex Quyết Thắng, Vinahud, Vinaconex Mart và Vinaconex 12
23	152/2017/QĐ-HĐQT	16/3/2017	Giảm 50% vốn điều lệ tại Công ty CP Vinaconex Dung Quất

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
24	162/2017/QĐ- HĐQT	27/3/2017	Phê duyệt phương án kinh doanh Dự án đầu tư xây dựng toà chung cư 2B số 289 Khuất Duy Tiến, Cầu Giấy, Hà Nội
25	171/2017/QĐ- HĐQT	4/4/2017	Phân bổ lại số cổ phần cho các đại diện vốn của TCT tại VC7
26	183/2017/QĐ- HĐQT	12/4/2017	Ủy quyền đại diện quản lý phần vốn bổ sung của TCT tại Vinaconex 25, Vinaconex Sài Gòn
27	189A/2017/QĐ- HĐQT	18/4/2017	Cử nhân sự quản lý vốn tại Vinaconex 25
28	228A/2017/QĐ- HĐQT	10/5/2017	Tái cấu trúc vốn của TCT tại Công ty CP Vimeco
29	229A/2017/QĐ- HĐQT	10/5/2017	Phê duyệt chủ trương chuyển giao (hoặc chuyển nhượng) đất, tài sản trên đất và dự án ĐTXD Bể chứa và Trạm bơm tăng áp khu vực Hà Nội của TCT cho Công ty CP Viwasupco
30	238/2017/QĐ- HĐQT	12/5/2017	Phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc
31	257A/2017/QĐ- HĐQT	18/5/2017	Phê duyệt hạn mức tín dụng ngắn hạn năm 2017
32	258A/2017/QĐ- HĐQT	18/5/2017	Chấm dứt uỷ quyền, uỷ quyền đại diện vốn của TCT tại Vinaconex 27
33	260A/2017/QĐ- HĐQT	18/5/2017	Chấm dứt uỷ quyền, uỷ quyền đại diện vốn của TCT tại Vinaconex ITC
34	261A/2017/QĐ- HĐQT	18/5/2017	Chấm dứt uỷ quyền, uỷ quyền đại diện vốn của TCT tại BOT Hà Nội – Bắc Giang
35	311/2017/QĐ- HĐQT	20/6/2017	Lựa chọn Công ty kiểm toán KPMG là đơn vị kiểm toán BCTC Tổng công ty và các đơn vị thành viên
36	321A/2017/QĐ- HĐQT	21/6/2017	Thoả thuận phê duyệt phương án kinh doanh và kế hoạch bán hàng dự án “Đầu tư xây dựng lại khu tập thể cũ 97-99 Láng Hạ”
37	322/2017/QĐ- HĐQT	28/6/2017	Quyết định phê duyệt phương án chi trả cổ tức năm 2016
38	339/2017/QĐ- HĐQT	04/7/2017	Phê duyệt chủ trương tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Viwasupco
39	312/2017/QĐ- HĐQT	21/6/2017	Thoả thuận phê duyệt phương án kinh doanh và kế hoạch bán hàng dự án 97-99 Láng Hạ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
40	340/2017/QĐ- HĐQT	05/7/2017	Nâng bậc lương trước thời hạn đối với PTGD Trần Tuấn Anh
41	344/2017/QĐ- HĐQT	10/7/2017	Ủy quyền đại diện phần vốn của Tổng công ty tại Công ty Dung Quất
42	383/2017/QĐ- HĐQT	28/7/2017	Phê duyệt phương án tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 11
43	389/2017/QĐ- HĐQT	31/7/2017	Phê duyệt phương án tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 7
44	423/2017/QĐ- HĐQT	09/8/2017	Chấm dứt uỷ quyền đại diện vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 7
45	424/2017/QĐ- HĐQT	10/8/2017	Phê duyệt phương án hỗ trợ khách hàng mua nhà tại dự án 2B Vinata
46	427/2017/QĐ- HĐQT	18/8/2017	Phê duyệt phương án tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Công ty TNHH Vinasanwa
47	428/2017/QĐ- HĐQT	18/8/2017	Thay đổi người đại diện vốn tại Vinaconsult
48	460/2017/QĐ- HĐQT	06/9/2017	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án cải tạo mở rộng quy mô đào tạo trường mầm non Lý Thái Tổ 2
49	461/2017/QĐ- HĐQT	06/9/2017	Chấm dứt uỷ quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Vinata
50	480/2017/QĐ- HĐQT	19/9/2017	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành dự án cụm nhà ở hỗn hợp chung cư kết hợp văn phòng dịch vụ tại lô đất N05
51	481/2017/QĐ- HĐQT	19/9/2017	Tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Viglifico
52	487/2017/QĐ- HĐQT	21/9/2017	Chấp thuận giá trị đầu tư trên đất dự án ĐTXD bể chứa và Trạm bơm tăng áp khu vực Hà Nội của Tổng công ty để chuyển giao cho Viwasupco
53	494/2017/QĐ- HĐQT	27/9/2017	Chấp thuận chủ trương ký kết hợp đồng thuê hạ tầng kỹ thuật dự án NH.09B với Nhà máy in tiền quốc gia Ngân hàng nhà nước Việt Nam
54	530/2017/QĐ- HĐQT	20/10/2017	Sửa đổi quy chế bán cổ phần và quyền mua cổ phần của Tổng công ty tại doanh nghiệp
55	531/2017/QĐ- HĐQT	20/10/2017	Thay đổi nhân sự quản lý phần vốn, nhân sự tham gia HĐQT tại Vinahud, Công ty CP Bất động sản, Công ty ITC
56	533/2017/QĐ- HĐQT	24/10/2017	Phê duyệt quy chế lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc dự án cải tạo mở rộng quy mô đào tạo trường mầm non Lý Thái Tổ 2
57	537/2017/QĐ- HĐQT	27/10/2017	Phê duyệt phương án phát hành cổ phần tăng vốn điều lệ của Công ty P&C
58	538/2017/QĐ- HĐQT	27/10/2017	Phê duyệt chuyển giao hạng mục bể chứa và trạm bơm tăng áp khu vực Hà Nội của Tổng công ty cho Viwasupco

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
59	560/2017/QĐ- HĐQT	17/11/2017	Phê duyệt phương án tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 2
60	561/2017/QĐ- HĐQT	17/11/2017	Phê duyệt phương án tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 9
61	562/2017/QĐ- HĐQT	17/11/2017	Phê duyệt phương án tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 12
62	563/2017/QĐ- HĐQT	17/11/2017	Phê duyệt phương án tái cấu trúc phần vốn của Tổng công ty tại Vinahud
63	561A/2017/QĐ- HĐQT	17/11/2017	Phê duyệt phương án mua lại phần diện tích văn phòng, thương mại dịch vụ đối với phần Vinaconex được chia quyền bán tại dự án 97-99 Láng Hạ
64	566/2017/QĐ- HĐQT	27/11/2017	Thay đổi nhân sự quản lý vốn tại Vidifi
65	590/2017/QĐ- HĐQT	08/12/2017	Thống nhất các nội dung liên quan đến công tác tái cấu trúc An Khánh JVC
66	601/2017/QĐ- HĐQT	14/12/2017	Phương án tạm ứng cổ tức 2017 của Tổng công ty
67	611/2017/QĐ- HĐQT	15/10/2017	Chấp thuận chủ trương hợp tác đầu tư dự án ĐTXD và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu CNC2 Hoà Lạc
68	612/2017/QĐ- HĐQT	19/12/2017	Thay đổi nhân sự quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 2
69	613/2017/QĐ- HĐQT	21/12/2017	Điều chuyển chức năng thi đua khen thưởng từ Văn phòng sang Ban Phát triển nhân lực
70	626/2017/QĐ- HĐQT	27/12/2017	Thay đổi nhân sự quản lý vốn, tham gia HĐTV An Khánh JVC
71	631/2017/QĐ- HĐQT	28/12/2017	Chấm dứt uỷ quyền quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Viwasupco
72	635/2017/QĐ- HĐQT	29/12/2017	Uỷ quyền nhân sự quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP BĐS Vinaconex
73	636/2017/QĐ- HĐQT	29/12/2017	Uỷ quyền nhân sự quản lý phần vốn tăng thêm tại Công ty Vinaconex 1
74	637/2017/QĐ- HĐQT	29/12/2017	Cử lại nhân sự quản lý phần vốn của Tổng công ty tại Vinaconex 2, Vinaconex 9 và Vinaconex 12
75	639/2017/QĐ- HĐQT	29/12/2017	Kiện toàn nhân sự Hội đồng thi đua khen thưởng của Tổng công ty



Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

Ông Nguyễn Đức Chi - Chủ tịch HĐQT

Ông Đỗ Trọng Quỳnh - Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Ông Trần Tuấn Anh - Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Ông Phạm Văn Hải - Thành viên HĐQT

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Đại hội đồng Cổ đông giao cụ thể:

- Tổ chức các cuộc họp định kỳ hàng quý, năm để đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành;
- Xem xét tính pháp lý, trình tự thủ tục ban hành các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT, Tổng giám đốc tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty
- Theo dõi, giám sát việc công bố thông tin của Tổng công ty và các đơn vị thành viên theo đúng quy định của Pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với Công ty đại chúng: Công bố các BCTC quý, 6 tháng và cả năm 2017; Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông định kỳ và thường niên 2017; các thông tin liên quan đến công tác thay đổi nhân sự chủ chốt; các thông tin liên quan đến việc thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên... theo quy định của Pháp luật.
- Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện chức năng kiểm soát và đề ra chương trình kiểm soát; thảo luận, kiểm tra toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty.
- Tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và của Tổng công ty trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc.
- Tham gia ý kiến và đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng công ty.
- Thẩm tra các Báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, đồng thời phối hợp với Công ty kiểm toán độc lập trong công tác soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2016.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên đối với HĐQT và Ban Giám đốc Tổng công ty.
- Phối hợp với các Ban chức năng của Tổng công ty thẩm định tài liệu, đề xuất đơn vị kiểm toán độc lập để Người đại diện vốn biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên các công ty thành viên.
- Thực hiện giám sát công tác tái cấu trúc của Tổng công ty tại các công ty thành viên, công ty liên kết.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ.

2. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG VỚI HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- Ban Kiểm soát đã có sự phối hợp tốt với Hội đồng quản trị, Ban điều hành Tổng công ty, thể hiện:
- Đại diện Ban kiểm soát đã được mời tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT Tổng công ty,
- Đại diện Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp giao ban tuần, giao ban tháng và các cuộc họp quan trọng khác của Ban Tổng giám đốc Tổng công ty; được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban điều hành Tổng công ty.

3. CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

Kỳ họp	Nội dung	Số lượng thành viên tham dự	Kết quả
Quý I/2016	- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và hoạt động của Tổng Công ty nói chung trong năm 2016 bao gồm: + Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành + Soát xét BCTC 2016 của Tổng công ty - Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát Tổng công ty trình ĐHĐCĐ thường niên 2016.	4	Thông nhất 100%
Tháng 4/2017	Bầu Trưởng Ban Kiểm soát	5	Thông nhất 100%
Quý II/2016	- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và hoạt động của Tổng Công ty nói chung trong Quý I năm 2017 - Thảo luận, kiến nghị HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC riêng, hợp nhất 6 tháng, cả năm 2017 của Tổng công ty và các đơn vị thành viên, trên cơ sở danh sách các đơn vị kiểm toán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.	5	Thông nhất 100%
Quý III/2016	- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và hoạt động của Tổng Công ty nói chung trong 6 tháng đầu năm 2016 bao gồm: + Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành + Công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên + Soát xét BCTC 6 tháng đầu năm + Các công tác khác.	5	Thông nhất 100%
Quý IV/2016	- Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành và hoạt động của Tổng Công ty nói chung trong quý III năm 2016 bao gồm: + Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành + Công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên + Soát xét BCTC quý III + Thảo luận kế hoạch kiểm tra soát xét hoạt động kinh doanh của Tổng công ty làm cơ sở lập báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên 2018 + Các công tác khác.	5	Thông nhất 100%



Hoạt động ngoại khóa của các cháu trường Mầm non Lý Thái Tổ 2 - Tổng công ty CP VINACON

PHẦN 05

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



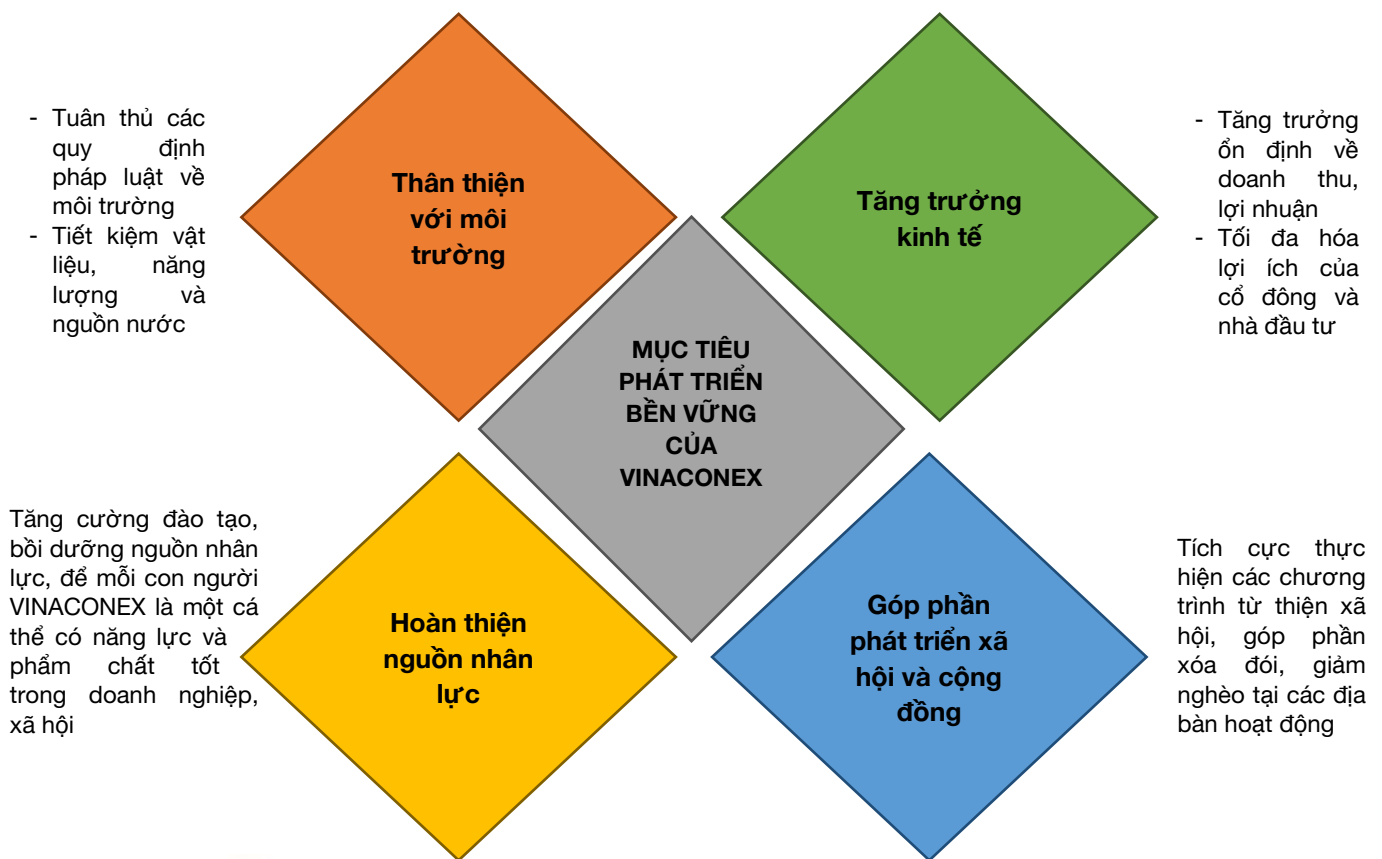
MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

Phối cảnh dự án Bohemia Residence



Là một trong những doanh nghiệp xây lắp và kinh doanh bất động sản hàng đầu tại Việt Nam với các dự án đa dạng về quy mô, VINACONEX luôn tự ý thức được trách nhiệm của mình đối với các cổ đông, với cộng đồng xã hội và với môi trường. Phát triển bền vững là một phần không thể tách rời đối với định hướng phát triển của Tổng công ty.

Thông qua Báo cáo phát triển bền vững, VINACONEX mong muốn hiểu rõ hơn về rủi ro và cơ hội kinh doanh mới. Chúng tôi luôn cân nhắc lợi ích của các bên liên quan tới hoạt động của doanh nghiệp nhằm xây dựng lòng tin với các bên liên quan khác nhau. Đây cũng là biện pháp để xác định cách thức để xây dựng và định lượng giá trị kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro để thu được hiệu quả tích cực từ các hoạt động bền vững.



Tiết kiệm khối lượng vật liệu sử dụng trong thi công, nỗ lực sử dụng một phần vật liệu tái chế

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp, kinh doanh bất động sản, sản xuất vật liệu xây dựng và vật liệu công nghiệp, VINACONEX hàng năm sử dụng một lượng lớn nguyên vật liệu khác nhau phục vụ cho công tác sản xuất, thi công. Do đó, để đảm bảo tác động đến môi trường là thấp nhất, chúng tôi luôn áp dụng các biện pháp thi công, đưa vào các sáng kiến nhằm tiết kiệm tối đa vật liệu sử dụng mà vẫn đảm bảo chất lượng công trình. Đồng thời, VINACONEX đang quan tâm nghiên cứu, nỗ lực sử dụng một phần vật liệu tái chế và sắp tới sẽ có thể áp dụng các hình thức quản lý mới cũng như nhập khẩu nhiều thiết bị từ các nước tiên tiến để tỷ lệ nguyên vật liệu tái chế được nâng lên.



Tiết kiệm năng lượng thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Việc tiêu thụ năng lượng của VINACONEX chủ yếu là tại các nhà máy sản xuất công nghiệp, các tòa nhà mà VINACONEX làm chủ đầu tư và quản lý, các dự án xây lắp mà VINACONEX thi công. Để tiết kiệm năng lượng tại đó, VINACONEX thường xuyên đưa vào sử dụng các hệ thống điều khiển tòa nhà thông minh và hệ thống xử lý nước thải hiệu quả để giảm thiểu chi phí, tiết kiệm năng lượng tiêu thụ.

Tổng hợp tiêu thụ điện của Tòa nhà trụ sở VINACONEX năm 2017

Đơn vị: Kwh

Nội dung	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Cả năm
Động lực chiếu sáng	115,308	112,714	139,737	123,766	133,362	136,340	135,067	141,883	130,686	135,654	129,770	130,181	1,564,468
Điều hòa thông gió	48,025	52,695	68,289	87,537	113,430	143,625	134,060	144,109	130,752	104,316	82,255	51,720	1,160,813
Tổn hao 2 MBA	6,667	6,491	9,674	5,597	10,408	9,135	7,973	10,408	8,762	7,430	6,475	6,299	95,319
Tổng điện	170,000	171,900	217,700	216,900	257,200	289,100	277,100	296,400	270,200	247,400	218,500	188,200	2,820,600



Tiết kiệm năng lượng thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Tại các dự án VINACONEX thi công, chúng tôi luôn triển khai các giải pháp đảm bảo việc sử dụng nước là hiệu quả và tiết kiệm nhất. Việc tái sử dụng nước cũng được các Ban điều hành dự án ưu tiên áp dụng nếu có thể. Các dự án bất động sản của VINACONEX tại Hà Nội hiện chủ yếu sử dụng nguồn nước sạch từ Dự án Nước Sông Đà do VINACONEX đầu tư.

Tổng hợp tiêu thụ nước của Tòa nhà trụ sở VINACONEX năm 2017

Đơn vị: m3

Nội dung	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Cả năm
Nước	1,135	1,224	1,562	1,708	1,986	2,041	1,925	2,041	1,797	1,731	1,546	1,534	20,230



Đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường

Trong năm 2017 và các năm trước đó, VINACONEX luôn tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về môi trường. Tổng công ty chưa từng bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật về môi trường.



Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ, nâng cao trình độ cho người lao động

- Trong năm 2017, Cơ quan Tổng công ty và Ban điều hành trực thuộc Tổng công ty hoặc cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ chủ yếu là trong nước về các lĩnh vực: đấu thầu và quản lý dự án, giám sát công trình, thiết kế phần mềm Illustrator nhận diện thương hiệu; cử cán bộ tham dự một số buổi hội thảo chuyên đề hoặc lớp tập huấn nghiệp vụ trong lĩnh vực: quản lý chất lượng ISO, đấu thầu và quản lý dự án, đầu tư xây dựng, kinh doanh bất động sản, giám sát công trường, chỉ huy trưởng công trình, an toàn vệ sinh lao động, hướng dẫn quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp, báo cáo tài chính hợp nhất Tổng công ty.
 - Về hoạt động đào tạo Tổng công ty (Công ty mẹ): tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho 194 lượt cán bộ nhân viên với tổng số giờ đào tạo 776, tổng kinh phí là **1.288.000.000 đồng**.
 - Về hoạt động đào tạo của các Công ty thành viên: tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, khảo sát, học tập kinh nghiệm trong nước và nước ngoài cho 425 lượt cán bộ nhân viên với tổng kinh phí là **2.448.500.550 đồng**.
- Tiến hành cử 01 cán bộ lãnh đạo TCT tham gia khóa nghiên cứu, bồi dưỡng về “Quản lý Nhà nước trong lĩnh vực Xây dựng – Phát triển cơ sở hạ tầng đô thị bền vững” tại Công hòa Pháp theo chương trình Đào tạo cán bộ quản lý bằng ngân sách Nhà nước Đề án 165.
- Tổ chức khóa tập huấn nâng cao nghiệp vụ trong lĩnh vực tổ chức – lao động 2017 đối với các đơn vị thành viên Tổng công ty nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác tổ chức lao động, góp phần vào sự phát triển của Tổng công ty và các đơn vị về các chuyên đề xây dựng thang, bảng lương, quy chế trả lương và trả lương hiệu quả trong doanh nghiệp, các vấn đề liên quan đến chế độ chính sách, bảo hiểm xã hội của người lao động.
- Tiến hành cử 13 cán bộ quản lý của Tổng công ty và đơn vị thành viên đi tham gia lớp học cao cấp lý luận chính trị tại Học viện Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.
- Phối hợp với Trường Trung cấp nghề kỹ thuật xây dựng và nghiệp vụ tổ chức thi nâng bậc 16 công nhân kỹ thuật và 26 chuyển ngạch kỹ thuật viên, cán sự viên lên ngạch chuyên viên, kỹ sư.



Đảm bảo thu nhập, sức khỏe và đời sống cho người lao động

Mức lương trung bình năm 2017 của người lao động là 9,206 triệu đồng/người/tháng, cao hơn mức lương bình quân của ngành xây dựng Việt Nam (là trên 7 triệu đồng/người/tháng). Bên cạnh đó, hàng năm, VINACONEX đều tổ chức các đợt khám sức khỏe định kỳ, tổ chức các chương trình tập huấn kết hợp thăm quan, nghỉ mát cho cán bộ công nhân viên lao động nhằm tái tạo sức lao động, nâng cao tinh thần đoàn kết nội bộ. Vào các ngày lễ lớn hay các dịp lễ tết, VINACONEX còn tổ chức các phong trào văn hóa, văn nghệ, thể thao, giúp nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động.



Có trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Năm 2017, VINACONEX đã ủng hộ 1,2 tỷ đồng cho chương trình Tết cho người nghèo, 50.000.000 cho Quỹ Tấm lòng Việt (của Đài Truyền hình Việt Nam), 250.000.000 cho đồng bào Tây Bắc bị lũ quét và hỗ trợ 60 triệu đồng cho công tác hiến máu nhân đạo do Đoàn TNCS HCM Tổng công ty tổ chức. Qua ngày hội hiến máu tình nguyện, VINACONEX đã đóng góp được 323 đơn vị máu cho Viện Huyết học và Truyền máu Trung ương. Những đơn vị máu này đã hỗ trợ kịp thời đảm bảo lượng máu phục vụ điều trị cho bệnh nhân sốt xuất huyết trong thời điểm dịch sốt xuất huyết bùng phát.

Không những thế, VINACONEX luôn tích cực tham gia các hoạt động tại địa phương nơi có trụ sở hoặc công trình dự án của VINACONEX thông qua các hoạt động như: nhận phụng dưỡng 15 bà mẹ Việt Nam anh hùng; tham gia đóng góp, sửa chữa, xây mới nhiều nhà Mái ấm công đoàn, và hỗ trợ xây dựng các công trình phúc lợi trên địa bàn hoạt động.

ĐÁP ỨNG MỐI QUAN TÂM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan	Mối quan tâm của các bên liên quan	Đáp ứng của VINACONEX
Nhà đầu tư và cổ đông	Doanh nghiệp hoạt động minh bạch, có hiệu quả, giá trị thị trường của cổ phiếu cao	Đạt tốc độ tăng trưởng ổn định, mức chia cổ tức tăng dần qua các năm, thông tin được công bố minh bạch, đầy đủ, đúng thời hạn;
Khách hàng	Chất lượng sản phẩm, dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt, thương hiệu uy tín	Luôn đảm bảo chất lượng công trình, dịch vụ như cam kết với khách hàng;
Người lao động	Thu nhập tốt, năm sau cao hơn năm trước, có cơ hội được đào tạo, phát triển	Người lao động được đảm bảo về thu nhập và hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện để nâng cao năng lực, tay nghề.
Các cơ quan quản lý nhà nước	Doanh nghiệp tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh, hoàn thành đầy đủ, đúng thời hạn các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước	Bộ phận pháp lý luôn thường xuyên rà soát, cập nhật các quy định của pháp luật về lĩnh vực hoạt động để ngăn chặn kịp thời không để xảy ra các hành vi vi phạm; Nộp đầy đủ, đúng thời hạn các khoản thuế, phí với ngân sách nhà nước; <i>Xếp thứ hạng 447 trong TOP 1000 doanh nghiệp nộp thuế lớn nhất Việt Nam năm 2017.</i>
Các tổ chức mà VINACONEX làm hội viên	Tham gia tích cực các hoạt động của tổ chức, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động, uy tín của tổ chức	Tham gia các hoạt động định của tổ chức; thường xuyên đóng góp ý kiến để nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức; <i>TOP 10 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam trong ngành nghề xây dựng nhà, công trình dân dụng năm 2017.</i>
Cơ quan truyền thông, báo chí	Doanh nghiệp cởi mở, minh bạch thông tin với báo chí	Thiết lập mối quan hệ thân thiết, cởi mở với các cơ quan truyền thông, báo chí; chủ động cung cấp thông tin.
Đối tác, nhà cung cấp	Thực hiện nghiêm túc theo hợp đồng ký kết, hai bên cùng có lợi, cùng phát triển	Xây dựng hợp đồng theo hướng đôi bên cùng có lợi win-win, triển khai các nội dung của hợp đồng theo đúng cam kết.
Cộng đồng	Doanh nghiệp có đóng góp cho sự phát triển của địa phương, không gây ảnh hưởng đến môi trường	Thường xuyên tổ chức các hoạt động xã hội từ thiện, bảo trợ.



Lễ ký thỏa thuận hợp tác giữa VINACONEX và đối tác VNIC

PHÁT HUY VĂN HÓA DOANH NGHIỆP LÀM NỀN TẢNG

“Xây giá trị trên nền tảng trí tuệ, văn hóa cùng với sức mạnh đoàn kết, hoài bão lớn và nghị lực phi thường là niềm tin thành công của VINACONEX” (trích cuốn Văn hóa Doanh nghiệp VINACONEX)

Khẩu hiệu	<i>Xây dựng giá trị, Dựng những ước mơ</i>
Sứ mệnh	Cung cấp các dịch vụ thi công xây dựng, đầu tư và quản trị bất động sản, đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, trở thành sự lựa chọn tốt nhất cho khách hàng.
Tầm nhìn	Nỗ lực trở thành doanh nghiệp giữ vị trí hàng đầu tại Việt Nam, phát triển bền vững và vươn lên tầm khu vực một cách thành công. Giữ gìn và củng cố thương hiệu quốc gia của VINACONEX.
Giá trị cốt lõi	Quyết tâm thực hiện đến cùng mục tiêu đã lựa chọn; Chính sách tài chính kiên định, minh bạch, nền tảng nguồn vốn vững mạnh, khả năng thu lợi nhuận tốt; Đội ngũ cán bộ, nhân viên chuyên nghiệp, đạo đức tốt, đáng tin cậy, có tinh thần làm việc tập thể, tận tụy, sáng tạo và luôn tự hào được làm việc cho VINACONEX; Sức mạnh và sự lan tỏa của thương hiệu; Truyền thống 30 năm xây dựng và trưởng thành.
Cam kết của chúng tôi	Trung thực và tự trọng trong mọi hoạt động Tuân thủ đạo đức kinh doanh Tôn trọng môi trường toàn cầu An toàn là điều kiện tiên quyết Trở thành một địa chỉ đóng góp tích cực cho cộng đồng Môi trường làm việc an toàn, bình đẳng, thân thiện và có lợi cho sức khỏe Liên tục cải tiến, không ngừng phát triển Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững Nâng cao lợi ích của cổ đông bằng những kết quả tài chính tốt nhất Cung cấp sản phẩm với chất lượng hoàn hảo tới khách hàng
Nguyên tắc ứng xử của VINACONEX	Chúng tôi tuân thủ mọi quy định của pháp luật Chúng tôi nỗ lực nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân viên Chúng tôi tôn trọng khách hàng, cổ đông, đối tác và nhà cung cấp Chúng tôi theo đuổi mục đích kinh doanh thân thiện với môi trường Chúng tôi quan tâm đến an toàn lao động và tuân thủ các quy định về sử dụng lao động Chúng tôi luôn có trách nhiệm với xã hội và cộng đồng Chúng tôi minh bạch trong quản lý tài chính Chúng tôi tuân thủ nguyên tắc cạnh tranh công bằng Chúng tôi duy trì văn hóa tổ chức trong sạch, lành mạnh Chúng tôi luôn quan tâm thúc đẩy công tác nghiên cứu khoa học và đổi mới công nghệ

Quan hệ nội bộ

Tuân thủ pháp luật, nội quy, quy định
 Trung thực, thẳng thắn
 Tôn trọng đồng nghiệp
 Tự giác trong công việc
 Công khai, minh bạch
 Đặt lợi ích tập thể lên trên
 Không lạm dụng chức vụ, quyền hạn
 Tách bạch giữa việc chung và việc riêng
 Bảo vệ tài sản chung
 Thực hành tiết kiệm
 Có ý thức giữ gìn môi trường làm việc
 Tác phong làm việc nhanh nhẹn, chủ động, sáng tạo, có trách nhiệm
 Tham gia, hưởng ứng nhiệt tình các tổ chức và hoạt động đoàn thể
 Giữ đoàn kết nội bộ, giúp đỡ đồng nghiệp
 Sử dụng, bảo vệ quỹ chung như quỹ của chính mình
 Tuân thủ quy định về thời gian làm việc
 Không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ

Quan hệ với bên ngoài

Với khách hàng: Chủ động, nhiệt tình, thân thiện, trung thực, tôn trọng, giữ chữ tín, đáp ứng nguyện vọng một cách nhanh nhất trong khả năng có thể, ân cần, cầu thị, hiệu quả.
 Với đối tác: Bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, thân thiện, đúng mực, biết lắng nghe và xử lý vướng mắc trên cơ sở tôn trọng quyền lợi của cả hai bên.
 Với nhà đầu tư: Cung cấp thông tin đúng thẩm quyền, kịp thời, chính xác, trung thực, thái độ lịch sự, nhã nhặn, luôn sẵn sàng giúp đỡ.
 Với nhà cung cấp: Thực hiện đúng cam kết, thái độ tận tình, cởi mở, nỗ lực hoàn thành giao dịch nhanh nhất, hiệu quả nhất.
 Với truyền thông: Cung cấp thông tin đúng thẩm quyền, đảm bảo trung thực, chính xác và đã được sự cho phép của các cấp có thẩm quyền.
 Trong các hoạt động xã hội: Tích cực tham gia, tuân theo những nghĩa vụ rõ ràng và phân bổ thời gian hợp lý tránh để ảnh hưởng đến công việc chung.

Những hành vi bị nghiêm cấm ở VINACONEX

Nhận tiền, quà cáp hay sự trợ giúp có giá trị thương mại, vật chất từ đối tác, khách hàng, nhà cung cấp, cổ đông.
 Đưa hối lộ cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào để tìm kiếm cơ hội hay giải quyết nhanh chóng công việc.
 Sử dụng chất kích thích, bạo lực tại nơi làm việc.
 Tiết lộ thông tin bí mật thuộc quyền sở hữu của VINACONEX.
 Xâm phạm tài sản.
 Trục lợi.
 Gian lận tài chính.



PHẦN 06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH





**Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu
và Xây dựng Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy chứng nhận

đăng ký kinh doanh số 0103014768

ngày 1 tháng 12 năm 2006

Giấy chứng nhận

đăng ký doanh nghiệp 0100105616

ngày 23 tháng 10 năm 2015

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105616 ngày 23 tháng 10 năm 2015. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đức Chi	Chủ tịch (từ ngày 20/4/2017)
Ông Vũ Quý Hà	Chủ tịch (đến ngày 20/4/2017)
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Thành viên
Ông Lê Đăng Dũng	Thành viên
Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên (từ ngày 20/4/2017)
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên (từ ngày 20/4/2017)
Bà Nghiêm Phương Nhi	Thành viên (từ ngày 20/4/2017)
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên (từ ngày 20/4/2017)
Ông Hoàng Nguyên Học	Thành viên (đến ngày 20/4/2017)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (đến ngày 20/4/2017)
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên (đến ngày 20/4/2017)
Ông Đoàn Châu Phong	Thành viên (đến ngày 20/4/2017)
Ông Đinh Việt Tùng	Thành viên (đến ngày 20/4/2017)
Ông Nguyễn Đình Thiết	Thành viên (đến ngày 20/4/2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Diệp	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Doanh Yên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Thế Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 80 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-03-2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam ("Tổng Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày **28-03-2018** được trình bày từ trang 5 đến trang 80.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến:

- Thuyết minh 17 và 18, theo đó, trong năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã ra quyết định về việc tạm dừng triển khai một phần Dự án Khu đô thị - Du lịch Cái Giá, Cát Bà ("Dự án Cái Giá, Cát Bà") của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex ("Vinaconex ITC"), một công ty con của Tổng Công ty, để bàn giao cho một chủ đầu tư khác thực hiện tiếp. Ngày 25 tháng 10 năm 2017, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 2782/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác liên ngành thành phố để xác định giá trị chi phí đầu tư đối với phần diện tích trả lại thành phố của Dự án Cái Giá, Cát Bà để hoàn trả cho Vinaconex ITC theo quy định và trình Ủy ban Nhân dân Thành phố phê duyệt. Theo đó, các vấn đề liên quan đến công tác đền bù đối với phần giá trị đầu tư của phần diện tích trả lại thành phố của Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà đang trong quá trình được các cơ quan có thẩm quyền xem xét và tính toán.
- Thuyết minh 48 về các khoản nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Theo thông báo số 132/TB-VPCTP ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ nêu "ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình tại cuộc họp xử lý sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam" có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Trong đó, ý kiến kết luận về vấn đề này có thể làm phát sinh khoản nợ tiềm tàng của Tổng Công ty. Hiện tại, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến các ý kiến kết luận của Thủ tướng Chính phủ.
- Thuyết minh 49 của báo cáo tài chính hợp nhất đề cập đến việc số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại theo kết quả kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-163-KT-HN



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, **28-03-2018**



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0861-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.987.976.979.196	12.669.789.664.403
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	2.248.782.287.813	1.577.758.690.677
Tiền	111		1.063.852.659.082	1.158.969.932.505
Các khoản tương đương tiền	112		1.184.929.628.731	418.788.758.172
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.203.564.790.776	1.384.111.653.812
Chứng khoán kinh doanh	121		266.061.423	266.061.423
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(211.137.430)	(200.032.730)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	1.203.509.866.783	1.384.045.625.119
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.657.428.580.975	5.345.188.751.402
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	4.238.593.610.758	4.017.896.271.641
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		536.441.921.585	588.882.401.927
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	499.311.037.149	408.285.887.602
Phải thu ngắn hạn khác	136	10(a)	799.618.750.141	733.298.256.118
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(417.411.373.822)	(403.226.107.584)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		874.635.164	52.041.698
Hàng tồn kho	140	12	3.718.097.524.796	4.109.745.886.140
Hàng tồn kho	141		3.728.578.395.375	4.134.729.658.361
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.480.870.579)	(24.983.772.221)
Tài sản ngắn hạn khác	150		160.103.794.836	252.984.682.372
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.517.206.744	19.747.088.831
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		57.486.446.395	97.005.702.792
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	23(a)	37.148.380.071	49.572.880.210
Tài sản ngắn hạn khác	155		57.951.761.626	86.659.010.539

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		8.641.247.420.097	10.175.562.755.583
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.321.576.981.965	1.774.817.904.666
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	8	33.561.442.179	1.214.281.459
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	1.263.357.390.178	1.765.108.202.979
Phải thu dài hạn khác	216	10(b)	25.857.634.019	9.478.480.504
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	11	(1.199.484.411)	(983.060.276)
Tài sản cố định	220		2.785.127.701.385	3.399.963.606.872
Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.639.189.380.261	3.248.153.014.732
Nguyên giá	222		4.152.500.932.799	5.394.503.616.104
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.513.311.552.538)	(2.146.350.601.372)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	34.744.102.264	31.637.937.032
Nguyên giá	225		88.605.785.544	82.888.155.680
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(53.861.683.280)	(51.250.218.648)
Tài sản cố định vô hình	227	15	111.194.218.860	120.172.655.108
Nguyên giá	228		130.418.190.165	131.374.717.199
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(19.223.971.305)	(11.202.062.091)
Bất động sản đầu tư	230	16	1.664.574.379.645	1.707.582.267.301
Nguyên giá	231		2.229.103.511.436	2.193.173.954.461
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(564.529.131.791)	(485.591.687.160)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.491.811.914.874	1.613.068.210.936
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	17	579.539.322.274	789.860.273.290
Xây dựng cơ bản dở dang	242	18	912.272.592.600	823.207.937.646
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.155.027.054.682	1.335.546.652.504
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	7(b)	585.266.732.324	1.002.487.694.404
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	229.800.134.755	239.457.167.203
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(55.039.812.397)	(46.598.209.103)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(a)	395.000.000.000	140.200.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		223.129.387.546	344.584.113.304
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	126.078.632.994	211.328.651.315
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	47.521.730.105	77.739.568.405
Tài sản dài hạn khác	268		630.796.954	630.796.954
Lợi thế thương mại	269	21	48.898.227.493	54.885.096.630
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		21.629.224.399.293	22.845.352.419.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		13.771.144.707.310	15.365.083.929.056
Nợ ngắn hạn	310		10.435.272.380.646	10.582.839.725.765
Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	2.744.872.621.203	2.874.894.409.967
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.874.048.149.807	2.038.807.635.817
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	23(b)	599.846.444.428	742.779.533.696
Phải trả người lao động	314		213.530.850.472	179.145.764.671
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	24(a)	958.082.145.522	1.129.471.310.086
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	25(a)	76.859.068.494	205.333.277.679
Phải trả ngắn hạn khác	319	26(a)	1.340.827.955.338	920.793.656.526
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27(a)	2.450.399.896.377	2.446.664.972.922
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	28(a)	151.704.546.478	28.357.341.491
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	29	25.100.702.527	16.591.822.910
Nợ dài hạn	330		3.335.872.326.664	4.782.244.203.291
Phải trả người bán dài hạn	331	22	281.958.000	281.958.000
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		150.769.618.860	990.904.729.661
Chi phí phải trả dài hạn	333	24(b)	93.253.303.264	90.455.230.880
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	25(b)	1.467.374.628.129	1.382.867.104.211
Phải trả dài hạn khác	337	26(b)	3.220.606.810	1.758.682.750
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27(b)	1.586.408.138.176	2.106.851.639.756
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	20	193.041.762	270.703.987
Dự phòng phải trả dài hạn	342	28(b)	34.371.031.663	208.854.154.046

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

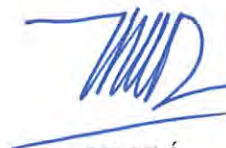
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		7.858.079.691.983	7.480.268.490.930
Vốn chủ sở hữu	410	30	7.751.218.793.290	7.318.554.552.919
Vốn cổ phần	411	31	4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.417.106.730.000	4.417.106.730.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		355.262.038.872	355.104.902.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.047.917.556	4.485.624.753
Quỹ đầu tư và phát triển	418	33	510.753.513.542	514.410.102.928
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.636.979.323	3.207.371.732
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.099.662.379.136	521.344.229.448
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		111.648.508.285	21.757.597.089
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		988.013.870.851	499.586.632.359
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.357.749.234.861	1.502.895.592.058
Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		106.860.898.693	161.713.938.011
Nguồn kinh phí	431		106.860.898.693	161.713.938.011
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		21.629.224.399.293	22.845.352.419.986

Người lập: **28-03-2018**



Trần Thị Kim Oanh
Kế toán

Người duyệt:



Vũ Nhất
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	35	10.897.798.936.703	8.548.444.822.248
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	35	283.796.223	603.857.095
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	35	10.897.515.140.480	8.547.840.965.153
Giá vốn hàng bán	11	36	9.129.593.094.243	7.109.844.247.327
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		1.767.922.046.237	1.437.996.717.826
Doanh thu hoạt động tài chính	21	37	1.015.000.394.709	198.609.186.796
Chi phí tài chính	22	38	305.981.144.505	290.316.497.973
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		285.076.948.138	282.360.078.215
Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		96.607.284.833	8.865.693.592
Chi phí bán hàng	25	39	99.649.288.224	47.033.367.906
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	40	533.216.132.611	495.933.063.676
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		1.940.683.160.439	812.188.668.659
Thu nhập khác	31	41	82.371.292.491	82.595.688.397
Chi phí khác	32	42	71.564.914.480	57.931.154.382
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		10.806.378.011	24.664.534.015
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.951.489.538.450	836.853.202.674
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	44	292.210.974.560	115.620.629.722
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	44	30.140.176.075	8.607.329.141
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)	60		1.629.138.387.815	712.625.243.811

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		1.629.138.387.815	712.625.243.811
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		1.341.382.409.251	499.586.632.359
Cổ đông không kiểm soát	62		287.755.978.564	213.038.611.452
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	45	3.037	1.131

Người lập:

28-03-2018



Trần Thị Kim Oanh
Kế toán



Vũ Nhất
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.951.489.538.450	836.853.202.674
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		376.719.508.222	386.133.642.970
Các khoản dự phòng	03		46.472.709.560	49.181.867.086
Lỗi/(lỗi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.482.927.050	(22.278.781.538)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.143.871.135.564)	(231.887.980.957)
Chi phí lãi vay	06		285.076.948.138	282.360.078.215
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.519.370.495.856	1.300.362.028.450
Biến động các khoản phải thu	09		(273.897.409.067)	135.784.219.942
Biến động hàng tồn kho	10		326.643.736.574	(1.558.343.434.033)
Biến động các khoản phải trả	11		(751.196.907.572)	1.409.974.334.156
Biến động chi phí trả trước	12		81.816.023.334	(40.245.808.846)
			902.735.939.125	1.247.531.339.669
Tiền lãi vay đã trả	14		(299.199.059.156)	(203.364.751.543)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(117.450.360.103)	(126.702.684.922)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		6.209.503.233	23.866.435.301
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(94.566.883.795)	(168.719.128.918)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		397.729.139.304	772.611.209.587

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(615.609.091.795)	(460.316.792.968)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		127.403.340.198	254.939.221.134
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.499.441.692.184)	(1.149.228.725.736)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		1.638.910.502.792	451.866.390.757
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(3.187)	(26.982.043.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		72.250.572.931	82.318.821.627
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		152.900.980.805	157.093.396.517
Khoản tiền chi thuần từ việc mua công ty con			-	(71.076.703.543)
Khoản tiền thuần thu được từ việc bán công ty con			1.064.990.533.443	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		941.405.143.003	(761.386.435.212)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát	31		72.223.249.680	-
Tiền trả lại vốn góp cho cổ đông không kiểm soát	32		(1.105.500.000)	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.349.747.792.057	5.147.291.904.321
Tiền trả nợ gốc vay	34		(5.617.947.126.044)	(4.703.215.698.403)
Tiền trả cổ tức	36		(471.340.120.487)	(390.120.071.178)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(668.421.704.794)	53.956.134.740
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		670.712.577.513	65.180.909.115
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.577.758.690.677	1.512.565.657.623
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		311.019.623	12.123.939
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	6	2.248.782.287.813	1.577.758.690.677

Người lập:

28-03-2018



Trần Thị Kim Oanh
Kế toán



Vũ Nhất
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Tổng Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong các công ty liên doanh, liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, các công trình thủy điện, nhiệt điện, phong điện, điện nguyên tử, đường dây và trạm biến thế 500KV;
- Các công trình hạ tầng kỹ thuật, xã hội, khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, công trình ngầm, các công trình văn hóa, thể thao, vui chơi giải trí, công trình du lịch, khách sạn và các loại công trình công cộng khác;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm;
- Khai thác sản xuất kinh doanh nước sạch, các sản phẩm phục vụ cho xử lý nước thải, chất thải, bảo vệ môi trường;
- Khai thác, sản xuất, chế biến, kinh doanh các loại cấu kiện và vật liệu xây dựng bao gồm đá, cát, sỏi, gạch, ngói, xi măng, kính, tấm hợp, nhựa đường, các loại cấu kiện bê tông, đá nhân tạo và các loại vật liệu xây dựng khác;
- Khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại khoáng sản nhà nước cấm);
- Đầu tư kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, siêu thị và các loại hình du lịch (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Quản lý và vận hành các trung tâm thương mại, siêu thị, các khu đô thị, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, dây chuyền công nghệ tự động hóa, phương tiện vận tải, xe gắn máy, hàng tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng nông lâm thủy sản;
- Kinh doanh dịch vụ giao nhận vận chuyển hàng hóa các loại cấu kiện siêu trường, siêu trọng;
- Kinh doanh dịch vụ mua bán rượu, bia, thuốc lá;
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, nước giải khát, bánh kẹo, hàng công nghệ phẩm, mỹ phẩm và quà lưu niệm (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, quán bar, vũ trường);
- Đại lý bán lẻ xăng dầu;
- Hoạt động xuất khẩu lao động;
- Thiết kế tổng mặt bằng, kiến trúc nội ngoại thất đối với công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, thiết kế quy hoạch đô thị;

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Thiết kế hạ tầng cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Thiết kế cấp thoát nước đối với công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình xử lý chất thải rắn;
- Khảo sát trắc địa công trình;
- Thiết kế hạ tầng giao thông, san nền, thoát nước công trình xây dựng;
- Thiết kế điện công trình dân dụng, công nghiệp; tư vấn đầu tư và xây dựng (chỉ thiết kế trong phạm vi các thiết kế đã đăng ký kinh doanh);
- Lập và thẩm định dự án đầu tư;
- Tư vấn đấu thầu và quản lý dự án;
- Tư vấn thiết bị công nghệ mới và thiết bị tự động hóa;
- Đầu tư góp vốn thành lập mới các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn;
- Đầu tư góp vốn vào các công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn đang hoạt động;
- Đầu tư kinh doanh cổ phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu và các loại chứng chỉ có giá; đầu tư thành lập các doanh nghiệp liên doanh có 100% vốn của Tổng Công ty cổ phần hoạt động tại nước ngoài;
- Nhận thầu xây lắp các loại hình công trình tại nước ngoài;
- Thực hiện các dịch vụ cung cấp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành điều hòa không khí, điện lạnh, thiết bị phòng chống cháy nổ, thang máy;
- Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa;
- Đại lý bán vé máy bay cho các hãng trong và ngoài nước;
- Dệt may công nghiệp;
- Dịch vụ mua bán và chế biến hàng nông lâm sản (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
- Trồng, chăm sóc, tu bổ, bảo quản rừng, trồng cây công nghiệp và chăn nuôi gia súc, gia cầm;
- Khai thác và sản xuất kinh doanh nước uống tinh khiết;
- Kinh doanh khai thác cầu cảng, bốc xếp hàng hóa thủy, bộ và cho thuê kho bãi;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường sông và đường biển; và
- Tổ chức các loại hoạt động giáo dục, đào tạo từ bậc mầm non đến bậc trung học phổ thông, giáo dục đào tạo hướng nghiệp, đào tạo ngoại ngữ và tư vấn du học (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép).

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 27 công ty con (1/1/2017: 27 công ty con) như sau:

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	31/12/2017		1/1/2017	
			% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	55,14	55,14	55,14	55,14
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2 (*)	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	36,00	56,86	51,23	51,23
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 4	Hà Nội	Xây dựng các công trình công nghiệp	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 7	Hà Nội	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	-	-	36,00	36,00
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 (*)	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	36,00	51,05	54,33	54,33
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	Đà Nẵng	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	73,59	73,59	73,59	73,59
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 (*)	Hà Nội	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	36,00	55,85	52,60	52,60
Công ty Cổ phần Xây dựng Vinaconex 16	Nghệ An	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	51,93	51,93	51,93	51,93
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 17	Khánh Hòa	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	82,16	82,16	82,16	82,16
Công ty Cổ phần Vinaconex 25	Quảng Nam	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Vinaconex 27	Đồng Tháp	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	57,33	86,55	57,33	86,55
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2	Lào Cai	Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện năng	76,33	78,35	76,33	78,35
Công ty Cổ phần VIMECO	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	51,40	51,40	51,40	51,40
Công ty Cổ phần Vinaconex Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	76,25	77,15	76,25	77,15
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Vinaconex	Hà Nội	Tư vấn thiết kế	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Xây dựng và Xuất nhập khẩu Quyết Thắng	Đắc Lắc	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	56,90	56,90	56,90	56,90

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	31/12/2017		1/1/2017	
			% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Đô thị Việt Nam	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	75,00	85,26	75,00	85,26
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	51,00	51,00	51,00	51,00
Công ty Cổ phần Siêu thị và XNK Thương mại Việt Nam	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	51,00	52,33	51,00	52,33
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex	Hà Nội	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	53,56	53,56	53,56	53,56
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị Vinaconex	Hà Nội	Quản lý dự án, giám sát thi công, đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản	70,00	70,00	70,00	70,00
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	55,00	55,00	55,00	55,00
Công ty Cổ phần Nước sạch Vinaconex	Hòa Bình	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	-	-	51,00	51,20
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	Quảng Ngãi	Thương mại, dịch vụ	95,51	95,51	95,51	95,51
Công ty Cổ phần Vận tải Vinaconex	Hà Nội	Thương mại, dịch vụ	59,12	59,12	59,12	59,12
Công ty Cổ phần Bất động sản Vinaconex	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	99,99	99,99	99,99	99,99
Công ty TNHH Thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội	Hà Nội	Gia công các sản phẩm thủy tinh pha lê Kinh doanh bất động sản	100,00	100,00	100,00	100,00
Công ty TNHH MTV Vinaconex Xây dựng	Hà Nội	Xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp	100,00	100,00	-	-
Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	100,00	100,00	-	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Xây dựng Số 2, Công ty Cổ phần Xây dựng Số 9 và Công ty Cổ phần Xây dựng Số 12 thấp hơn 50%. Tuy nhiên, Tổng Công ty đã nhận được ủy quyền của các cổ đông khác, nhân danh và thay mặt các cổ đông này thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông. Theo đó, tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty ở các công ty này lần lượt là 56,86%, 51,05% và 55,85%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có 7 công ty liên kết và 1 công ty liên doanh (1/1/2017: 8 công ty liên kết và 2 công ty liên doanh) (Thuyết minh 7(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có 8.897 nhân viên (1/1/2017: 8.544 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) *Mất quyền kiểm soát*

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tổng Công ty dùng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tổng Công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) *Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)*

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty và các công ty con có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tổng Công ty và các công ty con có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty và các công ty con được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty và các công ty con, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tổng Công ty và các công ty con phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) *Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các giao dịch và số dư trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty và các công ty con tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của các dự án bất động sản và công trình xây lắp được tính theo phương pháp đích danh, giá gốc của các nhóm hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với dự án bất động sản, giá gốc bao gồm quyền sử dụng đất, chi phí phát triển đất và cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng. Đối với công trình xây lắp, giá gốc bao gồm chi phí phát triển cơ sở hạ tầng và chi phí xây dựng. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các nhóm hàng tồn kho khác, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	4 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	2 – 6 năm
▪ tài sản khác	2 – 10 năm

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Tài sản cố định thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty và các công ty con đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

Khấu hao của quyền sử dụng đất có thời hạn được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn thuê đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định không được trích khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Bất động sản đầu tư cho thuê

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Tổng Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--|----------------------|
| ▪ quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định | không trích khấu hao |
| ▪ quyền sử dụng đất có thời hạn | 7 – 25 năm |
| ▪ nhà cửa và vật kiến trúc | 7 – 50 năm |

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí thuê tài sản trả trước

Chi phí thuê tài sản trả trước thể hiện số tiền thuê tài sản được trả trước. Chi phí thuê tài sản trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng thuê.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(n) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong kỳ kế toán năm. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

(p) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu hoạt động xây lắp

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo giá trị khối lượng thực hiện đã được khách hàng xác nhận theo từng lần nghiệm thu và lập phiếu giá thanh toán. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan đến khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Tổng Công ty và các công ty con đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Tổng Công ty và các công ty con không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty và các công ty con đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

(iii) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Đối với trường hợp thời gian cho thuê chiếm hơn 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tổng Công ty và các công ty con ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và doanh nghiệp cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã được chuyển giao cho bên đi thuê; và
- Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

(v) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(vi) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tổng Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Báo cáo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tổng Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xây lắp và kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất công nghiệp; và
- Dịch vụ thương mại.

Năm kết thúc ngày 31/12/2017	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu thuần của bộ phận	10.154.378.034.635	1.743.382.509.400	1.057.406.652.965	(2.057.652.056.520)	10.897.515.140.480
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.012.561.022.670	703.490.039.796	54.122.446.371	94.355.822.233	1.864.529.331.070
Chi phí không phân bổ					76.153.829.369
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					1.940.683.160.439
Thu nhập khác					82.371.292.491
Chi phí khác					(71.564.914.480)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(322.351.150.635)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					1.629.138.387.815

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Năm kết thúc ngày 31/12/2016	Điều chỉnh lại	Điều chỉnh lại	Điều chỉnh lại		Điều chỉnh lại
Doanh thu thuần của bộ phận	8.130.517.501.107	1.484.371.738.978	961.688.360.129	(2.028.736.635.061)	8.547.840.965.153
Kết quả kinh doanh của bộ phận	980.255.616.765	85.485.101.147	362.108.190.664	19.013.502.842	1.446.862.411.418
Chi phí không phân bổ					(634.673.742.759)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh					812.188.668.659
Thu nhập khác					82.595.688.397
Chi phí khác					(57.931.154.382)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(124.227.958.863)
Lợi nhuận sau thuế TNDN					712.625.243.811

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31/12/2017	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND	Sản xuất công nghiệp VND	Dịch vụ thương mại VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	19.036.440.140.795	2.626.653.920.840	1.924.322.569.902	(2.543.458.964.568)	21.043.957.666.969
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	585.266.732.324	-	-	-	585.266.732.324
Tổng tài sản	19.621.706.873.119	2.626.653.920.840	1.924.322.569.902	(2.543.458.964.568)	21.629.224.399.293
Nợ phải trả của bộ phận	12.194.419.952.934	1.655.058.789.121	1.631.012.373.345	(1.709.346.408.090)	13.771.144.707.310
Tổng nợ phải trả	12.194.419.952.934	1.655.058.789.121	1.631.012.373.345	(1.709.346.408.090)	13.771.144.707.310
Năm kết thúc ngày 31/12/2017					
Chi tiêu vốn	298.471.129.801	258.872.674.488	30.042.726.246	28.222.561.260	615.609.091.795
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	87.272.162.860	123.260.778.377	6.810.417.071	60.742.487.615	278.085.845.923
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính	-	2.611.464.632	-	-	2.611.464.632
Khấu hao tài sản cố định vô hình	186.433.222	267.362.024	227.435.058	9.101.900.000	9.783.130.304
Khấu hao bất động sản đầu tư	42.879.032.173	-	24.868.123.560	11.964.299.993	79.711.455.726

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

1/1/2017	Xây lắp và kinh doanh bất động sản VND Điều chỉnh lại	Sản xuất công nghiệp VND Điều chỉnh lại	Dịch vụ thương mại VND Điều chỉnh lại	Loại trừ VND	Hợp nhất VND Điều chỉnh lại
Tài sản của bộ phận	19.134.312.395.315	3.589.926.927.799	1.778.018.128.541	(2.659.392.726.073)	21.842.864.725.582
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	1.002.487.694.404	-	-	-	1.002.487.694.404
Tổng tài sản	20.136.800.089.719	3.589.926.927.799	1.778.018.128.541	(2.659.392.726.073)	22.845.352.419.986
Nợ phải trả của bộ phận	13.354.998.026.309	2.121.217.991.799	1.464.629.411.102	(1.575.761.500.154)	15.365.083.929.056
Tổng nợ phải trả	13.354.998.026.309	2.121.217.991.799	1.464.629.411.102	(1.575.761.500.154)	15.365.083.929.056
Năm kết thúc ngày 31/12/2016					
Chi tiêu vốn	254.474.968.436	182.283.613.149	10.517.517.672	13.040.693.711	460.316.792.968
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	87.824.999.303	186.406.490.692	7.169.586.505	(19.535.291.835)	261.865.784.665
Khấu hao tài sản cố định thuê tài chính	-	2.360.958.067	-	-	2.360.958.067
Khấu hao tài sản cố định vô hình	329.158.154	515.575.951	287.660.535	2.554.890.709	3.687.285.349
Khấu hao bất động sản đầu tư	44.550.487.743	-	18.524.025.512	-	63.074.513.255

Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì Ban Tổng Giám đốc xác định rằng hiện tại Tổng Công ty và các công ty con hoạt động trong một bộ phận chia theo vùng địa lý duy nhất đó là trong lãnh thổ Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Thoái vốn tại công ty con

Trong năm, Tổng Công ty đã thoái vốn toàn bộ tại Công ty Cổ phần Xây dựng số 7 (“VC7”) và Công ty Cổ phần Nước sạch (“VIWASUPCO”).

Việc thoái vốn này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tổng Công ty và các công ty con tại ngày thoái vốn như sau:

	Giá trị ghi sổ tại ngày thoái vốn VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	155.420.011.557
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	154.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khách hàng	63.873.103.733
Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.857.012.402
Phải thu ngắn hạn khác	4.313.564.077
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(27.114.062.235)
Hàng tồn kho	240.475.454.704
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.753.854.199)
Tài sản ngắn hạn khác	2.100.518.205
Tài sản cố định hữu hình	594.232.559.069
Bất động sản đầu tư	26.569.733.498
Xây dựng cơ bản dở dang	115.153.075.352
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.734.015.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(4.811.884)
Chi phí trả trước dài hạn	15.947.520.784
Phải trả người bán ngắn hạn	(46.729.368.317)
Người mua trả tiền trước	(52.865.090.738)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	(17.994.556.212)
Phải trả người lao động	(3.261.901.468)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(99.782.692.130)
Phải trả ngắn hạn khác	(21.437.513.198)
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	(49.920.000.000)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	(59.384.401.913)
Quỹ khen thưởng phúc lợi	(2.497.798.092)
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	(164.521.192.022)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	857.409.325.973
Phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được của các công ty con tại ngày thoái vốn	359.305.351.102
Lãi thuần từ thoái vốn tại các công ty con (Thuyết minh 37)	757.246.648.898
Giá bán	1.116.552.000.000
Khoản tiền giảm do thoái vốn	(155.420.011.557)
Dòng tiền thuần từ thoái vốn	961.131.988.443

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Tiền mặt	29.921.792.560	25.447.373.953
Tiền gửi ngân hàng	1.033.930.866.522	1.133.522.558.552
Các khoản tương đương tiền (*)	1.184.929.628.731	418.788.758.172
	2.248.782.287.813	1.577.758.690.677

(*) Trong các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 80 tỷ VND (1/1/2017: 121 tỷ VND) tại các công ty con của Tổng Công ty đã được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con này (Thuyết minh 27(a)).

7. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND Điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND Điều chỉnh lại
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	1.203.509.866.783	1.203.509.866.783	1.377.045.625.119	1.377.045.625.119
▪ Khoản đầu tư khác	-	-	7.000.000.000	7.000.000.000
	1.203.509.866.783	1.203.509.866.783	1.384.045.625.119	1.384.045.625.119
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	395.000.000.000	(**)	140.200.000.000	(**)

(*) Trong các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 122 tỷ VND (1/1/2017: 178 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 27(a)).

(**) Tổng Công ty và các công ty con chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Trong năm, Tổng Công ty có phát sinh một số giao dịch chuyển nhượng vốn các công ty liên kết như sau:

- Ngày 6 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 6.438.000 cổ phần, tương đương với 29% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Liên doanh Quốc tế Vinaconex - Taisei;
- Ngày 31 tháng 7 năm 2017, Tổng Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ 37.000.000 cổ phần tại, tương đương với 37% vốn điều lệ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel.

		31/12/2017				1/1/2017		
	Địa chỉ	% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND		% sở hữu trực tiếp	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh								
▪ Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	Hà Nội	50,00	50,00	-	50,00	50,00	-	-
▪ Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei	Hà Nội	-	-	-	29,00	29,00	113.763.417.995	
Đầu tư vào các công ty liên kết								
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	Hà Nội	29,19	29,19	196.392.913.740	29,19	29,19	176.971.339.303	
▪ Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	Hà Nội	44,20	48,53	32.264.890.316	44,20	48,53	32.134.049.148	
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	Quảng Ninh	30,00	30,00	229.916.449.298	30,00	30,00	179.170.227.690	
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	Hải Dương	30,36	40,48	-	30,36	40,48	-	
▪ Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex – Viettel	Hà Nội	-	-	-	33,00	37,00	386.203.554.700	
▪ Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	Hà Nội	35,39	35,39	12.723.748.935	35,39	35,39	13.403.056.836	
▪ Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	Bắc Ninh	21,00	21,00	113.968.730.035	21,00	21,00	100.842.048.732	
▪ Công ty Cổ phần Vipaco	Hà Nội	21,25	21,25	-	21,25	21,25	-	
				585.266.732.324			1.002.487.694.404	

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN của các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Tổng Công ty là như sau:

	2017 VND	2016 VND
Đầu tư vào các công ty liên doanh		
▪ Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	(129.743.265.129)	(307.290.367.634)
Đầu tư vào các công ty liên kết		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	130.784.821.222	68.807.572.667
▪ Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương mại Vinaconex	11.656.773.855	11.150.678.587
▪ Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	165.902.216.797	211.262.832.328
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	-	(6.163.066.377)
▪ Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	(1.919.310.324)	(1.014.712.115)
▪ Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	65.503.270.394	(16.122.149.513)
▪ Công ty Cổ phần Vipaco	461.235.081	(6.154.398.915)
	242.645.741.896	(45.523.610.972)

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2017		1/1/2017	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng Điều chỉnh lại
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh	52.466.753.930	11.680.433.958	52.761.753.930	20.725.215.756
Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	40.000.000.000	19.425.647.311	40.000.000.000	-
Công ty TNHH VINA SANWA	25.005.670.788	-	25.005.670.788	3.615.514.568
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện lực Hà Nội	17.663.275.000	-	17.663.275.000	-
Quỹ Đầu tư Phát triển Việt Nam	5.040.000.000	-	10.080.000.000	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	14.625.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Chợ Bưởi	4.978.080.000	-	4.978.080.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Bắc Miền Trung	3.450.000.000	-	3.450.000.000	-
Các đơn vị khác	42.571.355.037	9.433.731.128	47.018.387.485	7.757.478.779
	229.800.134.755	55.039.812.397	239.457.167.203	46.598.209.103

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì (i) đối với các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên thị trường chứng khoán, trong năm số lượng giao dịch các cổ phiếu tương ứng của các đơn vị này ít và do đó giá cổ phiếu niêm yết không phản ánh đúng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư; và (ii) đối với các khoản đầu tư còn lại không có giá niêm yết trên thị trường. Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá gốc.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	1.017.312.000.991	773.916.885.979
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam	150.181.319.596	383.997.292.100
Ban Quản lý Dự án 2	118.496.938.037	42.885.061.798
Công ty Cổ phần Xây dựng IDG Việt Nam	95.555.195.900	109.544.369.000
Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội	88.529.271.639	88.529.271.639
Ban Quản lý Dự án Thăng Long	70.819.961.405	124.289.731.889
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3 – Chi nhánh Công ty TNHH MTV Phát điện 1	63.511.789.477	55.203.439.880
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Xuất nhập khẩu Tây Đô	59.752.371.910	-
Công ty TNHH An Quý Hưng	55.126.553.746	1.347.603
Công ty Cổ phần ADG Holding	58.435.205.604	60.658.371.800
Công ty Nước sạch Viwaseen	48.829.046.498	35.132.045.200
Công ty Cổ phần Confitech Tân Đạt	47.653.722.188	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Sunshine Việt Nam	41.779.926.000	80.415.658.000
Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	37.001.840.020	45.872.754.097
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine	36.808.121.060	-
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa	26.151.568.390	34.651.568.390
Văn phòng Đại diện Ngân hàng Công thương tại Đà Nẵng	25.045.057.001	32.694.664.802
Công ty Cổ phần Ngôi sao An Bình	22.959.959.092	39.378.960.197
Ban Quản lý Dự án Xây dựng Thành phố Đà Nẵng	20.587.030.670	40.835.028.400
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex - Taisei	2.092.050	77.734.550.323
Tổ hợp nhà thầu JGSC	-	97.896.173.659
Các khách hàng khác	2.187.616.081.663	1.895.473.378.344
	4.272.155.052.937	4.019.110.553.100

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
		Điều chỉnh lại
Ngắn hạn	4.238.593.610.758	4.017.896.271.641
Dài hạn	33.561.442.179	1.214.281.459
	4.272.155.052.937	4.019.110.553.100

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải thu của khách hàng là bên liên quan	1.054.601.935.689	905.050.994.271

Chi tiết phải thu của bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	1.017.312.000.991	773.916.885.979
Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	37.001.840.020	45.872.754.097
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	288.094.678	6.832.070.859
Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	-	614.746.251
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	-	79.986.762

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được khi có yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	6.602.569.108	6.883.959.648
Phải thu về cho vay ngắn hạn khác		
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí	85.974.349.347	28.034.713.098
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex	5.057.768.353	5.057.768.353
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinaconex 45	4.405.333.041	4.405.333.041
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	3.568.358.055	3.568.358.055
Công ty Vikowa Liên doanh	2.244.393.380	2.244.393.380
Cho các bên khác vay	30.998.777.389	44.450.456.971
	138.851.548.673	94.644.982.546
 Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	 360.459.488.476	 313.640.905.056
	499.311.037.149	408.285.887.602

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty liên kết				
Công ty Cổ phần Xi măng Cầm Phả	1,5%	2021	1.544.922.101.100	1.960.119.765.440
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	LIBOR USD 6 tháng + 0,7%	2019	78.894.777.554	118.629.342.595
			1.623.816.878.654	2.078.749.108.035
 Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng			 (360.459.488.476)	 (313.640.905.056)
			1.263.357.390.178	1.765.108.202.979

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Tạm ứng các tổ đội thi công (*)	330.423.551.172	342.019.838.324
Phải thu về lãi vay	130.159.300.347	84.701.814.488
Tạm ứng cho người lao động	79.240.648.238	38.941.374.370
Phải thu về cổ tức	3.532.000.570	6.145.500.000
Phải thu ngắn hạn khác	256.263.249.814	261.489.728.936
	799.618.750.141	733.298.256.118

(*) Tạm ứng các tổ đội thi công là các khoản ứng trước cho các chủ nhiệm công trình dựa trên hợp đồng giao khoán giữa chủ nhiệm công trình và một số công ty con của Tổng Công ty.

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ký quỹ dài hạn	1.039.337.983	2.925.160.504
Tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát (*)	18.060.670.918	-
Phải thu dài hạn khác	6.757.625.118	6.553.320.000
	25.857.634.019	9.478.480.504

(*) Đây là khoản tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư trong quá trình xây dựng thủy điện Ngòi Phát tại xã Bán Vược, Bán Xèo và Dền Thành, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai do một công ty con của Tổng công ty thực hiện. Công ty con này đang trong quá trình quyết toán số tiền thuê được bù trừ với cục Thuế tỉnh Lào Cai.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Nợ xấu và nợ khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2017			Thời gian quá hạn	1/1/2017		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND Điều chỉnh lại	Dự phòng VND Điều chỉnh lại	Giá trị có thể thu hồi VND Điều chỉnh lại
Công ty cổ phần Vinaconex 45	Trên 3 năm	10.735.093.440	10.735.093.440	-	Trên 3 năm	10.735.093.440	10.706.315.560	28.777.880
Công ty Thủy điện Bản Chát	Trên 3 năm	8.733.682.192	8.214.099.523	519.582.669	Dưới 3 năm	8.733.682.192	4.785.549.456	3.948.132.736
Công ty TNHH MTV Đầu Tư và Kinh doanh Khoáng sản Vinaconex	Trên 3 năm	8.063.337.553	8.063.337.553	-	Trên 3 năm	8.063.337.553	8.063.337.553	-
Công ty Cổ phần Consevco 6	Dưới 3 năm	10.701.176.023	7.490.823.216	3.210.352.807	Trên 1 năm	11.051.176.023	5.525.588.012	5.525.588.011
Công ty Cổ phần Vinaconex 34	Trên 3 năm	7.000.000.000	7.000.000.000	-	Trên 3 năm	7.000.000.000	7.000.000.000	-
Công ty Vikowa Liên Doanh	Trên 3 năm	6.870.498.520	6.870.498.520	-	Trên 3 năm	6.870.498.520	6.870.498.520	-
Tạm ứng cho các đội xây dựng - Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	Trên 3 năm	6.554.427.848	6.554.427.848	-	Trên 3 năm	6.554.427.848	6.554.427.848	-
Lê Phúc Vũ	Trên 3 năm	6.289.799.165	6.289.799.165	-	Trên 3 năm	6.289.799.165	6.289.799.165	-
Tổng Công ty Đầu tư xây dựng và Thương mại Anh Phát	Dưới 2 năm	12.269.948.000	6.134.974.000	6.134.974.000	Dưới 2 năm	12.269.948.000	-	12.269.948.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Lũng Lô 5	Dưới 3 năm	8.866.038.546	5.186.887.735	3.679.150.811	Dưới 2 năm	4.872.866.466	2.288.137.356	2.584.729.110
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11	Trên 3 năm	5.109.047.895	5.041.798.295	67.249.600	Trên 1 năm	5.609.047.895	5.041.798.295	567.249.600
Công ty Xây dựng 123	Trên 3 năm	4.710.573.725	4.710.573.725	-	Dưới 3 năm	4.710.573.725	1.413.172.118	3.297.401.607
Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam	Dưới 2 năm	14.560.834.000	4.511.336.000	10.049.498.000	Dưới 6 tháng	28.522.672.000	-	28.522.672.000
Công ty TNHH Thăng Long	Dưới 2 năm	8.530.521.497	4.265.260.749	4.265.260.748	Trên 1 năm	11.130.521.497	5.565.260.749	5.565.260.748
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	Trên 3 năm	4.260.171.975	4.260.171.975	-	Trên 3 năm	4.260.171.975	4.260.171.975	-
Công ty TNHH Nhà nước MTV Dệt Minh Khai	Trên 3 năm	3.985.795.712	3.985.795.712	-	Trên 3 năm	3.985.795.712	3.985.795.712	-
Các khoản phải thu khác		360.865.190.980	319.295.980.777	41.569.210.203		334.318.844.704	325.859.315.541	8.459.529.163
		488.106.137.071	418.610.858.233	69.495.278.838		474.978.456.715	404.209.167.860	70.769.288.855

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

		31/12/2017			1/1/2017			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND Điều chỉnh lại	Dự phòng VND Điều chỉnh lại	Giá trị có thể thu hồi VND Điều chỉnh lại
Trong đó:								
	Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn		417.411.373.822				403.226.107.584	
	Dự phòng phải thu khó đòi – dài hạn		1.199.484.411				983.060.276	

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các công ty con đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu về cho vay và phải thu khác quá hạn căn cứ vào đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, thời gian quá hạn và mức dự phòng cần trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND Điều chỉnh lại	Dự phòng VND Điều chỉnh lại
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	5.062.914.037	-
Nguyên vật liệu	86.514.320.248	739.423.034	118.942.208.202	3.493.277.233
Công cụ và dụng cụ	52.748.898.297	-	49.308.876.393	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	3.575.224.758.434	8.114.619.315	3.928.254.543.749	19.907.925.490
Thành phẩm	12.063.415.929	1.001.794.089	29.447.702.586	957.535.357
Hàng hóa	1.651.823.301	625.034.141	3.338.234.228	625.034.141
Hàng gửi đi bán	375.179.166	-	375.179.166	-
	3.728.578.395.375	10.480.870.579	4.134.729.658.361	24.983.772.221

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang theo công trình như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Dự án Chung cư CT4	255.886.438.156	546.701.237.880
Dự án Vinata Tower	352.206.526.436	189.276.759.796
Dự án Kim Văn - Kim Lũ	426.435.695.261	507.973.628.141
Công trình dự án Minh Khai	343.743.375.368	-
Dự án khu đô thị Ecopark Văn Giang	139.661.584.636	-
Dự án Nhà ở cán bộ chiến sỹ Bộ Công An	136.112.215.342	-
Công trình tòa nhà C36 Kim Văn - Kim Lũ	13.941.422.247	457.594.130.256
Dự án 136 Hồ Tùng Mậu	-	195.286.927.242
Dự án Đầu tư Khu đô thị mới Nghi Phú	119.732.210.999	116.557.583.924
Công trình tòa nhà B36 Kim Văn - Kim Lũ	189.282.945.487	111.375.432.972
Dự án Bảo tàng Hà Nội	92.697.439.523	88.834.798.236
Công trình tòa án nhân dân TP HCM	-	75.271.656.832
Khu Công nghệ cao Hòa Lạc	57.937.903.901	57.665.350.901
Nhà ga hàng hóa mở rộng ACSV Nội Bài	52.503.727.817	-
Dự án CT Ciputra Thăng Long	47.985.250.800	20.051.397.745
Dự án Sunshine Riverside Phú Thượng	47.502.259.451	1.909.269.032
Dự án Quang Minh	46.507.440.203	53.544.461.485
Dự án DSK	46.507.440.203	46.797.245.006
Dự án mỏ đá Xuân Hòa	44.876.381.828	41.180.579.870
Công trình Sao Ánh Dương 2	37.658.872.691	18.948.922.825
Dự án Trảng An Complex	16.098.747.588	41.095.010.058
Nhà máy xi măng Xuân Thành	751.516.521	37.666.811.902
Dự án đường sắt Đô thị Hà Nội	36.543.036.456	36.149.484.661
Công trình khu đô thị Nam Thăng Long	36.279.830.572	7.115.402.337
Dự án 97-99 Láng Hạ	5.644.441.020	27.789.488.236
Công trình ký túc xá ĐHQG TP HCM	27.658.610.306	27.737.583.128
Dự án cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi	-	27.392.384.344
Khu đô thị thành phố giao lưu	6.554.235.552	16.496.562.525
Các dự án khác	994.515.210.070	1.177.842.434.415
	3.575.224.758.434	3.928.254.543.749

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại	3.153.975.339.389	1.482.254.761.462	711.560.307.709	20.208.420.293	26.504.787.251	5.394.503.616.104
Tăng trong năm	1.994.025.748	83.884.927.885	47.741.277.437	692.835.956	811.250.000	135.124.317.026
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	11.728.876.369	29.371.412.976	186.513.324.133	-	-	227.613.613.478
Chuyển từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	843.581.072	-	-	843.581.072
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(4.867.880.854)	-	-	-	-	(4.867.880.854)
Góp vốn đầu tư bằng tài sản	(9.574.981.381)	(24.766.244.608)	-	-	(111.427.850)	(34.452.653.839)
Giảm do quyết toán công trình (*)	(24.756.085.806)	(5.352.882.134)	-	-	-	(30.108.967.940)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(1.260.943.074.147)	(157.418.328.201)	(1.440.545.652)	(17.263.559.199)	-	(1.437.065.507.199)
Thanh lý	(56.818.563.035)	(28.452.648.475)	(13.762.830.639)	(55.142.900)	-	(99.089.185.049)
Phân loại lại	-	4.451.346.668	(4.451.346.668)	-	-	-
Số dư cuối năm	1.810.737.656.283	1.383.972.345.573	927.003.767.392	3.582.554.150	27.204.609.401	4.152.500.932.799

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại	918.159.698.314	763.952.518.468	427.403.348.060	17.354.190.676	19.480.845.854	2.146.350.601.372
Khấu hao trong năm	145.773.012.481	76.884.025.078	52.602.338.895	1.200.413.074	1.626.056.395	278.085.845.923
Góp vốn đầu tư bằng tài sản	(5.628.405.432)	(22.122.787.247)	-	-	(111.427.850)	(27.862.620.529)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(690.016.595.959)	(144.617.137.659)	(1.181.635.412)	(7.017.579.100)	-	(842.832.948.130)
Thanh lý	(13.012.750.373)	(14.890.594.825)	(12.470.838.000)	(55.142.900)	-	(40.429.326.098)
Phân loại lại	-	4.364.864.850	(4.364.864.850)	-	-	-
Số dư cuối năm	355.274.959.031	663.570.888.665	461.988.348.693	11.481.881.750	20.995.474.399	1.513.311.552.538
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại	2.235.815.641.075	718.302.242.994	284.156.959.649	2.854.229.617	7.023.941.397	3.248.153.014.732
Số dư cuối năm	1.455.462.697.252	720.401.456.908	465.015.418.699	(7.899.327.600)	6.209.135.002	2.639.189.380.261

(*) Trong năm 2017, giá trị dự án công trình thủy điện Ngòi Phát của một công ty con đã được điều chỉnh khi hồ sơ quyết toán công trình được hoàn thiện và phê duyệt.

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 794 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 908 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 2.693 tỷ VND (1/1/2017: 2.840 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 27).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.393.958.725	5.168.968.680	75.325.228.275	82.888.155.680
Tăng trong năm	-	-	5.717.629.864	5.717.629.864
Số dư cuối năm	2.393.958.725	5.168.968.680	81.042.858.139	88.605.785.544
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.978.447.447	4.014.790.347	45.256.980.854	51.250.218.648
Khấu hao trong năm	51.546.294	175.926.674	2.383.991.664	2.611.464.632
Số dư cuối năm	2.029.993.741	4.190.717.021	47.640.972.518	53.861.683.280
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	415.511.278	1.154.178.333	30.068.247.421	31.637.937.032
Số dư cuối năm	363.964.984	978.251.659	33.401.885.621	34.744.102.264

Các công ty con của Tổng Công ty thuê một số tài sản theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, các công ty con này có quyền lựa chọn mua lại những tài sản này với giá ưu đãi. Tài sản thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 27(b)(ii)).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Khác (*) VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	36.917.308.849	3.438.408.350	91.019.000.000	131.374.717.199
Tăng trong năm	999.209.395	-	-	999.209.395
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(1.395.736.429)	-	(1.395.736.429)
Thanh lý	(560.000.000)	-	-	(560.000.000)
Số dư cuối năm	37.356.518.244	2.042.671.921	91.019.000.000	130.418.190.165
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại	6.336.408.347	3.348.670.411	1.516.983.333	11.202.062.091
Khấu hao trong năm	369.014.947	312.215.357	9.101.900.000	9.783.130.304
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(1.395.736.429)	-	(1.395.736.429)
Thanh lý	(365.484.661)	-	-	(365.484.661)
Số dư cuối năm	6.339.938.633	2.265.149.339	10.618.883.333	19.223.971.305
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại	30.580.900.502	89.737.939	89.502.016.667	120.172.655.108
Số dư cuối năm	31.016.579.611	(222.477.418)	80.400.116.667	111.194.218.860

(*) Đây là giá trị tiềm năng phát triển khu đất thuê trả tiền hàng năm 3.050 m2 của Công ty TNHH Thủy tinh pha lê Bohemia Hà Nội tại 25 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Giá trị này được khấu hao trong 10 năm, tương ứng với thời hạn của hợp đồng thuê đất.

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 5 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 5 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định vô hình tại các công ty con có giá trị còn lại là 6 tỷ VND (1/1/2017: 11 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con này (Thuyết minh 27(a)).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

16. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Nhà cửa và quyền sử dụng đất VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	16.270.583.251	1.060.933.726.824	1.115.969.644.386	2.193.173.954.461
Tăng trong năm	-	1.702.141.116	967.183.071	2.669.324.187
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	27.095.769.516	33.876.591.019	60.972.360.535
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	4.867.880.854	4.867.880.854
Chuyển nhượng	-	(2.834.309.478)	-	(2.834.309.478)
Phân loại sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	(2.401.954.530)	-	(2.401.954.530)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(27.343.744.593)	-	(27.343.744.593)
Số dư cuối năm	16.270.583.251	1.057.151.628.855	1.155.681.299.330	2.229.103.511.436
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.076.992.147	383.685.231.693	97.829.463.320	485.591.687.160
Khấu hao trong năm	1.136.964.826	53.123.413.904	25.451.076.996	79.711.455.726
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(774.011.095)	-	(774.011.095)
Số dư cuối năm	5.213.956.973	436.034.634.502	123.280.540.316	564.529.131.791
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	12.193.591.104	677.248.495.131	1.018.140.181.066	1.707.582.267.301
Số dư cuối năm	11.056.626.278	621.116.994.353	1.032.400.759.014	1.664.574.379.645

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty là phần diện tích cho thuê tại các tòa nhà H2 Láng Hạ, các tòa nhà khu Trung Hòa – Nhân Chính, tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, một phần diện tích tầng hầm khu N05 tại đường Hoàng Đạo Thúy, Hà Nội, và tòa nhà 47 Điện Biên Phủ tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại là 92 tỷ VND (1/1/2017: 119 tỷ VND) tại các công ty con của Tổng Công ty được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con này (Thuyết minh 27(a)).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và các công ty con.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

	Giá gốc và giá trị có thể thu hồi 31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Dự án Khu đô thị - Du lịch Cái Giá - Cát Bà (*)	564.036.573.926	556.373.123.302
Công trình dự án Minh Khai	-	169.324.986.713
Dự án Chung cư 15 tầng	-	43.231.717.990
Khác	15.502.748.348	20.930.445.285
	579.539.322.274	789.860.273.290

- (*) Trong năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã ra quyết định về việc tạm dừng triển khai một phần Dự án Khu đô thị - Du lịch Cái Giá, Cát Bà (“Dự án Cái Giá, Cát Bà”) của công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Vinaconex (“Vinaconex ITC”), một công ty con của Tổng Công ty, để bàn giao cho một chủ đầu tư khác thực hiện tiếp. Ngày 25 tháng 10 năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã có Quyết định số 2782/QĐ-UBND về việc thành lập tổ công tác liên ngành thành phố để xác định giá trị chi phí đầu tư đối với phần diện tích trả lại thành phố của Dự án Cái Giá, Cát Bà để hoàn trả cho Vinaconex ITC theo quy định và trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Theo đó, các vấn đề liên quan đến công tác đền bù đối với phần giá trị đầu tư của phần diện tích trả lại thành phố của Dự án Khu đô thị du lịch Cái Giá, Cát Bà đang trong quá trình được các cơ quan có thẩm quyền xem xét và tính toán.

Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn này và tin rằng giá trị thuần có thể thực hiện được lớn hơn giá gốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn có giá trị còn lại là 564 tỷ VND (1/1/2017: 556 tỷ VND) của các công ty con của Tổng Công ty được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của các công ty con này (Thuyết minh 27(b)).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	823.207.937.646	1.388.957.828.115
Tăng trong năm	476.816.241.187	350.716.268.060
Chuyển nhượng dự án	(28.239.403.345)	(79.561.592.392)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(115.153.075.352)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(283.643.710)	-
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(227.613.613.478)	(123.566.904.977)
Chuyển sang bất động sản đầu tư cho thuê	(60.972.360.535)	(676.569.704.403)
Phân loại từ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	50.911.396.182	55.026.211.659
Phân loại sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	(79.598.931.079)
Giảm theo giá trị quyết toán	(1.533.107.301)	-
Giảm khác	(4.867.778.694)	(12.195.237.337)
Số dư cuối năm	912.272.592.600	823.207.937.646

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Dự án Trung tâm Thương mại Chợ Mơ	258.189.014.113	233.185.008.038
Dự án Khu đô thị - Du lịch Cái Giá, Cát Bà (*)	238.389.940.314	237.886.297.594
Tòa C36 Dự án Kim Văn Kim Lũ	100.196.038.382	88.627.761.875
Tổ hợp trung tâm thương mại, trưng bày sản phẩm, văn phòng cho thuê và căn hộ để ở	85.595.742.531	1.474.689.736
Dự án công nghệ cao Hòa Lạc	70.557.845.609	60.127.691.945
Dự án 93 Láng Hạ	58.215.216.121	16.966.714.762
Nhà ở CBCNV trạm nghiên cứu Xi măng Cẩm Phả	17.024.294.754	17.024.294.754
Hệ thống cấp nước 4 xã Xuân Phương, Đại Mỗ, Tây Mỗ, Trung Văn	16.308.674.609	10.113.237.457
Dự án tuyến ống gang và đồng hồ điện tử dọc quốc lộ 70	2.865.104.526	14.030.019.160
Lắp đặt bơm tăng áp cục bộ tại địa bàn các Khối ghi thu	481.470.960	10.806.332.018
Hệ thống cấp nước Sông Đà Hà Nội - giai đoạn 2	-	26.834.114.731
Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước chuỗi đô thị Sơn Tây - Hòa Lạc - Xuân Mai - Miếu Môn - Hà Nội - Hà Đông	-	69.041.954.539
Các công trình khác	64.449.250.681	37.089.821.037
Số dư cuối năm	912.272.592.600	823.207.937.646

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (*) Trong năm 2017, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hải Phòng đã ra quyết định về việc tạm dừng triển khai một phần Dự án này (Thuyết minh 17). Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty và công ty con đã đánh giá giá trị thuần có thể thực hiện được của công trình xây dựng cơ bản dở dang này và tin rằng giá trị thuần có thể thực hiện được lớn hơn giá gốc.

Tài sản hình thành từ công trình này được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay dài hạn của một công ty con của Tổng Công ty (Thuyết minh 27(b)).

Trong năm, chi phí đi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 2 tỷ VND (2016: 2 tỷ VND).

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê tài sản trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm – điều chỉnh lại	35.577.942.751	121.114.225.045	54.636.483.519	211.328.651.315
Tăng trong năm	-	91.721.100.163	32.091.222.295	123.812.322.458
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	283.643.710	283.643.710
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(18.643.726.171)	(8.149.914.823)	(26.793.640.994)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(1.806.965.361)	(14.140.555.423)	(15.947.520.784)
Phân bổ trong năm	(9.379.892.872)	(97.959.102.416)	(57.274.724.809)	(164.613.720.097)
Tăng/giảm khác	(166.101.498)	(2.438.577.719)	613.576.603	(1.991.102.614)
Số dư cuối năm	26.031.948.381	91.986.953.541	8.059.731.072	126.078.632.994

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng các khoản phải thu	-	2.122.359.732
Hàng tồn kho	4.521.607.170	1.904.407.607
Tài sản cố định	5.180.902.243	30.239.416.744
Xây dựng cơ bản dở dang	3.158.659.423	6.366.089.214
Chi phí trả trước dài hạn	6.973.021.600	7.573.021.600
Chi phí phải trả	-	1.776.847.775
Doanh thu chưa thực hiện	26.900.424.741	27.530.363.389
Lỗi mang sang	155.910.861	155.910.861
Các khoản khác	631.204.067	71.151.483
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	47.521.730.105	77.739.568.405
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
Tài sản cố định	(193.041.762)	(270.703.987)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(193.041.762)	(270.703.987)
	47.328.688.343	77.468.864.418

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Lợi thế thương mại

	VND
Giá gốc	
Số dư đầu năm	64.600.188.245
Tăng trong năm	540.742.500
Số dư cuối năm	65.140.930.745
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	9.715.091.615
Khấu hao trong năm	6.527.611.637
Số dư cuối năm	16.242.703.252
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	54.885.096.630
Số dư cuối năm	48.898.227.493

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kỹ thuật Vinaconex	132.184.885.926	101.426.674.535
Công ty Cổ phần Việt Vương	100.175.836.491	240.833.180.517
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 5	98.319.203.971	87.892.255.426
Công ty Cổ phần Thép và Vật tư Công nghiệp SIMCO	80.365.548.698	62.811.378.102
Công ty TNHH Trường Hải	66.362.046.189	40.825.061.788
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sigma	57.922.707.586	45.691.068.038
Công ty TNHH Xây dựng RCB	53.527.710.240	-
Công ty Cổ phần ADG Holding	42.916.050.065	53.729.098.820
CTCP Đầu tư và xây dựng Xuân Mai	39.607.776.353	23.770.263.118
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 6	36.947.329.064	8.765.176.730
Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Vật tư Xây dựng M.E.I	36.039.733.354	36.367.316.988
Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà – Việt Đức	29.404.253.099	21.848.562.637
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam	28.504.317.827	38.389.058.146
Công ty TNHH Thương mại Hà Căn	27.080.775.403	15.895.182.477
Công ty TNHH Lộc Phát	25.243.083.854	-
Công ty TNHH Xây dựng Lâm Phạm	5.863.837.815	32.387.942.249
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11	111.882.590	35.989.081.851
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1	-	29.701.565.345
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Vĩnh An	-	30.142.595.658
Công ty TNHH Tân Tiến	-	20.918.185.000
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex – Taisei	-	198.477.896.398
Các nhà thầu khác	1.884.577.600.678	1.749.314.824.144
	2.745.154.579.203	2.875.176.367.967

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	2.744.872.621.203	2.874.894.409.967
Dài hạn	281.958.000	281.958.000
	2.745.154.579.203	2.875.176.367.967

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phải trả người bán là các bên liên quan	2.503.887.962	235.221.837.338

Chi tiết phải trả bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 11	111.882.590	35.989.081.851
Công ty Cổ phần Vipaco	-	461.235.081
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương Mại Vinaconex	2.392.005.372	293.624.008

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả khi được yêu cầu.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã được hoàn lại/bù trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	34.136.954.876	4.026.774.469	(12.814.097.536)	25.349.631.809
Thuế thu nhập cá nhân	103.226.452	3.089.308	(100.326.452)	5.989.308
Thuế khác	15.332.698.882	42.552.581.795	(46.092.521.723)	11.792.758.954
	49.572.880.210	46.582.445.572	(59.006.945.711)	37.148.380.071

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại	Giảm do thoái vốn tại công ty con VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	85.423.157.681	(2.841.778.026)	836.757.133.274	(832.187.829.188)	87.150.683.741
Thuế thu nhập doanh nghiệp	55.384.634.926	(2.864.462.107)	292.210.974.560	(113.423.585.634)	231.307.561.745
Thuế thu nhập cá nhân	10.653.188.211	(1.314.933.819)	29.137.149.479	(27.349.780.998)	11.125.622.873
Thuế tài nguyên	4.853.312.790	(787.715.648)	48.041.958.349	(46.614.873.307)	5.492.682.184
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	432.324.620.959	-	83.340.236.060	(404.561.194.862)	111.103.662.157
Thuế khác	154.140.619.129	(10.185.666.612)	93.427.318.039	(83.716.038.828)	153.666.231.728
	742.779.533.696	(17.994.556.212)	1.382.914.769.761	(1.507.853.302.817)	599.846.444.428

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

24. Chi phí phải trả

(a) Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Trích trước chi phí hoạt động kinh doanh	628.060.231.885	906.290.735.512
Chi phí lãi vay phải trả	34.771.551.533	66.429.295.717
Trích trước chi phí xây lắp	238.732.738.430	37.132.141.040
Trích trước tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung	-	33.990.384.261
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	56.517.623.674	85.628.753.556
	958.082.145.522	1.129.471.310.086

(b) Chi phí phải trả dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay phải trả	71.414.208.907	66.996.104.523
Các chi phí phải trả dài hạn khác	21.839.094.357	23.459.126.357
	93.253.303.264	90.455.230.880

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu chưa thực hiện

(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Doanh thu nhận trước	28.298.751.239	150.858.271.609
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	48.560.317.255	54.475.006.070
	76.859.068.494	205.333.277.679

(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Doanh thu nhận trước	1.515.934.945.384	1.437.342.110.281
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(48.560.317.255)	(54.475.006.070)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	1.467.374.628.129	1.382.867.104.211

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm tiền thuê đất và văn phòng trả trước mà Tổng Công ty và các công ty con nhận trước từ các bên đi thuê.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Cổ tức phải trả	358.333.798.019	47.622.148.026
Phải trả các tổ đội thi công chi phí thi công công trình	350.540.087.490	350.961.020.672
Phải trả Nhà nước tiền thuế đất dự án HH	141.786.729.072	141.786.729.072
Kinh phí bảo trì các tòa nhà	147.672.820.532	149.772.203.494
Tiền sử dụng đất dự án Kim Văn phải trả Nhà nước	141.786.729.072	-
Phải trả Ngân sách phân chênh lệch thu chi của dự án 15T	25.427.427.421	25.427.427.421
Phải trả huy động vốn thực hiện dự án 97 – 99 Láng Hạ	-	26.000.000.000
Đặt cọc	25.743.838.427	13.795.749.319
Lãi vay phải trả	18.552.118.935	5.434.590.153
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	130.984.406.370	159.993.788.369
	1.340.827.955.338	920.793.656.526

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.399.106.671	1.737.682.750
Các khoản phải trả dài hạn khác	821.500.139	21.000.000
	3.220.606.810	1.758.682.750

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

27. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	Giảm do thoái vốn tại công ty con VND	
Vay ngắn hạn	2.130.731.793.178	5.287.666.848.532	(5.182.652.600.927)	(49.920.000.000)	2.185.826.040.783
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 27(b))	315.933.179.744	348.251.955.151	(399.611.279.301)	-	264.573.855.594
	2.446.664.972.922	5.635.918.803.683	(5.582.263.880.228)	(49.920.000.000)	2.450.399.896.377

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	5,5% - 8,5%	375.560.653.014	691.301.725.527
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6% - 9,5%	1.356.166.709.171	984.286.712.644
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	6,8% - 7,2%	32.715.448.872	69.624.882.783
Ngân hàng TMCP Quân Đội	VND	5,5% - 8%	140.556.630.539	143.284.115.476
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bắc Ninh	VND	8%	-	-
Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn	VND	5,9% - 8,5%	98.480.923.920	93.321.032.251
Công ty Tài chính Cổ phần VINACONEX - VIETTEL	VND	Thả nổi	54.354.054.693	60.391.176.010
Ngân hàng TMCP An Bình	VND	8,5%	-	20.137.708.467
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	VND	7,1% - 9,3%	39.159.840.410	12.899.349.657
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	VND	5,5%	65.476.473.562	-
Vay ngắn hạn từ các ngân hàng, tổ chức khác	VND	4,5% - 8%	15.826.119.771	7.984.664.850
Vay cá nhân	VND	0% - 10%	7.529.186.831	47.500.425.513
			2.185.826.040.783	2.130.731.793.178

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được đảm bảo bằng các khoản tương đương tiền, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và bất động sản đầu tư với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 400 tỷ VND (1/1/2017: 726 tỷ VND) của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 6, 7(a), 13, 15 và 16).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Vay dài hạn (i)	1.818.438.126.984	2.391.172.214.334
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	32.543.866.786	31.612.605.166
	1.850.981.993.770	2.422.784.819.500
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(264.573.855.594)	(315.933.179.744)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.586.408.138.176	2.106.851.639.756

Các công ty con của Tổng Công ty thuê một số tài sản theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, các công ty con này có quyền lựa chọn mua lại những tài sản này với giá ưu đãi. Tài sản thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 14).

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	VND	10,4%	2020	1.061.462.408.373	1.075.751.972.373
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai	VND	6,9% - 11,4%	2020	237.670.095.000	346.854.095.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	VND	Lãi suất 12 tháng + 3%	2018	110.030.000.000	116.961.290.961
Ngân hàng BNP Paribas (*)	USD	LIBOR 6 tháng + 1,85%	2010 - 2020	89.328.255.229	118.629.342.595
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch	VND	9%	2015 - 2022	85.502.428.218	99.589.246.024
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thăng Long	VND	8,5% - 12%	2013 – 2019	55.141.526.292	16.928.509.722
Kho bạc Nhà nước Hà Nội	VND	0%		42.000.000.000	42.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	VND	Thả nổi	2020	37.064.771.160	8.778.311.000
Ngân hàng Natexis (*)	USD	LIBOR + 2,35%	2007 - 2018	15.434.485.183	46.455.073.709
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây	VND	9% - 11,5%	2015 – 2020	12.750.606.000	16.308.606.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành	VND	7,9% - 11,2%	2014 – 2020	7.084.987.200	49.301.701.150
Ngân hàng phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	-	-	-	185.752.837.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Hồ	VND	-	-	-	55.149.363.127
Công ty Tài chính Cổ phần Vinaconex - Viettel	VND	-	-	-	36.310.428.697
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	VND	-	-	-	35.303.313.442
Vay dài hạn từ các ngân hàng, tổ chức khác	VND	4% - 14%	2019-2022	64.968.564.329	141.098.123.534
				1.818.438.126.984	2.391.172.214.334
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(264.573.855.594)	(315.933.179.744)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				1.553.864.271.390	2.075.239.034.590

(*) Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas và Ngân hàng Natexis được bảo lãnh bởi Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam thông qua Bộ Tài chính Việt Nam.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay khác từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình, chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.395 tỷ VND (1/1/2017: 3.831 tỷ VND) của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 13, 17 và 18).

(ii) Nợ thuê tài chính dài hạn

Thể hiện khoản nợ thuê tài chính Hệ thống cấp nước phía Tây Nam, Thành phố Hà Nội của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh nước sạch (“Viwaco”) với Công ty TNHH Một thành viên Nước sạch Hà Nội.

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nợ thuê tài chính	32.543.866.786	31.612.605.166

28. Các khoản dự phòng

(a) Dự phòng phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Dự phòng bảo hành	151.704.546.478	28.357.341.491

(b) Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Bảo hành VND
Số dư đầu năm	208.854.154.046
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(21.922.792.873)
Phân loại lại sang Dự phòng phải trả ngắn hạn	(149.454.001.589)
Dự phòng sử dụng trong năm	(3.106.327.921)
Số dư cuối năm	34.371.031.663

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện dự phòng bảo hành được Tổng Công ty các công ty con trích lập theo yêu cầu của Luật Nhà ở năm 2006.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

29. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	16.591.822.910	20.678.126.445
Trích lập trong năm	71.069.509.993	48.669.298.180
Sử dụng trong năm	(60.062.832.284)	(52.755.601.715)
Giảm do thoái vốn tại công ty con	(2.497.798.092)	-
Số dư cuối năm	25.100.702.527	16.591.822.910

30. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Nguồn kinh phí VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	4.417.106.730.000	355.104.902.000	4.479.904.715	514.723.776.677	3.303.640.664	347.461.010.369	1.430.664.161.921	255.323.620.334	7.328.167.746.680
Lợi nhuận thuần trong năm – đã báo cáo trước đây	-	-	-	-	-	483.557.362.972	203.559.865.445	-	687.117.228.417
Điều chỉnh theo báo cáo của Kiểm toán Nhà nước (Thuyết minh 49)	-	-	-	-	-	16.029.269.387	9.478.746.007	-	25.508.015.394
Lợi nhuận thuần trong năm – điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	499.586.632.359	213.038.611.452	-	712.625.243.811
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	-	-	-	(3.938.584.619)	(2.567.875.381)	-	(6.506.460.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(33.840.411.384)	(14.828.886.796)	-	(48.669.298.180)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(349.592.795)	-	-	-	-	(349.592.795)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	(309.197.471.100)	(126.236.329.563)	-	(435.433.800.663)
Ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố ở các công ty liên kết	-	-	-	-	-	15.675.691.184	-	-	15.675.691.184
Giảm khác (*)	-	-	-	-	(96.268.932)	-	-	(117.476.117.624)	(117.572.386.556)
Tăng khác (**)	-	-	5.720.038	35.919.046	-	5.597.362.639	2.825.910.425	23.866.435.301	32.331.347.449
Số dư tại ngày 1/1/2017 – điều chỉnh lại	4.417.106.730.000	355.104.902.000	4.485.624.753	514.410.102.928	3.207.371.732	521.344.229.448	1.502.895.592.058	161.713.938.011	7.480.268.490.930
Tăng vốn từ cổ đông không kiểm soát trong năm	-	-	-	-	-	-	72.223.249.680	-	72.223.249.680
Giảm vốn cho cổ đông không kiểm soát trong năm	-	-	-	-	-	-	(1.105.500.000)	-	(1.105.500.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.341.382.409.251	287.755.978.564	-	1.629.138.387.815
Chi lương thành viên HĐQT, BKS không chuyên trách	-	-	-	-	-	(3.504.688.406)	(2.078.729.648)	-	(5.583.418.054)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(47.339.933.542)	(23.729.576.451)	-	(71.069.509.993)
Sử dụng các quỹ	-	-	2.533.033.371	(2.911.193.051)	-	-	(162.068.435)	-	(540.228.115)
Cổ tức (Thuyết minh 32)	-	-	-	-	-	(706.737.076.800)	(75.314.693.680)	-	(782.051.770.480)
Giảm do thoái vốn tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	(498.103.974.871)	-	(498.103.974.871)
Điều chỉnh do giảm tỷ lệ sở hữu tại các công ty con	-	-	-	-	-	10.094.670.212	93.763.874.788	-	103.858.545.000
Giảm khác (*)	-	-	-	(745.396.335)	-	(15.577.231.027)	-	(58.841.455.800)	(75.164.083.162)
Tăng khác (**)	-	157.136.872	29.259.432	-	429.607.591	-	1.605.082.856	3.988.416.482	6.209.503.233
Số dư tại ngày 31/12/2017	4.417.106.730.000	355.262.038.872	7.047.917.556	510.753.513.542	3.636.979.323	1.099.662.379.136	1.357.749.234.861	106.860.898.693	7.858.079.691.983

Tăng giảm khác của Nguồn kinh phí chủ yếu thể hiện:

- (*) Chủ yếu thể hiện giá trị phần chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án đường Láng Hòa Lạc, là dự án do Ngân sách nhà nước cấp kinh phí, đã được quyết toán và đã được phê duyệt bởi các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- (**) Thể hiện nguồn nguồn kinh phí do Ngân sách Nhà nước cấp để (i) Tổng Công ty tiếp tục thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng của Dự án đường Láng Hòa Lạc và (ii) chi phí hoạt động cho các trường mầm non, tiểu học, trung học, trung cấp, là đơn vị phụ thuộc của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	441.710.673	4.417.106.730.000
Vốn cổ phần đã phát hành và số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	441.710.673	4.417.106.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

32. Cổ tức

Ngày 28 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông theo tỷ lệ 8% bằng tiền mặt, tương đương 353.369 triệu VND (2016: tỷ lệ 7% bằng tiền mặt, tương đương 309.197 triệu VND).

Ngày 14 tháng 12 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty đã thông qua phương án tạm ứng cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo tỷ lệ 8% bằng tiền mặt, tương đương 353.369 triệu VND. Theo đó, ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận cổ tức là ngày 28 tháng 12 năm 2017.

33. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang Vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.087.780.534	6.733.292.672
Trong vòng hai đến năm năm	21.626.052.113	23.720.161.258
Sau năm năm	31.620.227.656	33.704.295.004
	59.334.060.303	64.157.748.934

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty và các công ty con có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	155.200.000.000	28.476.000.000

(c) Ngoại tệ các loại

		31/12/2017		1/1/2017
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.651.516	196.076.611.171	13.597	310.803.908
JPY	90.751	18.191.038	2.951.970	572.652.661
EUR	776	21.761.514	906	22.687.078
		196.116.563.723		906.143.647

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

35. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu hoạt động xây lắp	6.023.815.253.003	5.443.310.579.275
▪ Doanh thu kinh doanh bất động sản	2.164.673.837.808	882.751.678.417
▪ Doanh thu sản xuất công nghiệp	1.668.595.920.517	1.013.804.328.228
▪ Doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1.040.713.925.375	1.208.578.236.328
	10.897.798.936.703	8.548.444.822.248
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(222.418.434)	(16.723.525)
▪ Hàng bán bị trả lại	(61.377.789)	(587.133.570)
	(283.796.223)	(603.857.095)
	10.897.515.140.480	8.547.840.965.153

36. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Hoạt động xây lắp	5.638.970.779.079	5.093.393.743.356
▪ Kinh doanh bất động sản	1.629.405.525.392	582.748.216.907
▪ Sản xuất công nghiệp	1.097.419.374.895	859.660.066.971
▪ Cho thuê, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	770.051.832.002	553.959.700.978
▪ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(14.502.901.642)	1.043.756.606
▪ Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây dựng	8.248.484.517	19.038.762.509
	9.129.593.094.243	7.109.844.247.327

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	178.183.622.652	145.629.977.245
Lãi từ thanh lý công ty liên kết	71.888.134.287	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	1.097.640.000	153.700.000
Cổ tức được chia	932.427.000	721.374.000
Lãi do thoái vốn tại các công ty con	757.246.648.898	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	518.402.467	43.369.707.266
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.133.519.405	8.734.428.285
	1.015.000.394.709	198.609.186.796

38. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Chi phí lãi vay	285.076.948.138	282.360.078.215
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	8.446.415.178	(21.875.595.604)
Lỗ từ thanh lý công ty liên kết	-	5.988.702
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	6.298.220.340
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.508.077.832	18.881.285.306
Chi phí tài chính khác	7.949.703.357	4.646.521.014
	305.981.144.505	290.316.497.973

39. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	24.369.118.391	19.779.718.106
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.501.200.240	8.101.852.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.642.718.192	5.312.551.384
Chi phí nguyên vật liệu	12.645.192.603	6.552.479.002
Chi phí bằng tiền khác	48.491.058.798	7.286.767.071
	99.649.288.224	47.033.367.906

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Chi phí nhân viên	297.882.596.816	263.074.439.581
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.438.341.251	24.622.360.305
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.451.916.508	34.250.333.878
Thuế, phí và lệ phí	3.592.620.301	8.891.504.031
Chi phí đồ dùng văn phòng	7.338.739.920	6.382.300.632
Trích lập chi phí dự phòng phải thu khó đòi	41.515.752.608	50.163.307.706
Chi phí nguyên vật liệu	2.289.856.931	2.902.597.075
Phân bổ lợi thế kinh doanh	6.527.611.637	6.460.018.825
Chi phí bằng tiền khác	105.178.696.639	99.186.201.643
	533.216.132.611	495.933.063.676

41. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Lãi do thanh lý tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang	28.037.800.865	48.038.269.894
Tiền phạt thu được từ các đơn vị khác	5.708.524.836	1.242.510.175
Lãi do đánh giá lại tài sản dùng góp vốn đầu tư	4.307.903.503	-
Lãi từ giao dịch mua rẻ phát sinh từ việc mua công ty con	-	6.960.297.116
Lãi do đánh giá lại tài sản dùng góp vốn vào công ty con nắm giữ chờ thanh lý	-	8.990.850.934
Hoàn nhập dự phòng bảo hành các tòa chung cư	17.303.197.612	-
Các khoản khác	27.013.865.675	17.363.760.278
	82.371.292.491	82.595.688.397

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

42. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	1.595.690.054	5.940.579.949
Các khoản phạt thuế	40.717.867.659	31.800.846.212
Các khoản khác	29.251.356.767	20.189.728.221
	71.564.914.480	57.931.154.382

43. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	4.623.012.349.736	3.789.718.561.386
Chi phí nhân công	1.973.061.852.484	1.538.631.004.237
Chi phí khấu hao	370.191.896.585	386.755.067.868
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.633.540.736.041	2.426.101.070.561
Chi phí khác	767.238.068.550	1.076.815.890.793

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

44. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	286.910.146.392	85.066.750.518
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.300.828.168	30.553.879.204
	292.210.974.560	115.620.629.722
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	30.140.176.075	8.607.329.141
	322.351.150.635	124.227.958.863

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.951.489.538.450	836.853.202.674
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	390.297.907.690	167.370.640.535
Ưu đãi thuế	(38.431.503.686)	(29.045.792.754)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các công ty con	(25.148.021.632)	(17.166.224.057)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với hoạt động giáo dục	(1.646.790.714)	(1.567.244.690)
Thu nhập không bị tính thuế	(186.485.400)	(144.274.800)
Chi phí không được khấu trừ thuế	12.825.284.254	15.388.508.008
Lỗ tính thuế được sử dụng	(55.064.972.842)	(35.833.197.210)
Ảnh hưởng của thay đổi đối với tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	34.404.904.797	(5.328.335.373)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	5.300.828.168	30.553.879.204
	322.351.150.635	124.227.958.863

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% - 20% trên lợi nhuận tính thuế của các hoạt động chính và 10% trên lợi nhuận tính thuế của hoạt động giáo dục.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

45. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017	2016 Điều chỉnh lại
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	1.341.382.409.251	499.586.632.359
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	1.341.382.409.251	499.586.632.359
Cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm (số cổ phiếu)	441.710.673	441.710.673
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.037	1.131

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do Đại hội cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này cho năm 2017. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi, và do đó lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

46. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty liên doanh, liên kết		
Bán hàng		
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	325.471.008.741	21.052.068.958
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex – Taisei	-	13.441.798.607
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	1.514.896.951	2.054.133.614
Công ty Cổ phần Xi măng Cẩm Phả	452.301.814	543.775.126
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	1.082.708.741	700.919.000
Công ty Cổ phần đầu tư BOT Hà Nội - Bắc Giang	170.529.784	168.550.175.496
Công ty Cổ phần Vipaco	654.459.465	-
Mua hàng		
Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đô thị mới An Khánh	2.878.023.351	-
Công ty Cổ phần Nhân lực và Thương Mại Vinaconex	69.626.564.825	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 11	16.052.994.178	2.817.371.311
Công ty Cổ phần Ống sợi Thủy tinh Vinaconex	1.500.309.088	4.051.751.055
Thành viên Ban Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	8.055.419.000	6.257.346.890
Thành viên Hội đồng Quản trị chuyên trách		
Tiền lương và thưởng	2.052.025.025	3.647.585.296

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

47. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017 VND	2016 VND Điều chỉnh lại
Phải thu về cho vay ngắn hạn bù trừ với vay ngắn hạn	39.521.359.660	38.742.506.485
Phải thu về cho vay bù trừ với các khoản phải trả	4.281.390.540	5.103.749.634
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư bù trừ với các khoản phải trả	122.256.705.717	-
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư bù trừ với người mua trả tiền trước	379.500.000.000	-
Lãi nhập gốc đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.998.782.418	1.257.208.959
Phân loại từ hàng tồn kho sang xây dựng cơ bản dở dang	50.911.396.182	55.026.211.659
Phân loại từ hàng tồn kho sang tài sản cố định hữu hình	843.581.072	-
Phân loại từ BĐS đầu tư sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ngắn hạn	2.401.954.530	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác chưa thu được tiền	1.000.000.000	10.105.362.570
Góp vốn đầu tư bằng tài sản	10.897.936.813	-
Nguyên giá của tài sản cố định do Tổng Công ty nhận được thông qua hình thức thuê tài chính	5.717.629.864	-
Phân loại từ xây dựng cơ bản dở dang sang chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	-	79.598.931.079
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang bằng khoản chi phí phải trả	-	7.562.220.374
Chuyển khoản vay ngắn hạn sang doanh thu chưa thực hiện – quyền sử dụng diện tích văn phòng tương ứng tại Dự án Đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại chợ Mơ	-	282.041.830.000
Góp vốn vào công ty con bằng tài sản	-	7.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác phân loại sang phải thu về cho vay ngắn hạn	-	976.483.690
Đầu tư vào công ty con bù trừ với khoản thuế phải nộp từ chuyển nhượng dự án	-	13.900.230.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bù trừ với các khoản phải thu	-	3.590.968.818
Lãi cho vay được nhập vào gốc trên đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1.259.379.159
Cho công ty con vay bằng tài sản	-	208.806.066
Cho công ty con vay bằng hàng tồn kho	-	6.751.813.580
Khấu hao tài sản thuê tài chính ghi giảm nợ thuê tài chính theo ý kiến của Kiểm toán Nhà nước	-	2.360.958.067

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

48. Các khoản nợ tiềm tàng

Ngày 18 tháng 3 năm 2005, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 56/2005/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thí điểm cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam. Sau khi hoàn thành cổ phần hóa, ngày 20 tháng 1 năm 2006, Tổng Công ty đã chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần và đổi tên thành Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam. Năm 2008, Thanh tra Chính phủ đã tiến hành thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam và kiến nghị lên Thủ tướng Chính phủ một số nội dung liên quan đến việc xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa. Kết luận của Thanh tra Chính phủ được Thủ tướng giao cho Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội báo cáo và đề xuất xử lý kiến.

Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 16 tháng 6 năm 2016 của Văn phòng Chính phủ nêu “ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng Trương Hòa Bình tại cuộc họp xử lý sau thanh tra việc cổ phần hóa Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam” có đề cập một số vấn đề đã được nêu trong báo cáo của Thanh tra Chính phủ. Thông báo này yêu cầu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và Bộ Tư pháp khẩn trương thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ để thu tiền sử dụng đất đối với diện tích các nhà nổi của Tổng Công ty xây trên đất lưu không tại Khu đô thị mới Trung Hòa - Nhân Chính. Thông báo này cũng yêu cầu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hà Nội và Tổng Công ty có chính sách hỗ trợ phúc lợi phù hợp cho cộng đồng dân cư sống ở khu vực này.

Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc, giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc thực hiện ý kiến kết luận của Phó Thủ tướng. Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề nêu trên do có các yếu tố chưa chắc chắn, theo đó Tổng Công ty chưa xác định được ảnh hưởng của các vấn đề này đến nghĩa vụ của Tổng Công ty một cách đáng tin cậy.

49. Số liệu so sánh

Trừ trường hợp được thuyết minh dưới đây, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 25 tháng 1 năm 2018, Kiểm toán Nhà nước đã công bố kết quả kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm 2016, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày. Kết quả của Kiểm toán Nhà nước có một số thay đổi so với số liệu báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	1/1/2017 VND (điều chỉnh lại)	1/1/2017 VND (theo báo cáo trước đây)
Các khoản tương đương tiền	418.788.758.172	443.988.758.172
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	1.384.045.625.119	1.385.545.625.119
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.017.896.271.641	4.016.694.540.640
Phải thu ngắn hạn khác	733.298.256.118	701.292.573.012
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	(403.226.107.584)	(403.925.261.606)
Hàng tồn kho	4.134.729.658.361	4.093.086.182.061
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(24.983.772.221)	(27.290.985.232)
Tài sản cố định hữu hình – Nguyên giá	5.394.503.616.104	5.393.673.843.045
Tài sản cố định hữu hình – Giá trị hao mòn lũy kế	(2.146.350.601.372)	(2.146.684.344.523)
Tài sản cố định vô hình – Giá trị hao mòn lũy kế	(11.202.062.091)	(11.179.031.389)
Xây dựng cơ bản dở dang	823.207.937.646	837.110.659.423
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(46.598.209.103)	(50.089.725.517)
Chi phí trả trước dài hạn	211.328.651.315	208.702.209.691
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	2.038.807.635.817	2.039.067.880.817
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	742.779.533.696	297.719.502.584
Chi phí phải trả ngắn hạn	1.129.471.310.086	1.132.062.149.261
Phải trả ngắn hạn khác	920.793.656.526	1.459.036.398.886
Dự phòng phải trả ngắn hạn	28.357.341.491	29.597.471.905
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16.591.822.910	16.682.264.910
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	1.382.867.104.211	1.379.627.772.559
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	2.106.851.639.756	1.993.721.639.756
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	521.344.229.448	505.314.960.061
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	1.502.895.592.058	1.493.416.846.051

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2016 VND (điều chỉnh lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	8.548.444.822.248	8.533.781.553.597
Giá vốn hàng bán	7.109.844.247.327	7.136.000.782.657
Chi phí tài chính	290.316.497.973	295.834.305.333
Chi phí quản lý doanh nghiệp	495.933.063.676	495.646.765.047
Thu nhập khác	82.595.688.397	94.692.255.560
Chi phí khác	57.931.154.382	57.928.702.202
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	115.620.629.722	107.176.351.747
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	499.586.632.359	483.557.362.972
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	213.038.611.452	203.559.865.445
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.131	1.095

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

	2016 VND (điều chỉnh lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	836.853.202.674	802.900.909.305
Khấu hao và phân bổ	386.133.642.970	386.444.355.419
Các khoản dự phòng	49.181.867.086	56.919.880.948
Biến động các khoản phải thu	135.784.219.942	167.491.634.049
Biến động hàng tồn kho	(1.558.343.434.033)	(1.529.359.214.534)
Biến động các khoản phải trả	1.409.974.334.156	1.398.083.075.902
Biến động chi phí trả trước	(40.245.808.846)	(37.619.367.222)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(168.719.128.918)	(168.628.686.918)
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	(460.316.792.968)	(460.730.484.886)

Người lập:

28-03-2018

Người duyệt:



Trần Thị Kim Oanh
Kế toán



Vũ Nhất
Kế toán trưởng



Đỗ Trọng Quỳnh
Tổng Giám đốc



Xây những giá trị, dựng những ước mơ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ XÂY DỰNG VIỆT NAM
VIETNAM CONSTRUCTION AND IMPORT - EXPORT JOINT STOCK CORPORATION

Địa chỉ: Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, P. Láng Hạ, Q. Đống Đa, TP Hà Nội, Việt Nam

Đt: (84-4) 6284 9234

Fax: (84-4) 6284 9208

Email: info@vinaconex.com.vn

Website: vinaconex.com.vn